

Số tháng Mười, 2022 | Đài Loan

LUẬT KHOA

tạp chí

Những điều
bạn có thể
chưa biết về

**TIẾNG
ĐÀI LOAN**

**ĐÀI LOAN
LƯỢC SỬ**

Phóng sự
Những người cùng
khổ ở Đắc Nông

*Độc sách cùng
Đoan Trang*
Làm thế nào
để kiến tạo
một quốc gia
dân chủ?

ĐÀI LOAN:
quốc gia tình cờ

**CHÍNH
SÁCH
MỘT
TRUNG
QUỐC**

CỦA ĐÀI LOAN
kéo lùi nước này
ra sao?

Khi chế độ
độc tài tắt thở:
Tôn giáo
Đài Loan
chuyển mình
tự do như
thế nào?

Có thể bạn chưa đến
Đại Đạo Trình:
nơi lịch sử bắt đầu

Luật Khoa tạp chí là một dự án
của Sáng kiến Pháp lý Việt Nam
(Legal Initiatives for Vietnam),
một tổ chức phi lợi nhuận đăng ký ở
California, Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Địa chỉ đăng ký tại Hoa Kỳ: 1520 E. Covell
Suite B5 - 426, Davis, CA 95616.

Văn phòng chính: Đài Bắc, Đài Loan.

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long.
Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi,
Phạm Đoàn Trang.

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về:
bbt@mail.luatkhoa.org.

© Từ 2014

Luật Khoa tạp chí
Số tháng Mười, 2022
- Đài Loan
Phát hành ngày 06/10/2022.

Giá bán: US\$5

Luật Khoa là tạp chí phi lợi nhuận.
Toàn bộ doanh thu được tái đầu tư
để phát triển tạp chí.

Mua tại: store.luatkhoa.com

LỜI TÒA SOẠN:

Bạn đang đọc sản phẩm thứ hai trong các số báo định kỳ sẽ xuất bản hàng tháng, theo mô hình hoạt động mới của Luật Khoa.

Mỗi tháng, Luật Khoa chọn ra một chủ đề lớn để tập trung các bài viết giới thiệu và phân tích, nhằm giúp bạn đọc có một cái nhìn đủ rộng và đủ dày về nó. Ngoài ra, số báo tháng cũng sẽ dành đất cho những chuyên mục thường xuyên được nhiều bạn đọc quan tâm.

Trong số báo tháng đầu tiên, chủ đề được chọn là dữ liệu cá nhân, một vấn đề quan trọng ảnh hưởng sát sườn đến tất cả chúng ta nhưng người dân trong nước gần như không có cơ hội nào được thảo luận, chưa nói đến việc có quyền tham gia quyết định.

Đó là một trong những mảng chính mà Luật Khoa đã, đang và sẽ tiếp tục dành nguồn lực theo đuổi: các vấn đề chính trị, pháp luật và xã hội ở Việt Nam, đi kèm với việc giám sát các hoạt động của nhà nước.

Một mảng khác thuộc về nhóm đề tài truyền thống xưa nay của Luật Khoa là các vấn đề quốc tế, trong đó tập trung vào những nước có nhiều liên hệ và các bài học gần gũi cho quá trình dân chủ hóa tại Việt Nam. Đây là chủ đề của số báo tháng này.

Có nhiều lý do để Đài Loan được lựa chọn làm chủ đề chính của số báo tháng Mười.

Đó một phiên bản khác biệt, nếu không muốn nói là trái ngược với người hàng xóm Trung Quốc của chúng ta. Người Đài Loan cũng từng phải sống dưới chế độ độc tài trong một thời gian dài. Nhiều thế hệ tinh anh, kiệt xuất của họ hoặc bị sát hại, tù đầy hoặc phải sống lưu vong.

Chỉ mới vài thập niên trước, người dân đảo quốc này luôn phải sống trong sợ hãi, ở bên ngoài thì không dám bày tỏ chính kiến, ở trong

nhà cũng không được làm chính mình. Cha mẹ không dám kể lại những tội ác của chính quyền cho con cái, còn những đứa trẻ không được biết gì ngoài những bài học tẩy não trong nhà trường.

Vậy nhưng từng bước, từng bước một, họ vẫn tìm ra được cách bước ra khỏi bóng tối.

Lịch sử Đài Loan là một lịch sử đầy biến động với những sự kiện ngẫu nhiên được áp lên nơi này. Một vùng đất của di dân. Một hòn đảo nhiều thế kỷ bị các vương triều chê bai không ngó ngang tới. Rồi thực dân phương Tây xuất hiện. Rồi các thế lực khác đến tranh giành, nhưng chỉ xem nơi đây là bàn đạp cho những tham vọng lớn hơn. Đến khi Quốc Dân Đảng thua trận rút về Đài Loan, hòn đảo nhỏ này bỗng dưng phải gánh lấy toàn bộ sức nặng của một Trung Hoa Dân Quốc đang dờ. Và sau hàng thế kỷ sống dưới các danh tính áp đặt, từ cả bên trong lẫn bên ngoài, người Đài Loan đang dần hình thành một danh tính riêng biệt.

Mọi thứ ở nơi này đều diễn ra ngẫu nhiên không theo sắp đặt. Như cách tác giả Lâm Hiếu Đình (Hsiao-ting Lin) gọi trong quyển sách cùng tên, Đài Loan đích thực là một “quốc gia tình cờ” (accidental state).

Nếu có dịp đến Đài Loan, bạn sẽ không thể nhận ra sự ngột ngạt, sợ hãi và tù túng, vốn từng một thời là đặc trưng của chế độ thiết quân luật tại đây.

Thay vào đó, Đài Loan ngập tràn không khí sôi động của tự do và dân chủ.

Số báo này hy vọng sẽ gửi đến cho bạn một phần thứ sinh khí tươi mới đó.

Mọi góp ý, thắc mắc xin gửi tới:
bbt@mail.luatkhoa.org

Trân trọng cảm ơn,
Ban biên tập Luật Khoa tạp chí

CHUYÊN ĐỀ

- 04** *Đội ngũ Luật Khoa*
Lịch sử Đài Loan: các mốc thời gian chính
- 06** *Trịnh Hữu Long*
Đài Loan lược sử
- 18** *Trịnh Hữu Long*
7 điều cơ bản về an ninh và quan hệ quốc tế của Đài Loan
- 22** *Tài Nhân*
Có thể bạn chưa đến Đại Đạo Trình: Nơi lịch sử bắt đầu
- 27** *Mẫn Nhi*
Những điều bạn có thể chưa biết về tiếng Đài Loan
- 32** *Nguyễn Quốc Tấn Trung*
“Một Trung Quốc” qua các đời tổng thống Hoa Kỳ

- 49** *Y Chan*
Chính sách “một Trung Quốc” của Đài Loan kéo lùi nước này ra sao?
- 55** *Y Chan*
Đài Loan trong hơn ba thập niên dân chủ hóa: Căn tính dân tộc mới, và nhận thức khác về Trung Quốc
- 64** *Văn Tâm*
Khi chế độ độc tài tắt thở: Tôn giáo ở Đài Loan đã chuyển mình tự do như thế nào?

KHÁC

- 72** *Trịnh Hữu Long*
Độc sách cùng Đoan Trang
Làm thế nào để kiến tạo một quốc gia dân chủ?
- 75** *Nguyễn Quốc Tấn Trung*
Tiếng Anh
Hạn chế của Việt ngữ: Dân tộc – quốc gia – nhà nước
- 81** *Trần Phương*
Phóng sự
Những người cùng khổ ở Đắk Nông
- 92** *Võ Văn Quân*
Việt Nam Cộng hòa
8 điều đáng chú ý về Hiến pháp 1956 của Việt Nam Cộng hòa

TRƯỚC THẾ KỶ 17

Cư dân bản địa và những nhóm di dân từ Trung Quốc và Nhật Bản sinh sống trên đảo lớn cùng các đảo nhỏ tại đây. Chưa có chính quyền tập trung nào hình thành.

Bộ tộc Bunun ở Đài Loan những năm 1900.
Nguồn: Wikipedia.



Chân dung Trịnh Thành Công.
Nguồn: Wikipedia.



LỊCH SỬ ĐÀI LOAN

NĂM 1662

Trịnh Thành Công đánh bại người Hà Lan, thiết lập chính quyền theo triều đình nhà Minh.

CÁC MỐC THỜI GIAN CHÍNH

NĂM 1517

Người Bồ Đào Nha đi ngang qua eo biển Đài Loan, gọi tên nơi này là "Ilha Formosa", tức "mỹ lệ đảo" hay "hòn đảo xinh đẹp". Formosa về sau trở thành một trong những tên gọi chính thức dành cho Đài Loan.



Bản đồ Mỹ Lệ Đảo năm 1640.
Nguồn: Wikipedia.

NĂM 1622

Người Hà Lan chiếm cứ đảo Bành Hồ (Penghu).

NĂM 1626

Người Tây Ban Nha chiếm Cơ Long (Keelung), nằm ở khu vực Đông Bắc của đảo Đài Loan.

NĂM 1642

Hà Lan đánh đuổi Tây Ban Nha, thiết lập chế độ thực dân.

NĂM 1683

Triều đình Mãn Thanh chiếm được Đài Loan.



Buổi kí kết Hiệp ước Shimonoseki.
Nguồn: Wikipedia.



Chân dung Tưởng Giới Thạch.
Nguồn: Wikipedia.

NĂM 1945

Nhật thua trận trong Thế chiến II, trả lại Đài Loan cho Trung Quốc, lúc này do Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch nắm quyền.

NĂM 1895

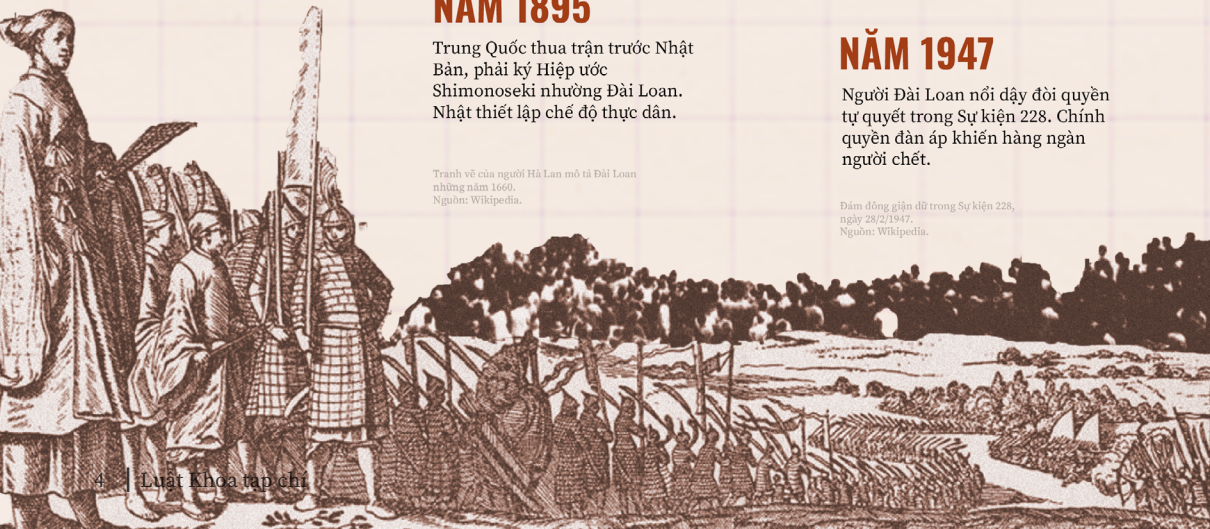
Trung Quốc thua trận trước Nhật Bản, phải ký Hiệp ước Shimonoseki nhường Đài Loan. Nhật thiết lập chế độ thực dân.

Tranh vẽ của người Hà Lan mô tả Đài Loan những năm 1660.
Nguồn: Wikipedia.

NĂM 1947

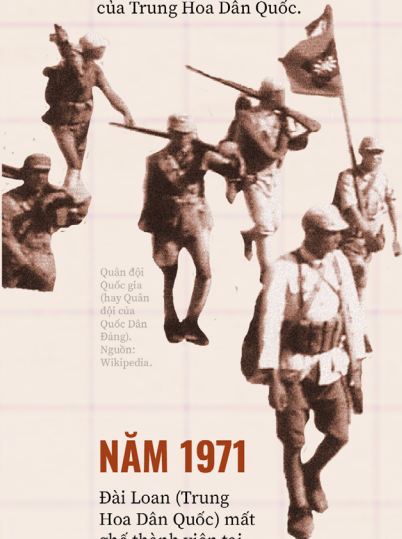
Người Đài Loan nổi dậy đòi quyền tự quyết trong Sự kiện 228. Chính quyền đàn áp khiến hàng ngàn người chết.

Đám đông giận dữ trong Sự kiện 228, ngày 28/2/1947.
Nguồn: Wikipedia.



NĂM 1949

Quốc Dân Đảng thua trong cuộc nội chiến với Đảng Cộng sản Trung Quốc, phải rút về Đài Loan. Tưởng Giới Thạch ban hành chế độ thiết quân luật, xem Đài Loan là cứ địa của Trung Hoa Dân Quốc.



Quân đội Quốc gia (hay Quân đội của Quốc Dân Đảng).
Nguồn: Wikipedia.

NĂM 1971

Đài Loan (Trung Hoa Dân Quốc) mất ghế thành viên tại Liên Hiệp Quốc, bị Trung Quốc (Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa) thế chỗ.

NĂM 1975

Tướng Giới Thạch qua đời. Con trai Tưởng Kinh Quốc tiếp quản quyền lực.

Chân dung Tưởng Giới Thạch và con trai Tưởng Kinh Quốc.
Nguồn: Wikipedia.



NĂM 1979

Sự kiện đàn áp biểu tình ở Cao Hùng - hay còn gọi là Sự kiện Formosa - nổ ra, đánh dấu bước ngoặt của phong trào đòi lập.

NĂM 1986

Dân Tiến Đảng ra đời, tập hợp các thành viên thuộc phong trào đối lập.

NĂM 1987

Chế độ thiết quân luật được bãi bỏ.

NĂM 1988

Lệnh cấm thành lập đảng phái và báo chí được gỡ bỏ. Tưởng Kinh Quốc qua đời. Lý Đăng Huy, một người sinh ra tại Đài Loan, tiếp quản vị trí tổng thống.

NĂM 1990

Giới sinh viên tổ chức cuộc biểu tình Hoa Ly Ly Rừng. Tổng thống Lý Đăng Huy nhượng bộ, thực hiện các cải cách dân chủ.



NĂM 1992

Cuộc gặp bí mật giữa đại diện của Quốc Dân Đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc diễn ra. "Đồng thuận 1992" về chính sách "một Trung Quốc" được ra đời.

NĂM 1995-1996

Khủng hoảng eo biển Đài Loan. Trung Quốc tập trận, bắn tên lửa đe dọa.



Chân dung Lý Đăng Huy.
Nguồn: Wikipedia.



NĂM 1996

Bầu cử trực tiếp tổng thống lần đầu tiên. Lý Đăng Huy của Quốc Dân Đảng đắc cử.

NĂM 2000

Bầu cử tổng thống. Trần Thủy Biển đắc cử. Dân Tiến Đảng đối lập lần đầu nắm chính quyền.

NĂM 2004

Bầu cử tổng thống. Trần Thủy Biển tái đắc cử.

Biểu tượng của phong trào Hoa Ly Ly Rừng.
Nguồn: myhero.com



Chân dung Trần Thủy Biển.
Nguồn: Wikipedia.

NĂM 2008

Bầu cử tổng thống. Mã Anh Cửu của Quốc Dân Đảng thắng cử. Cùng thời gian, biểu tình lớn xuất hiện tại Tây Tạng. Trung Quốc tiến hành đàn áp.



Chân dung Mã Anh Cửu.
Nguồn: Wikipedia.

NĂM 2012

Bầu cử tổng thống. Mã Anh Cửu tái đắc cử.

NĂM 2014

Phong trào biểu tình Hoa Hướng Dương phản đối hiệp định thương mại với Trung Quốc.

NĂM 2016

Bầu cử tổng thống. Thái Anh Văn của Dân Tiến Đảng trúng cử.

Biểu tình tại Hồng Kông năm 2019.
Nguồn: Wikipedia.



NĂM 2019

Biểu tình lớn tại Hong Kong phản đối hiệp ước dẫn độ với Trung Quốc. Bắc Kinh đàn áp phong trào dân chủ tại thành phố.

NĂM 2020

Bầu cử tổng thống. Thái Anh Văn tái đắc cử.

Chân dung Thái Anh Văn.
Nguồn: Wikipedia.



Những người ủng hộ phong trào Hoa Hướng Dương.
Nguồn: Wikipedia.

ĐÀÌ LOAN

LƯỢC
SỬ



Trịnh Hữu Long

Loạt bài được đăng lần đầu
trên luatkhoa.org vào các ngày
25/9 (phần 1), 2/10 (phần 2) và
16/10/2021 (phần 3).

Có sửa đổi so với bản đăng lần đầu.

PHẦN 1: THÂN PHẬN THUỘC ĐỊA

Hòn đảo xinh đẹp từng có một quá khứ rất nhọc nhằn.

Người Việt Nam ngày nay biết tới Đài Loan như là mảnh đất lành cho lao động phổ thông và cho cả những cô dâu Việt Nam. Nhiều người cũng biết Đài Loan có một mối quan hệ căng thẳng và phức tạp với Trung Quốc, và rằng Đài Loan là một nước dân chủ thịnh vượng.

Nhưng hòn đảo xinh đẹp này từng có một quá khứ rất nhọc nhằn. Sử gia J. Bruce Jacobs tổng kết rằng tồn tại một góc nhìn lịch sử Đài Loan thời kỳ trước năm 1988 là lịch sử thuộc địa, khi hòn đảo này chịu sự cai trị của sáu thế lực thực dân, bao gồm cả chế độ độc tài của Quốc Dân Đảng. [1] Góc nhìn này đặc biệt được nhiều người Đài Loan bản địa chia sẻ, trong đó có nhà đấu tranh nổi tiếng Su Beng, người được mệnh danh là cha đẻ của phong trào đòi độc lập cho Đài Loan. [2] Còn với người Trung Quốc di cư từ đại lục sang vào cuối thập niên 1940 thì dĩ nhiên là không.

Bộ tộc Bunun ở Đài Loan, đầu thế kỷ XX.
Nguồn: wikipedia.org.

Các nghiên cứu địa lý cho thấy Đài Loan từng gắn liền với châu Á lục địa, cùng với cả đảo Hải Nam. Tuy vậy, quá trình tan băng sau Kỳ Băng Hà cách đây 12 ngàn năm đã khiến mực nước biển dâng cao và chia cắt vùng này với phần còn lại của châu Á. [3]

Trước năm 1624, Đài Loan – dù chỉ là một hòn đảo nhỏ – không phải là một dân tộc thống nhất, mà bao gồm rất nhiều bộ tộc sinh sống rải rác khắp nơi, chủ yếu sống bằng nghề săn bắn, trồng trọt. Nhiều bộ



tộc trong đó có cùng gốc gác ngôn ngữ Nam Đảo (Austronesian) với người Cham ở miền Trung Việt Nam cũng như nhiều sắc dân khác ở Đông Nam Á, châu Đại Dương và châu Phi. [4] Vào thời kỳ đó, Việt Nam đã bắt đầu cuộc chia ly và huynh đệ tương tàn giữa nhà Trịnh ở Đàng Ngoài và nhà Nguyễn ở Đàng Trong, còn vương quốc Champa của người Cham thì đang trên đà diệt vong. [5]

Tàu bè phương Tây qua lại ở vùng biển Đài Loan gọi hòn đảo này là “Ilha Formosa”, tức “Mỹ Lệ Đảo”, hay “Hòn đảo Xinh đẹp”. (Nếu bạn đang thắc mắc thì đúng, công ty Hưng Nghiệp Formosa ở Việt Nam – một cơ sở của tập đoàn Formosa – có tên xuất phát từ Ilha Formosa.)

Rồi người Hà Lan tới và thuộc địa hóa một phần phía Nam hòn đảo này (vùng Đài Nam ngày nay) từ năm 1624. Hai năm sau, người Tây Ban Nha cũng tới thuộc địa hóa một phần phía Bắc (vùng Đạm Thủy, Cơ Long ngày nay). Người Hán từ miền Nam Trung Hoa bắt đầu di cư sang đây để làm ăn và định cư theo chương trình của Hà Lan. Kể từ đây, người bản địa Đài Loan bắt đầu bị áp bức và bị gạt ra bên lề lịch sử, để rồi phải nỗ lực đấu tranh sinh tồn và giữ gìn danh phận cho đến tận ngày nay.

Vì nhiều lý do, người Tây Ban Nha và Hà Lan lần lượt rời đi năm 1642 và 1662. Thay thế họ thống trị hòn đảo này là một thế lực mới: người Trung Hoa. Ban đầu là gia đình Trịnh Thành Công – một thế lực kháng chiến chống nhà Thanh chạy sang Đài Loan tị nạn. [6] Cùng khoảng thời gian đó, một số tàn binh chống Thanh từ Trung Quốc chạy xuống xứ Đàng Trong xin chúa Nguyễn cho lưu trú và được chấp nhận với điều kiện phải vào sống ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Họ sau này lập ra các thị trấn Biên Hòa, Mỹ Tho, Hà Tiên, v.v.

Không lâu sau khi chạy sang Đài Loan, gia tộc Trịnh Thành Công cũng bị nhà Thanh đánh bại. Đài Loan chính thức trở thành một phần của đế chế Trung Hoa dưới triều

nhà Thanh từ năm 1683. Tuy vậy, nhà Thanh không đối xử với Đài Loan như một tỉnh của mình. Vì nhiều lý do, trong hơn 300 năm dưới triều Thanh, Đài Loan giống như một thuộc địa hoặc một đứa con ghẻ hơn.

Năm 1895, do thua trận, nhà Thanh buộc phải nhượng lại Đài Loan cho một thế lực mới trỗi dậy ở châu Á: Nhật Bản. Đài Loan trở thành thuộc địa đầu tiên trên con đường bá chủ của đại cường này. Về sau, người Đài theo bước chân các quân đoàn Nhật Bản đi chinh chiến ở khắp nơi, trong đó có Việt Nam (1941 – 1945). [7]

Cùng lúc đó, ở Hawaii, một chàng trai trẻ mới 29 tuổi người Trung Quốc đã rục rịch bắt đầu con đường cách mạng của mình, để rồi về sau, và cho đến tận bây giờ, chân dung của ông sẽ được treo khắp nơi trên hòn đảo Đài Loan: Tôn Trung Sơn. [8]

Người Nhật mất 20 năm để dẹp tan các nhóm phản kháng người Đài. Và mặc dù mang thân phận thuộc địa, người Đài được hưởng lợi từ một thứ mà ngày nay đã trở thành huyền thoại: công cuộc Duy Tân và hiện đại hóa của Nhật Bản. Người Nhật không chỉ mang tới đường xá, cầu cống, nhà cửa cho người Đài, mà còn mang tới những tư tưởng tự do, dân chủ phương Tây mà chính họ mới hấp thụ cách đó không lâu. [9] Hiện tượng tương tự cũng xảy ra đồng thời ở Việt Nam dưới sự đô hộ của thực dân Pháp.

Năm 1912, ở những nơi xa xôi cách Mỹ Lệ Đảo hàng ngàn cây số, có hai chuyện xảy ra khiến cho lịch sử Đài Loan sẽ thay đổi đến mức chóng mặt.

Một là Nhật hoàng Minh Trị (Meiji) qua đời ở Tokyo, [10] chấm dứt thời kỳ Duy Tân Minh Trị, mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử Nhật Bản với vai trò lớn hơn của một thiết chế dân chủ: nghị viện. Người Đài Loan bắt đầu tận dụng các cơ chế dân chủ còn khá sơ khai của Nhật Bản để đấu tranh đòi mở rộng các quyền dân sự và

chính trị cũng như quyền tự trị, đạt được nhiều thành công đáng kể, mà tiêu biểu là cuộc bầu cử đầu tiên ở Đài Loan được tổ chức năm 1935. [11] Một thứ mới mẻ khác cũng ra đời: chủ nghĩa dân tộc Đài Loan.

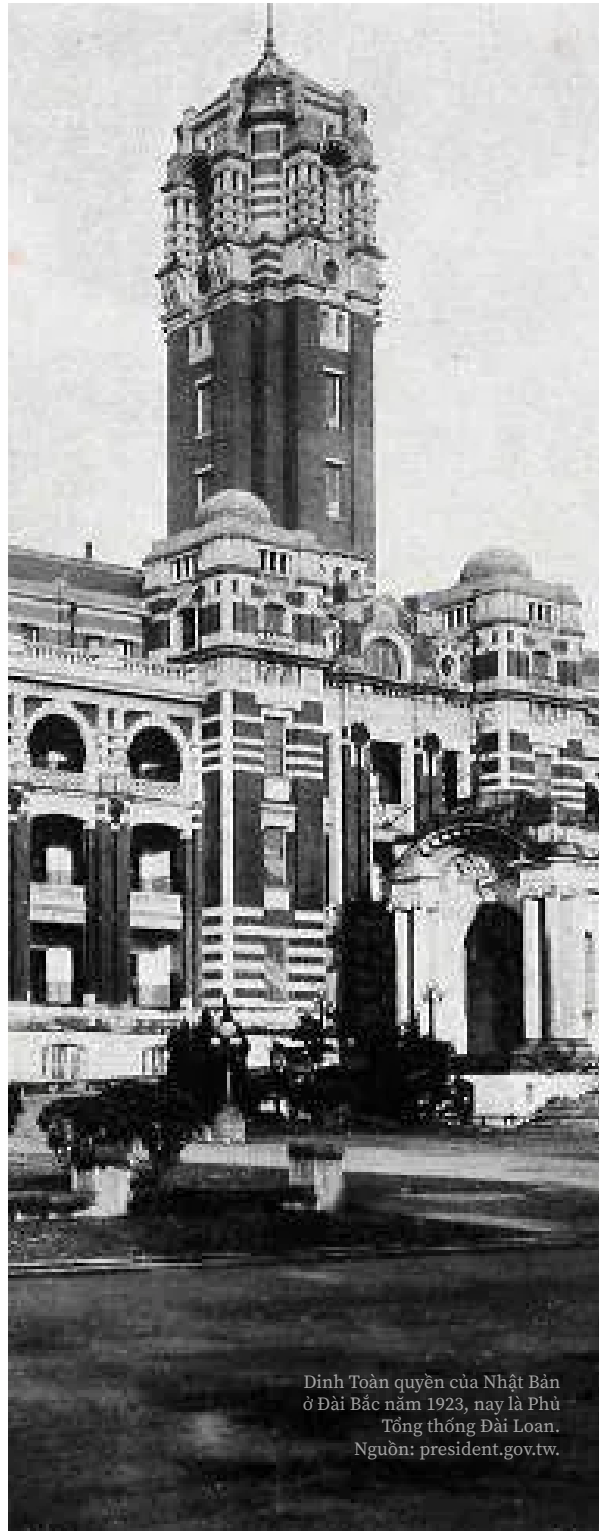
Chuyện thứ hai xảy ra ở Trung Hoa đại lục sau cuộc Cách mạng Tân Hợi, khi chàng trai Tôn Trung Sơn mà chúng ta mới nhắc đến ở trên sáng lập ra nền cộng hòa đầu tiên trong lịch sử nước này: Trung Hoa Dân Quốc (Republic of China). Vào thời điểm này, Đài Loan vẫn là thuộc địa của Nhật, nhưng cái tên Trung Hoa Dân Quốc rồi một ngày không xa sẽ gắn chặt với Đài Loan cho đến tận ngày nay.

Những nỗ lực đấu tranh dân chủ và đòi tự trị của người Đài kéo dài không đầy 20 năm thì Nhật Bản bắt đầu quá trình phát-xít hóa, rục rịch chuẩn bị cho chiến tranh từ đầu những năm 1930. [12] Mọi thứ được đặt trong tình trạng thời chiến, thanh niên Đài Loan bị huy động vào công cuộc binh đao của người Nhật.

Trong số đó, có một người tên là Lý Đăng Huy (Lee Teng-hui) – một người Hán ở Đạm Thủy (gần Đài Bắc) có tổ tiên di cư sang Đài Loan từ thời nhà Thanh. [13] Chúng ta sẽ trở lại với nhân vật cực kỳ quan trọng này trong các phần sau.

Chiến tranh Thế giới thứ Hai kết thúc năm 1945 với phần thắng thuộc về phe Đồng Minh. Nhật Bản đầu hàng và chấp nhận bị cắt thuộc địa Đài Loan cho Trung Quốc. Trung Hoa Dân Quốc, thực thể kế thừa quốc gia từ nhà Thanh, với sự lãnh đạo của Thống chế Tưởng Giới Thạch và Quốc Dân Đảng, [14] là đại diện của quốc gia này trên trường quốc tế, là thành viên sáng lập của Liên Hiệp Quốc và là thành viên thường trực của cơ quan quyền lực nhất của tổ chức này, Hội đồng Bảo an.

Lịch sử Đài Loan kể từ đây sang một trang mới, không kém nhọc nhằn hơn.



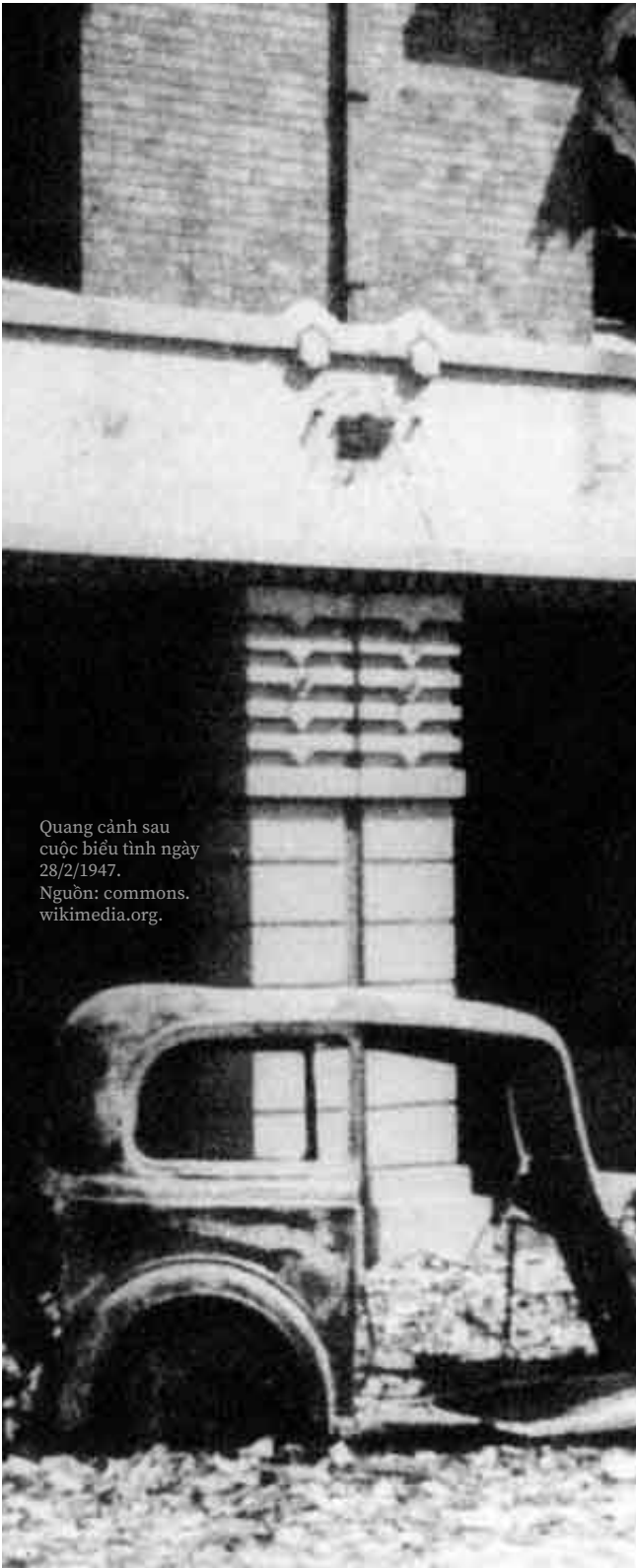
Dinh Toàn quyền của Nhật Bản ở Đài Bắc năm 1923, nay là Phủ Tổng thống Đài Loan.
Nguồn: president.gov.tw.

PHẦN 2: QUỐC GIA TÌNH CỜ

Mỹ Lệ Đào trở thành toàn bộ lãnh thổ của một quốc gia vì một biến cố ít ai ngờ.

Trước khi Đài Loan được trao trả lại cho Trung Hoa Dân Quốc không lâu, vào tháng Ba năm 1945, một quốc gia tuyên bố độc lập cách đó không xa: Đế quốc Việt Nam, do Hoàng đế Bảo Đại đứng đầu, với chính phủ của Thủ tướng Trần Trọng Kim. [1] Số phận không cho phép họ tồn tại lâu, khi tháng Tám cùng năm, Việt Minh cướp chính quyền và lập ra nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào tháng Chín. Nhà nước mới này sẽ phải dành ra những tháng tiếp theo để đối phó với quân Pháp phía dưới vĩ tuyến 16 và quân Trung Hoa Dân Quốc ở phía trên vĩ tuyến này. [2] Cả hai đều tới Việt Nam với danh nghĩa Đồng Minh để giải giáp quân Nhật.

Trong số những binh lính, sĩ quan, công chức Nhật mà quân Tưởng Giới Thạch có nhiệm vụ giải giáp ở phía Bắc, có nhiều người bỏ trốn do sợ bị trả thù, rồi bị kẹt lại ở Việt Nam. Rất nhiều người trong số họ, thực ra, là người Đài. Có khoảng 700 người như vậy. Hàng trăm người sẽ tìm cách bơi



Quang cảnh sau cuộc biểu tình ngày 28/2/1947.
Nguồn: commons.wikimedia.org.

thuyền về lại Đài Loan vào năm 1946 để rồi phân nửa chết trên biển, một số khác thì định cư luôn ở Việt Nam cho tới khi qua đời, như ông Wu Lianyi (mất năm 2006). [3]

Do Nội chiến Trung Hoa nổ ra từ năm 1945, Tưởng Giới Thạch buộc phải rút quân từ Việt Nam về để chiến đấu với quân của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ đầu năm 1946. Nhưng họ không chỉ dàn quân ra để chiến đấu ở đại lục. Rắc rối bắt đầu nảy sinh ở hòn đảo họ mới giành được: Đài Loan.

Hoàn toàn không chia sẻ những gì người Đài Loan đã trải qua trong 50 năm dưới sự đô hộ của Nhật, các quan chức Quốc Dân Đảng lập tức áp đặt quyền lực ở Đài Loan. Khác với nền kinh tế thị trường và không khí chính trị tương đối cởi mở mà người Đài có được dưới thời Nhật trước Thế chiến thứ Hai, Quốc Dân Đảng lập tức thi hành chính sách bàn tay sắt ở hòn đảo này. Người Đài lập tức phản đối và đòi quyền tham gia chính trị nhiều hơn, đòi bãi bỏ các lệnh cấm buôn bán một số mặt hàng (chẳng hạn thuốc lá) cũng như các chính sách can thiệp kinh tế khác.

Đỉnh điểm căng thẳng xảy ra vào ngày 28/2/1947. Nó bắt đầu từ chiều tối hôm trước đó, khi thấy các thanh tra thị trường đánh ngã một người bán thuốc lá lậu, nhiều người dân đã vây đến phản đối. Trong lúc hỗn loạn, một viên thanh tra nổ súng bắn chết một người trong đám đông. Sáng hôm sau, biểu tình nổ ra. Rất nhanh, hàng chục nghìn người ở khắp nơi nổi dậy phản kháng. Thay vì đáp ứng yêu cầu của người dân, Quốc Dân Đảng quyết định ra lệnh thiết quân luật, điều binh lính từ đại lục sang đàn áp phong trào nổi dậy. Kết quả là có khoảng 10.000 – 30.000 người bị giết hại, xù tử, một bộ phận lớn giới trí thức Đài Loan biến mất chỉ trong vài tháng. [4]

Lệnh thiết quân luật này về sau sẽ đi vào lịch sử với tư cách là khởi điểm của thời

kỳ thiết quân luật dài nhất trong lịch sử thế giới hiện đại tính cho tới khi nó được bãi bỏ năm 1987. [5]

Những ai quan tâm tới lịch sử Đài Loan sẽ phải đặc biệt chú ý tới Sự kiện 228 này, bởi nó sẽ định hình những diễn biến lịch sử mấy chục năm về sau. Không phải ngẫu nhiên mà ngày nay, ở Đài Bắc, công viên ngay bên cạnh Phủ Tổng thống được đặt tên là Công viên Hòa bình Tưởng niệm 228. Bộ phim “Bi tình thành thị” (A City of Sadness) được công chiếu năm 1989 với sự góp mặt của diễn viên Lương Triều Vỹ cho đến nay vẫn là tác phẩm điện ảnh tiêu biểu nói về sự kiện này. [6]

Mọi nỗ lực của Quốc Dân Đảng không giúp họ chiến thắng ở đại lục. Năm 1949, Tưởng Giới Thạch buộc phải nhường đại lục lại cho Đảng Cộng sản, rút ra đảo Đài Loan, mang theo hai triệu người và toàn bộ bảo vật quốc gia. Hai triệu người này về sau sẽ được gọi là “người đại lục” (mainlander) để phân biệt với “người hải đảo” (islander) vốn đã sinh sống ở Đài Loan từ lâu. Còn số bảo vật quốc gia ngày nay đang được lưu giữ tại một địa điểm mà rất nhiều người Việt Nam biết: Bảo tàng Cố cung Quốc gia (National Palace) ở Đài Bắc.

Đến đây, lần đầu tiên trong lịch sử, và vì một biến cố lịch sử ít ai tính tới và ngờ tới, Mỹ Lệ Đảo trở thành toàn bộ lãnh thổ mà một quốc gia sở hữu: Trung Hoa Dân Quốc. Tình trạng này được duy trì cho tới tận ngày nay. Học giả Hsiao-ting Lin gọi Đài Loan là một quốc gia tình cờ (accidental state). [7]

Cùng năm đó, ở Việt Nam, một nhà nước mới cũng tuyên bố ra đời, Quốc gia Việt Nam, được Pháp hậu thuẫn, do cựu hoàng Bảo Đại làm quốc trưởng và chọn lá cờ vàng ba sọc đỏ làm quốc kỳ. [8] Một người lính trẻ tên Nguyễn Văn Thiệu cũng được phong làm binh nhì trong Quân đội Quốc gia Việt Nam vốn mới được thành lập. [9] Số phận của họ về sau, ngẫu nhiên thế nào, lại ít nhiều gắn với Đài Loan.

PHẦN 3: CHẾ ĐỘ CẠI TRỊ KIỂU NỬA-LENINIST CỦA QUỐC DÂN ĐẢNG

Thất bại trước Cộng sản, Tưởng Giới Thạch áp dụng đúng mô hình cai trị độc tài của kẻ thù.

Đọc tiêu đề bài viết, có thể bạn sẽ hơi ngạc nhiên vì sao Quốc Dân Đảng – vốn nổi tiếng là một đảng chống cộng – lại cai trị theo phương thức của vị lãnh tụ cộng sản khét tiếng Lenin?

Ở Việt Nam, ta hay nghe nói tới chế độ độc tài của Tưởng Giới Thạch. Vậy thì đây, chế độ độc tài cai trị kiểu Leninist chính là mô hình mà Tưởng Giới Thạch cũng như Trung Hoa Quốc Dân Đảng theo đuổi cho tới khi bắt đầu dân chủ hóa năm 1987.

Học hỏi từ kẻ thù

Như đã nói ở phần trước, Quốc Dân Đảng tháo chạy ra Đài Loan năm 1949 sau khi thất trận trước đại kinh địch Đảng Cộng sản, buộc phải nhường hoàn toàn đại lục lại cho kẻ thù và chờ ngày tái chiếm.

Nhưng kẻ thù thường có xu hướng học hỏi lẫn nhau. Tưởng Giới Thạch biết tại sao

mình thua trận. Trong một bài phát biểu năm 1951, ông nói thế này:

“Trong cuộc chiến chống lại Cộng sản và Soviet, việc biến đảng ta thành một cỗ máy chiến tranh là đặc biệt cấp thiết và nguy ngập, bởi cuộc chiến giữa đảng ta với đảng họ cho tới nay là công cuộc vĩ đại nhất, nghiêm túc nhất, và anh hùng nhất. [...] Chỉ khi nào chúng ta có một đảng tập trung hơn thì chúng ta mới có cơ thắng. Kể từ khi đảng ta thua Cộng sản hai năm trước, tôi tin chắc rằng nếu chúng ta muốn diệt Cộng sản, tái chiếm Đại lục, và cứu lấy nhân dân, điều đầu tiên chúng ta phải làm là biến đảng ta thành một đảng vững chắc và mạnh mẽ hơn Cộng sản.” [1]

Trên thực tế, không phải đến khi sang tới Đài Loan Tưởng Giới Thạch mới nhận ra điều này. Ngay từ năm 1947, ông đã nhận thấy cơ cấu tổ chức đảng bộc lộ những điểm yếu chết người. Đó là cơ cấu tổ chức kiểu phân quyền để kiểm soát, đối trọng

Tường Giới Thạch trên trang bìa của
The Young Companion, sau khi chiến
tranh Trung-Nhật lần thứ hai bùng nổ.
Nguồn: wikipedia.org.



nhau, dẫn đến tình trạng phe phái cạnh tranh nhau và gây mất đoàn kết nội bộ đảng. Tình trạng này có lợi cho Tưởng Giới Thạch, và chính ông cũng thúc đẩy các phe đánh nhau để không ai đủ mạnh nhằm cạnh tranh quyền lực với ông.

Nhưng đứng trước kẻ thù Đảng Cộng sản và thế tiến công như chẻ tre của họ, ông buộc phải cải cách đảng theo hướng tập trung quyền lực, tăng cường đoàn kết và kỷ luật.

Một chỉ thị hướng dẫn được ban hành vào tháng 9/1947, yêu cầu tổ chức lại toàn đảng theo hướng tập trung dân chủ. Nếu bạn nghe thấy cụm từ này quen thì thưa đúng, đây chính là nguyên tắc tập trung dân chủ mà chính Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đang áp dụng. Mọi phe phái và các ý kiến chống đảng đều phải bị loại trừ.

Cuộc cải tổ này cuối cùng thất bại, không tạo ra được thay đổi nào lớn, các phe phái trong đảng vẫn kèn cựa nhau và Quốc Dân Đảng vẫn tiếp tục phải co về phòng thủ trước Đảng Cộng sản. Tưởng Giới Thạch bị phe đối lập trong đảng buộc phải từ chức tổng thống Trung Hoa Dân Quốc vào tháng 1/1949 dù vẫn nắm chức chủ tịch đảng, và ông chỉ trở lại ghế tổng thống vào tháng 3/1950. Thất bại toàn diện này càng khiến ông quyết tâm cải tổ đảng theo hướng tập trung dân chủ và trung thành tuyệt đối với ông.

Một quá trình cải tổ kéo dài gần 27 tháng bắt đầu từ tháng 8/1950, lấy chủ nghĩa Tam Dân (dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc) của nhà sáng lập Tôn Trung Sơn làm hệ tư tưởng của đảng; tăng cường tập trung quyền lực vào Tưởng

Giới Thạch và Ban chấp hành Trung ương Đảng; tăng cường kỷ luật đảng; thành lập các chi bộ, đảng bộ đảng ở mọi cấp chính quyền và các tổ chức quần chúng; kiểm tra lại lý lịch đảng viên và kết nạp đảng viên mới; và kết nạp, đào tạo cán bộ nòng cốt của đảng.

Cùng lúc đó, vào tháng 8/1950, ở Việt Nam, Hồ Chí Minh khởi hành đi tới khu vực Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn để mở chiến dịch biên giới. Quân Pháp thua trận, nhường địa bàn cho Việt Minh, đồng nghĩa với việc Việt Minh từ đây thoát thế bị cô lập, thông được sang Trung Quốc để tìm kiếm sự hỗ trợ của Đảng Cộng sản nước này. [2] Lịch sử Việt Nam kể từ đây rơi trở lại quỹ đạo chi phối của người láng giềng phương Bắc.

Chế độ một đảng

Nếu trở lại Đài Loan vào thập niên 1950 tới thập niên 1980, nhiều khả năng ta sẽ thấy đáng dấp một nước Việt Nam của thập niên 2020, mặc dù Đài Loan khi đó đang

ở trong thời kỳ thiết quân luật. Bản Hiến pháp 1947 tương đối dân chủ đã bị “treo” lại từ năm 1948 với lý do chống phản loạn cộng sản. [3]

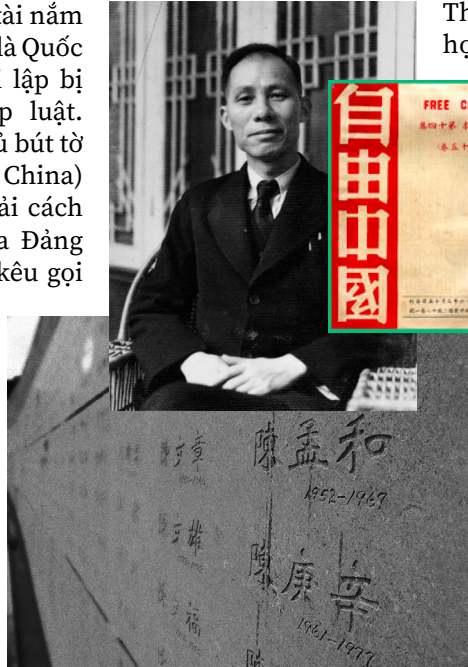
Ta sẽ thấy một đảng độc tài nắm giữ toàn bộ quyền lực, đó là Quốc Dân Đảng. Các đảng đối lập bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Năm 1960, Lei Chen – chủ bút tờ “Trung Hoa Tự Do” (Free China) – cùng với một số nhà cải cách khác gặp nhau để lập ra Đảng Dân chủ Trung Quốc và kêu gọi thành lập các đảng đối lập. Lập tức, ông bị bắt và kết án 10 năm tù. Đài Loan không còn đảng đối lập nào khác mãi cho tới năm 1986. [4]

Vào những năm 1950 và 1960, Đài Loan không có bầu cử cấp quốc gia. Chỉ có bầu cử ở cấp làng xã, thị trấn, quận huyện, và tỉnh thành. Cần lưu ý, khi đó Quốc Dân Đảng vẫn tổ chức chính quyền dựa trên giả định họ là đảng hợp pháp duy nhất của toàn bộ Trung Quốc, và Đài Loan chỉ là một tỉnh trong đó. Do vậy, chính quyền tỉnh Đài Loan cũng được lập ra qua bầu cử và vẫn được tính là bầu cử địa phương. Các cuộc bầu cử, dĩ nhiên, được thiết kế để người của Quốc Dân Đảng thắng. Rất ít khi người bên ngoài thắng.

Do Hiến pháp bị “treo” từ năm 1948, những dân biểu được bầu vào Quốc dân Đại hội (National Assembly) và Viện Lập pháp trước đó cùng nắm ở Trung Quốc được lãnh nhiệm kỳ trọn đời cho tới khi có thể tổ chức bầu cử trở lại ở đại lục. Chuyện này dĩ nhiên chưa bao giờ xảy ra nên các dân biểu khóa I đã tại vị tới 44 năm, trước khi Đài Loan cải cách Hiến pháp và bầu lại năm 1991. Nhưng trong 44 năm đó, Quốc Dân Đảng phải giải quyết một chuyện: nhiều dân biểu lần lượt qua đời, hoặc ốm đau không làm việc được, hoặc nghỉ hưu.

(ảnh trên và ảnh phải) Lei Chen và tờ Trung Hoa Tự Do.
Nguồn: wikipedia.org.

(ảnh dưới) Bia đá tưởng niệm các nạn nhân của Khủng bố Trắng ở Đài Tưởng niệm Lục Đảo, Đài Loan.
Nguồn: wikipedia.org.



Thế cho nên năm 1969, họ bắt đầu tổ chức các cuộc bầu cử cấp quốc gia đầu tiên để bầu bổ sung đại biểu cho hai cơ quan lập pháp kể trên. Và đó là khởi đầu cho một tiến trình sẽ ảnh hưởng lớn tới lịch sử Đài Loan. [5]

Kể từ cuộc bầu cử năm 1969 đó, phong trào đối lập *tangwai* (đảng ngoại – ý chỉ những người không nằm trong Quốc Dân Đảng) ra đời và đưa người tranh cử cả ở cấp địa phương lẫn trung ương. Họ giành được nhiều ghế ở các cấp, bao gồm cả ghế thị trường ở một số nơi, mặc dù vẫn chỉ là phe thiểu số rất nhỏ bé trong các cơ quan lập pháp. Phong trào này được cho là một đảng đối lập không chính thức. Về sau, những thành viên của phong trào lập ra đảng đối lập đầu tiên ở Đài Loan vào năm 1986, Dân Tiến Đảng. Đây chính là đảng mà cho tới nay đã đưa được hai người vào ghế tổng thống: Trần Thủy Biển và Thái Anh Văn.

Kiểm soát toàn bộ xã hội

Là một đảng độc tài, Quốc Dân Đảng kiểm soát chặt chẽ toàn bộ đời sống xã hội, mặc dù vẫn duy trì một nền kinh tế thị trường và mức độ tự do kinh tế tương đối cao.

Thứ nhất, bộ máy an ninh được gia cường để trở thành một công cụ kiểm soát và đàn

áp hiệu quả. Người đứng đầu bộ máy an ninh này là cánh tay phải của Tổng thống Tưởng Giới Thạch, và cũng là con trai ông: Tưởng Kinh Quốc.

Tưởng Kinh Quốc, sinh năm 1910 ở tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Ông sau này sang Liên Xô học từ năm 1925 khi Quốc Dân Đảng và Đảng Cộng sản đang hợp tác chống phiến loạn, và ở lại đây tới tận năm 1937 mới về nước. [6]

Năm 1950, ông được cha bổ nhiệm làm giám đốc cơ quan cảnh sát mật, chuyên tuyển dụng gián điệp, tổ chức theo dõi công dân, bắt bớ những người bất đồng chính kiến, và ám sát đối thủ khi cần thiết. Cơ quan này còn vươn vòi ra tận hải ngoại khi cài gián điệp nằm vùng theo dõi du học sinh Đài Loan ở Mỹ, mà một trong những điệp viên nổi tiếng nhất là người sau này sẽ trở thành tổng thống nước Đài Loan dân chủ: Mã Anh Cửu. Ngày nay, du khách Việt Nam đến Đài Loan thường được giới thiệu đi thăm Lục Đảo (Green Island), một hòn đảo nhỏ ở phía Đông nước này, nơi trong thời kỳ thiết quân luật đã giam giữ tới 20.000 tù nhân chính trị, chủ yếu là trí thức và sinh viên. [7]

Từ năm 1965, Tưởng Kinh Quốc được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Quốc phòng và vẫn tiếp tục nắm giữ các cơ quan an ninh quốc gia. Tình báo quân đội sau này sẽ trở nên khét tiếng với vụ ám sát một nhân vật bất đồng chính kiến người Mỹ gốc Đài Loan, Henry Liu, vào năm 1984 ở California, Mỹ. Trước khi bị ám sát, ông này đã xuất bản một số cuốn sách nói về tiểu sử của Tưởng Kinh Quốc và chỉ trích Quốc Dân Đảng. [8]

Thứ hai, kiểm soát hoàn toàn hệ thống giáo dục và truyền thông. Chuyện này khá giống với Việt Nam ngày nay.

Toàn bộ các trường học phải dạy theo sách giáo khoa do chính quyền ban hành, với mục tiêu nhồi sọ thế hệ trẻ Đài Loan, khiến cho họ nghĩ họ là người Trung Quốc và việc thống nhất với Trung Quốc chỉ là

một sớm một chiều. Họ cũng được dạy phải trung thành với Quốc Dân Đảng và không được biết tới những tội ác của Quốc Dân Đảng như cuộc thảm sát 228. Chỉ sau này khi đi du học ở nước ngoài, họ mới bắt đầu được tiếp cận với các luồng thông tin khác về đảng cầm quyền.

Mỗi trường học đều có cơ sở đảng và gián điệp. Mọi động tĩnh trong trường đều không qua mắt được những người này.

Điều này lý giải cho sự tê liệt của giới sinh viên trong thời kỳ thiết quân luật, khiến cho họ không đóng vai trò gì đáng kể trong các phong trào xã hội trước khi Đài Loan bắt đầu dân chủ hóa năm 1987. [9]

Với hệ thống truyền thông, tuy không cấm báo chí tư nhân nhưng mọi báo, đài đều phải xin giấy phép và chịu sự kiểm duyệt của chính quyền. Quốc Dân Đảng kiểm soát số lượng trang báo và hệ thống in ấn, phát hành. Kể từ năm 1960, chính quyền dùng cấp phép báo mới và duy trì con số 31, tất cả đều hoặc là báo đảng, báo nhà nước hoặc báo tư nhân tự kiểm duyệt. [10]

Thứ ba, kiểm soát xã hội dân sự và các doanh nghiệp.

Các tổ chức dân sự hầu hết là tổ chức do Quốc Dân Đảng lập ra hoặc ít nhất là chịu kiểm soát chặt chẽ về đảng ký, nhân sự, tài chính, quy mô hoạt động. Công đoàn bị giới hạn hoạt động trong phạm vi nhà máy chứ không được tổ chức thành công đoàn liên nhà máy, càng không được hoạt động ở quy mô quốc gia. Các tổ chức xã hội dân sự hay công đoàn độc lập không thể ra đời và hoạt động hợp pháp trong thời kỳ này. [11]

Với các doanh nghiệp, Quốc Dân Đảng cũng lập ra rất nhiều tập đoàn quốc doanh và ưu đãi về mọi mặt cho các tập đoàn này để chi phối nền kinh tế. Thế độc quyền được xác lập cho nhiều doanh nghiệp nhà nước trong nhiều lĩnh vực như năng lượng, vận tải, hóa chất. Bên cạnh đó,

tổ chức đảng cũng được lập ra trong các doanh nghiệp nhà nước này cũng như nhiều doanh nghiệp tư nhân để kiểm soát hoạt động của lãnh đạo doanh nghiệp và công nhân viên. [12] [13]

Việc kinh doanh của Quốc Dân Đảng khiến cho đảng này trở thành đảng chính trị giàu nhất thế giới nhiều năm liền, với tài sản đăng ký chính thức vào năm 2014 lên tới gần 900 triệu USD. Năm 1994, tờ Far Eastern Economic Review gọi Quốc Dân

Đảng (KMT) là “KMT Inc.” – Công ty Quốc Dân Đảng. [14]

Với người Việt Nam, để hình dung ra chế độ cai trị của Quốc Dân Đảng trong thời kỳ thiết quân luật thì cách tốt nhất là liên hệ với bối cảnh Việt Nam ngày nay. Với cơ chế chính trị một đảng cầm quyền theo mô hình nửa-Leninist cộng với một nền kinh tế thị trường do chính phủ kiểm soát, Đài Loan xưa quả là mang bóng dáng của Việt Nam nay. □

Ảnh minh họa: Deomocratic Progressive Party.



An illustration of two hands, one from the left and one from the right, holding a yellow rectangular sign. The sign has the text 'ĐÓNG GÓP CHO' in a smaller font at the top and 'LUẬT KHOA' in a larger, bold font below it. The background is a textured green with faint, repeating patterns of the words 'LAW' and 'DONOR' in a light green color.

ĐÓNG GÓP CHO

LUẬT KHOA

Chúng tôi làm báo độc lập.
Không sợ ai.
Không nịnh ai.

Hãy đóng góp cho Luật Khoa để
xây dựng báo chí độc lập Việt Nam:

donorbox.org/luatkhoa

Luật Khoa là một dự án của tổ chức
Sáng kiến Pháp lý Việt Nam (Legal
Initiatives for Vietnam), một tổ chức
phi lợi nhuận đăng ký ở California,
Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Mọi khoản đóng góp của độc giả ở
Hoa Kỳ đều được khấu trừ thuế (tax
deduction). Số EIN của chúng tôi:
81-5257301.

Đã có Báo cáo Thường niên 2021
tại đây: [www.liv.ngo/bao-cao-
thuong-nien-annual-report-2021](https://www.liv.ngo/bao-cao-thuong-nien-annual-report-2021)

Liên hệ: editor@mail.luatkhoa.org

7 ĐIỀU CƠ BẢN VỀ AN NINH VÀ QUAN HỆ QUỐC TẾ CỦA ĐÀI LOAN

Tìm hiểu về một trong những điểm nóng xung đột quan trọng nhất thế giới hiện nay.

Trịnh Hữu Long

Bài được đăng lần đầu trên luatkhoa.org ngày 7/3/2022.



Nguy cơ chiến tranh giữa Đài Loan và Trung Quốc luôn là một trong những mối lo ngại lớn của thế giới. Để hiểu về các vấn đề an ninh lẫn quan hệ quốc tế của Đài Loan, mời bạn tìm hiểu bảy điều cơ bản dưới đây.

01.

Đài Loan hay Đài Loan (Trung Quốc)?

Đài Loan có tên chính thức là Trung Hoa Dân Quốc (Republic of China), một nhà nước cộng hòa được lập ra năm 1912 sau Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc. [1] Đây là nhà nước cộng hòa đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, chấm dứt hàng ngàn năm quân chủ của đất nước rộng lớn này và được coi là thực thể kế thừa Trung Quốc từ triều đình nhà Thanh.

Năm 1949, đảng cầm quyền của Trung Hoa Dân Quốc là Quốc Dân Đảng bại trận ở đại lục trong cuộc Nội chiến với Đảng Cộng Sản, buộc phải rút lui ra đảo Đài Loan và xây dựng Đài Loan thành một quốc gia như ngày nay.

02.

Quốc gia bị cô lập về ngoại giao

Đài Loan hiện chỉ được 14 quốc gia trên thế giới công nhận và con số này đang có xu hướng ngày càng giảm. [2] Đây đều là các nước hoặc là nhỏ, hoặc là yếu trên thế giới, không chịu ảnh hưởng lớn từ Trung Quốc. Các nước này gồm có: Marshall Islands, Nauru, Palau, Tuvalu, Eswatini, Holy See (tức Vatican), Belize, Guatemala, Haiti, Honduras, Paraguay, Liên bang Saint Christopher và Nevis, St. Lucia, cùng Saint Vincent và Grenadines.

Hầu hết các nước có quan hệ ngoại giao với Đài Loan trước đây đã cắt quan hệ với nước này trong thập niên 1970, cùng với việc Đài Loan mất tư cách thành viên Liên Hợp Quốc năm 1971. [3] Mỹ chấm dứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan năm 1979 và thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Trung

Quốc luôn luôn gây sức ép để các nước không công nhận Đài Loan. Tư cách quốc gia của Đài Loan cho tới nay vẫn là một đề tài tranh luận trong ngành công pháp quốc tế. [4]

03.

Một Trung Quốc

Hiến pháp Đài Loan hiện nay vẫn là bản Hiến pháp năm 1947, khi Quốc Dân Đảng còn giữ được Trung Quốc đại lục. [5] Do đó, nó vẫn coi lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc bao gồm cả Đài Loan lẫn Trung Quốc đại lục. Trong Các Điều khoản Bổ sung của Hiến pháp, được thông qua năm 2005, xuất hiện thuật ngữ “vùng tự do” (free area) của Trung Hoa Dân Quốc, tức chỉ Đài Loan. [6]

Như vậy, về nguyên tắc, cả Đài Loan lẫn Trung Quốc đều theo đuổi chính sách “một Trung Quốc”, nhưng Dân Tiến Đảng và nhiều phong trào xã hội ở Đài Loan không đồng ý với nguyên tắc này. Phong trào vận động sửa Hiến pháp đã diễn ra hàng chục năm nay ở Đài Loan để giải quyết vấn đề “một Trung Quốc” này. [7]

04.

Độc lập hay không độc lập?

Chính trị Đài Loan không chia ra làm cánh tả – cánh hữu như các nền dân chủ phương Tây, mà chia ra làm hai phe: phe ủng hộ Đài Loan độc lập (pro-independence, Pan-Green) và phe ủng hộ thống nhất với Trung Quốc (pro-unification, Pan-Blue). Dân Tiến Đảng cầm quyền của Tổng thống Thái Anh Văn đại diện cho Pan-Green do có gốc là đảng của người Đài Loan bản địa, Quốc Dân Đảng đại diện cho Pan-Blue do có gốc là một đảng từ Trung Quốc đại lục chạy sang.

Mặc dù vậy, để tránh gây căng thẳng trong quan hệ quốc tế, các chính quyền của Đài Loan từ xưa tới nay, kể cả khi do Dân Tiến Đảng nắm quyền, đều chưa từng chính thức tuyên bố Đài Loan độc lập. Động thái đi xa nhất trong vấn đề này là phát biểu của Tổng thống Thái Anh Văn khi trả lời BBC năm 2020: “Chúng tôi không có nhu cầu tuyên bố chúng tôi là một quốc gia độc lập. Chúng tôi đã là một nước độc lập rồi và chúng tôi gọi chúng tôi là Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan)”. [8]

05.

Quan hệ đặc biệt với Mỹ

Quan hệ Đài Loan và Hoa Kỳ có nền tảng pháp lý lớn nhất là Đạo luật Quan hệ với Đài Loan năm 1979, cùng thời điểm Mỹ chấm dứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan. [9] Đạo luật này có mấy điểm chính về an ninh:

- Hòa bình và ổn định ở khu vực Đài Loan là lợi ích chính trị, an ninh và kinh tế của Mỹ;
- Tương lai của Đài Loan phải được quyết định dựa trên các phương thức hòa bình;
- Cung cấp khí tài quân sự có chức năng phòng thủ cho Đài Loan;
- Duy trì năng lực của Hoa Kỳ trong việc chống lại vũ lực và các hình thức cưỡng bức khác đối với Đài Loan.

Cần lưu ý: Đây là luật riêng của Mỹ, không phải hiệp ước phòng thủ giữa Mỹ và Đài Loan. Mỹ không hề có luật, cũng chưa từng tuyên bố sẽ đưa quân đội chiến đấu bảo vệ Đài Loan trong trường hợp bị các nước khác (bao gồm cả Trung Quốc) tấn công. Nói cách khác, chính phủ Mỹ không có nghĩa vụ bảo vệ Đài Loan. Tuy

nhiên, trên thực tế, Mỹ từng điều động tàu chiến tới vùng eo biển Đài Loan vào năm 1995 và 1996 sau khi Trung Quốc liên tục thử tên lửa ở gần Đài Loan trong một sự kiện gọi là Khủng hoảng Eo biển Đài Loan 1995-1996. [10] Kết quả là Trung Quốc phải chấm dứt các động thái hiếu chiến.

Ngoài đạo luật trên, hai công điện nội bộ của chính quyền Mỹ cũng đóng vai trò nền tảng trong việc bang giao giữa Mỹ và Đài Loan. [11]

Công điện thứ nhất đề ngày 10/7/1982, khẳng định Mỹ tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan và số khí tài quân sự Mỹ bán cho Đài Loan tăng hay giảm phụ thuộc hoàn toàn vào thái độ của Trung Quốc đối với Đài Loan.

Công điện thứ hai đề ngày 17/8/1982, thường được gọi là Sáu Bảo đảm (Six Assurances) của Mỹ với Đài Loan:

- Mỹ chưa đồng ý định ngày chấm dứt bán vũ khí cho Đài Loan;
- Mỹ chưa đồng ý tham vấn Trung Quốc trong việc bán vũ khí cho Đài Loan;
- Mỹ sẽ không đóng vai trò trung gian giữa Đài Bắc và Bắc Kinh;
- Mỹ chưa đồng ý sửa đổi Đạo luật Quan hệ với Đài Loan;
- Mỹ chưa thay đổi lập trường đối với chủ quyền của Đài Loan;
- Mỹ sẽ không gây áp lực cho Đài Loan phải đàm phán với Trung Quốc.

Hai bức công điện nội bộ trên là nhằm hướng dẫn cho các cơ quan ngoại giao và an ninh Mỹ về quan hệ với Đài Loan, liên quan tới một bộ văn bản mà Mỹ ký với Trung Quốc vào các năm 1972, 1979 và 1982, thường được gọi là Ba Thông cáo chung (Three Communiqués). Bộ văn bản này cũng được coi là nền tảng của quan hệ Mỹ – Trung. [12]

06.

Đồng thuận 1992

Trong quan hệ Đài Loan – Trung Quốc, một khái niệm cần được chú ý nữa là “Đồng thuận 1992” (1992 Consensus).

Đồng thuận 1992 xuất phát từ một cuộc gặp bí mật năm 1992 giữa đại diện chính quyền Trung Quốc và Đài Loan ở Hong Kong. [13] Khi đó, chính quyền Đài Loan vẫn do Quốc Dân Đảng nắm. Mãi đến năm 2000 nó mới được ông Su Chi tiết lộ – ông sau này sẽ trở thành người đứng đầu của Hội đồng An ninh Quốc gia dưới thời Tổng thống Mã Anh Cửu (2008-2016). Đây cũng là một trong những nền tảng chính của chính sách ngoại giao của Đài Loan dưới thời Mã Anh Cửu và của Quốc Dân Đảng ngày nay.

Nội dung của Đồng thuận 1992, tuy vậy, lại không được Trung Quốc và Quốc Dân Đảng Đài Loan diễn giải giống nhau. Trung Quốc nói rằng cả hai bên đều khẳng định chỉ có “một Trung Quốc”, Đài Loan thuộc về Trung Quốc, và hai bên hướng tới mục tiêu sau cùng là thống nhất theo công thức “một quốc gia, hai chế độ”. Quốc Dân Đảng Đài Loan lại nói Đồng thuận 1992 chỉ nói rằng đại lục và Đài Loan đều thuộc về một Trung Quốc.

Khái niệm “Trung Quốc” cũng được hai bên diễn giải khác nhau. Trung Quốc diễn giải rằng cái “một Trung Quốc” đó là Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, còn Quốc Dân Đảng Đài Loan lại nói đó phải là “Trung Hoa Dân Quốc”.

Dân Tiến Đảng cầm quyền hiện nay bác bỏ Đồng thuận 1992, mặc dù thừa nhận cuộc gặp năm 1992 là một thực tế lịch sử. [14] Họ cho rằng Đồng thuận 1992 là cách buộc Đài Loan phải thống nhất với Trung Quốc và áp đặt công thức “một quốc gia, hai chế độ” lên Đài Loan.

07.

Duy trì hiện trạng

Thế tiến thoái lưỡng nan của quan hệ Đài Loan – Trung Quốc là cả hai giải pháp thống nhất và độc lập đều không khả thi về mặt chính trị. Người Đài Loan không ủng hộ thống nhất, cũng không ủng hộ tuyên bố độc lập. Trung Quốc một mặt khó có thể dùng vũ lực để thống nhất Đài Loan ngay, mặt khác cũng không thể để Đài Loan tuyên bố độc lập hay độc lập trên thực tế mãi.

Do đó, dư luận Đài Loan và các nước trên thế giới có xu hướng ủng hộ một giải pháp thỏa hiệp: duy trì hiện trạng (maintaining the status quo). Hiện trạng nghĩa là ai ở đâu ở yên đấy, Trung Quốc không sáp nhập Đài Loan, Đài Loan cũng không tuyên bố độc lập.

Để hiểu dư luận Đài Loan, bộ dữ liệu quan trọng nhất cần quan tâm là kết quả khảo sát của Trung tâm Nghiên cứu Bầu cử của Đại học Chính trị Quốc lập Đài Loan (NCCU). [15] Dữ liệu năm 2021 cho thấy xấp xỉ 85% người Đài Loan ủng hộ duy trì hiện trạng.

Hoa Kỳ, đồng minh quan trọng nhất của Đài Loan, xưa nay đều theo đuổi chính sách duy trì hiện trạng này. [16] Tuy vậy, gần đây, Mỹ đã dần nâng cấp mối quan hệ bằng cách xóa bỏ một số hạn chế ngoại giao. [17] □

CÓ THỂ BẠN CHƯA ĐẾN

ĐẠI ĐẠO TRÌNH: NƠI LỊCH SỬ BẮT ĐẦU

*Thịnh vượng và đàn áp
từ khu phố cổ nhất Đài Loan.*

Tài Nhân

Nguồn: wikipedia.org.
Đồ họa: Luật Khoa.

Vào chiều tối ngày 27/2/1947,

một thanh tra người đại lục đập báng súng vào đầu bà Lâm Giang Mai, khi đó đang bán thuốc lá bên vệ đường. Thuốc lá là một trong nhiều mặt hàng kinh doanh độc quyền của chính phủ lúc bấy giờ. Bà Mai bán

thuốc lá trước quán trà Thiên Mã, thuộc khu Đại Đạo Trình (Dadaocheng), một trong những khu vực cổ nhất và kinh doanh sầm uất khi đó của Đài Loan. [1]

Chúng kiến cảnh bà Mai bị đánh, người dân đứng gần đó đã kéo đến vây lấy nhóm thanh tra. Trong lúc hỗn loạn, một viên thanh tra đã nổ súng bắn chết một người trong đám đông tên Trần Văn Khê, 27 tuổi, có biệt danh là *Tai Thối*, vì anh bị lẫm tai. Tai Thối là em trai của một tay giang hồ khét tiếng ở quận Vạn Hoa (Wanhua) tên là Trần Mộc Vinh. Mộc Vinh không cam tâm trước cái chết oan ức của em mình nên đã tổ chức biểu tình. [2]

Sáng hôm sau, ngày 28/2/1947, Trần Mộc Vinh hiệp lực cùng hai đại ca khác là Lâm Bình Túc và Trang Truyền Sanh kéo một đám đông vừa đi vừa gióng trống, đánh chập cheng rền vang đường phố, kéo theo mấy tờ phướn lớn ghi nội dung phản đối, trong đó có tờ ghi: “Trần Nghi [Thống đốc lúc đó của Đài Loan] là một tên cầu quan”. Người ta nghe thấy đoàn biểu tình hô hào: “Người dân Đài Loan, đứng lên!”. Đại ca Trần phát lời cảnh báo trước tới

Ngày 28/2/1947, đám đông giận dữ kéo đến trụ sở của Cục độc quyền thuốc lá và rượu Đài Bắc.
Nguồn: wikipedia.org.



Ngày 28/2/1947, đám đông giận dữ kéo đến trụ sở của Cục độc quyền thuốc lá và rượu Đài Bắc.
Nguồn: 228.org.tw.



các cửa hàng xung quanh, yêu cầu họ phải đóng cửa. [3]

Chín giờ sáng, một đoàn biểu tình kéo đến một

sở cảnh sát ở khu Đại Đạo Trình, đánh cảnh sát trường bầm dập. Một tiếng sau đó, đám đông kéo đến bao vây một văn phòng của Cục Độc quyền Thuốc lá và Rượu Đài Bắc. Họ đánh chết một nhân viên ở đây và làm bị thương bốn nhân viên khác. Người biểu tình đốt cháy nhiều xe đạp và ô-tô của cục này, rồi phóng hỏa đốt cả tòa nhà. [4]

Một giờ chiều, đám đông kéo đến văn phòng của Thống đốc Đài Loan Trần Nghi (Chen Yi). Khi họ vừa đến, cảnh sát đã xả súng và bắn chết nhiều người biểu tình. Không thể chiếm tòa nhà này, một số người tiến về Công viên Mới, cũng là nơi đặt đài phát thanh của chính quyền Quốc Dân Đảng. Hai giờ chiều, những người

biểu tình chiếm đài phát thanh, bắt đầu phát tin về cuộc nổi dậy ở Đài Bắc, cáo buộc Thống đốc Trần Nghi tham nhũng, không để cho người Đài Loan có phương tiện kiếm sống. Vào ba giờ chiều cùng ngày, Sở chỉ huy Quân đội đồn trú Đài Loan tuyên bố thiết quân luật tạm thời.

Cuộc biểu tình ở Đài Bắc châm ngòi cho hàng loạt các cuộc nổi dậy của người Đài trên khắp hòn đảo. Ở nhiều nơi, người Đài chiếm các văn phòng của chính quyền.

Diễn biến mà bạn vừa đọc qua đánh dấu cuộc biểu tình đầu tiên trong thảm kịch có tên là *Sự kiện 228* hay *Thảm sát 228* vì bắt đầu vào ngày 28 tháng 2.

Cuộc nổi dậy bất ngờ trên khắp Đài Loan buộc Thống đốc Trần Nghi phải đàm phán với người biểu tình. Trong lúc bí mật chờ quân đội từ đại lục đến tiếp viện, Trần Nghi đồng ý thành lập Ủy ban Giải quyết Sự kiện 228. Thành viên của ủy ban này bao gồm các trí thức, nhà báo, luật sư, chính trị gia, sinh viên người Đài Loan. [5]

Vào ngày 6/3/1947, ủy ban soạn thảo “32 đề nghị” và dự định phát thanh truyền khắp trong ngoài nước bằng năm thứ tiếng. Sau khi bổ sung ý kiến, một bản tuyên bố “42 đề nghị” được đưa ra. Tuyên bố yêu cầu chính quyền Quốc Dân Đảng tiến hành dân chủ hóa Đài Loan với các yêu cầu như người Đài Loan được tham gia chính quyền, tôn trọng các quyền tự do như tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hiệp hội, đảm bảo quyền lợi của người bản địa. Toàn bộ bản đề nghị là một tuyên bố về quyền tự quyết của người Đài Loan. Thống đốc Trần Nghi bác bỏ toàn bộ đề nghị. [6]

“Terror In Formosa”, một bản tin vào tháng 3/1947 từ The Daily News of Perth. Nguồn: wikipedia.org.

Terror In Formosa

SHANGHAI, Mon. — A reign of terror, probably unequalled in the history of the Kuomintang Government was perpetrated in Formosa.

So said John W. Powell, the only American correspondent who has been able to visit Formosa since uprisings began in February.

Mr. Powell was writing in the China Weekly, a paper of which he is editor.

He said that Chinese Government troops committed some of the most unimaginable atrocities to suppress demonstrations.

The Formosans had rioted against oppression far worse than that suffered at the hands of the Japanese.

After rioting began the Government sent out flying squads of troops who fired dumdum machine-gun bullets into every group they met.

Deaths were conservatively estimated at 5000.

General Chen Yi, the Chinese Governor, then promised to accept reforms but used the truce period to reinforce his troops who then subjected Taihoku to a five-day blood bath.

Ngày 8/3/1947, hơn 100 sinh viên tuổi từ 18

đến 19 bị bắn chết trước một văn phòng của lực lượng hải quân. Chính quyền cáo buộc các sinh viên đã tấn công văn phòng hải quân. Một nhân chứng quan sát các thi thể tại hiện trường nói rằng không ai trong số các sinh viên này mang vũ khí hay có dấu hiệu tham gia xung đột. Một số sinh viên tử nạn được cho là thuộc lực lượng duy trì trật tự công cộng do chính quyền tuyên mộ trong khi Ủy ban Giải quyết Sự kiện 228 làm việc. [7]

Đến ngày 9/3/1947, Đài Bắc tuyên bố thiết quân luật một lần nữa. Một lực lượng ám sát chính trị kiểu Stasi của chính quyền cộng sản Đông Đức được thành lập. Chiều cùng ngày, quân đội tiến vào một khu chợ, giết người bừa bãi.



(ảnh trên) Ngày 28/2/1947, người dân giận dữ xông vào đồn cảnh sát Yidingmu ở Đài Bắc. Nguồn: wikipedia.org.

(ảnh dưới) Một nhân viên của Cục Độc quyền thuốc lá và rượu Đài Bắc nằm trên đường phố sau khi bị đánh đập trong cuộc xung đột đột tại trụ sở. Nguồn: 228.org.tw.

Ngày 10/3/1947, đạo quân tiếp viện từ đại lục nhanh chóng kiểm soát các địa điểm trọng yếu từ Đài Bắc đến Cơ Long. Lực lượng an ninh được lệnh gom bắt “phản loạn”. Các thành viên của Ủy ban Giải quyết Sự kiện 228 như Lâm Liên Tôn (luật

su/ nghị viên), Lý Thụy Hán (Chủ tịch Hiệp hội Luật sư Đài Bắc), Vương Thiêm Đăng (nghị viên) bị đưa đi và không bao giờ trở lại nữa.

Đài Loan bắt đầu thời kỳ Khủng bố Trắng (White Terror) với ước tính từ 18.000 đến 28.000 người đã chết hoặc mất tích. Nhiều nhân sĩ trí thức tinh hoa của Đài Loan bị giết hại. Rất nhiều người thuộc thành phần bình dân cũng là nạn nhân, có người còn không biết vì sao mình bị bắt. [8]

Năm 1995, Tổng thống Lý Đăng Huy thay mặt chính phủ chính thức xin lỗi quốc dân về Sự kiện 228, lấy ngày 28 tháng 2 làm ngày Tưởng niệm Hòa Bình để tưởng nhớ những nạn nhân của sự kiện này. Công viên Mới ở Đài Bắc, nơi người biểu tình chiếm đài phát thanh, trở thành Công viên Tưởng niệm 228, còn đài phát thanh trở thành Viện bảo tàng Tưởng niệm 228 Đài Bắc. [9]

Ngày nay, bạn có thể đến thăm Đại Đạo Trình để cầu xin chuyện tình duyên ở một ngôi đền rất linh thiêng, bước vào các cửa hàng gần như không có thay đổi gì trong 100 năm qua, đi ngang qua quán trà Thiên Mã nơi bắt đầu sự kiện đẫm máu 228. Tuy vậy, bạn vẫn cảm thấy nơi này có một điều gì đó kỳ bí, thúc đẩy bạn đi sâu hơn nữa vào lịch sử của khu phố cổ.

Những lưu dân từ Phúc Kiến di cư đến Đài Loan lập nghiệp từ cách đây vài thế kỷ. Nhóm lưu dân đến từ các quận Huệ An, Tấn Giang, Nam An chọn Bangka, ngày nay là quận Vạn Hoa (Wanhua), để làm nơi kinh doanh, dựng lên bến cảng giao thương hàng hóa bên dòng sông Đạm Thủy (Tamsui). Nhóm đến sau từ quận Đồng An, tỉnh Phúc Kiến cũng đến đây để lập nghiệp. Hai nhóm có hai hiệp hội kinh doanh khác nhau. Nhóm trước kiểm

soát việc giao thương, áp đặt 5% thuế lên mọi chuyến tàu chở hàng, bao gồm cả hàng của nhóm sau. Không lâu sau, mâu thuẫn bùng nổ dẫn đến xung đột vào năm 1853 khiến hàng chục người chết. [10]

Thua trận, những lưu dân đến sau bỏ Vạn Hoa rút về phía hạ lưu của sông Đạm Thủy, lập nghiệp tại Đại Đạo Trình. Sự bồi đắp phù sa từ dòng sông Đạm Thủy và mức nước tương đối cao đã đưa Đại Đạo Trình trở thành thương cảng lớn nhất ở miền Bắc Đài Loan. [11] Nhờ thương cảng này, Đại Đạo Trình ngày càng thịnh vượng từ việc mua bán hàng hóa.

Đại Đạo Trình không phải là tên gọi chính thức, đây là một tên gọi dân gian chỉ một khu đất được người dân trồng trọt từ thế kỷ 18 ở Đài Bắc. Con phố chính lúc ấy có tên là Phố Trung Tâm, tập trung rất nhiều cửa hàng buôn bán hàng hóa với tàu thuyền từ khắp thế giới. [12]

Năm 1859, một ngôi chùa còn tồn tại cho đến ngày nay tên là Hà Hải Thành Hoàng Miếu (Xia Hai City God) được xây dựng tại Đại Đạo Trình. Vào khoảng tháng Năm âm lịch, người Đài tổ chức một lễ hội truyền thống tại ngôi đền này, kéo dài khoảng một tháng. [13] Bạn sẽ thấy những đoàn diễu hành nối đuôi nhau trên phố với kèn trống tung bừng, pháo nổ liên hồi. Đây được cho là một trong những lễ hội còn được duy trì xuyên suốt từ đời nhà Thanh. Ngày nay, ngôi đền được cho là rất linh thiêng trong việc cầu xin tình duyên và hôn nhân. [14]

Năm 1865, một thương gia người Scotland bắt đầu mở cửa hàng buôn trà ở Đại Đạo Trình. Sau đó, nơi này trở thành trung tâm buôn bán trà ô long, các loại dược thảo và thực phẩm khô. [15]

Sự bùng nổ của giao thương cũng đã mang theo các tư tưởng tư sản tiến bộ cập bến Đài Loan, cũng giống như thương cảng Hội An của Việt Nam ngày xưa, nơi

khởi dậy các phong trào dân quyền, cải cách xã hội. [16]

Đầu thế kỷ XX, Đài Loan nở rộ các phong trào cải cách xã hội tương tự như Việt Nam với các phong trào của các nhà yêu nước Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu.

Ngày nay, Đại Đạo Trình có một nhà tưởng niệm lưu danh bác sĩ Tường Vĩ Thủy, một chính trị gia lỗi lạc của Đài Loan dưới thời Nhật Bản thuộc địa. Tường Vĩ Thủy là người thành lập Đảng Dân chúng Đài Loan, đảng chính trị đầu tiên của người Đài Loan. [17] Vào năm 1921, ông lập ra Hiệp hội Văn hóa Đài Loan (Taiwan Cultural Society). Hiệp hội này tập hợp rất nhiều thành phần ưu tú để cải cách xã hội với ba mục tiêu chính là phổ biến giáo dục, thiết lập nền văn hóa đặc trưng của Đài Loan, và thực hiện sứ mệnh thay đổi thế giới. Các hoạt động của hiệp hội thường được tổ chức ở các ngôi đền thờ địa phương nhằm gây dựng ý thức về dân quyền cho người dân. [18] Có lẽ vì vậy mà ngày nay, các chính trị gia Đài Loan thường vận động tranh cử ở các đền thờ.

Năm 1945, Nhật Bản bại trận trong Thế chiến thứ Hai. Đài Loan được trao trả cho Trung Hoa Dân Quốc. Quốc Dân Đảng đã đổi tên các con phố ở Đài Loan tương ứng theo địa lý ở Trung Quốc. Phố Trung Tâm của Đại Đạo Trình vì nằm ở vùng Tây Bắc nên có tên mới là Dihua (Địch Hóa) theo tên gọi cũ của thành phố Ürümqi, thuộc Tân Cương, Trung Quốc. [19]

Chính quyền Quốc Dân Đảng đã kỳ thị nặng nề người Đài Loan khi tiếp quản hòn đảo này. Người Đài không được tham gia chính trị. Các chính sách kinh tế thất bại của chính quyền mới khiến người dân ngày càng bất mãn. Và người ta còn dễ dàng thấy sự xa lạ của những người đại lục khi họ không nói được tiếng Đài Loan. Hai năm sau khi Quốc Dân Đảng tiếp quản hòn đảo này, sự kiện đòi quyền tự quyết 228 bùng nổ. □



NHỮNG ĐIỀU BẠN CÓ THỂ CHƯA BIẾT VỀ TIẾNG ĐÀI LOAN

Nhiều lần lột xác, và vẫn đang biến đổi.

Mẫn Nhi

Người Đài Loan nói tiếng gì? Câu hỏi tưởng chừng đơn giản này chưa bao giờ có câu trả lời giản đơn, cả trong lịch sử, hiện tại lẫn tương lai của đảo quốc.

Ngôn ngữ của người Đài gắn chặt với căn tính và vận mệnh của họ.

Muốn tìm hiểu, chúng ta vừa phải lần lại lịch sử Đài Loan, vừa phải đặt nó trong mối tương quan với Trung Quốc, và xóa đi một số hiểu lầm phổ biến về ngôn ngữ của các dân tộc người Hoa.

TRUNG QUỐC: CÙNG MỘT THỨ CHỮ, NHƯNG KHÔNG CÙNG MỘT THỨ TIẾNG

Ngôn ngữ được dùng chính thức ở Trung Quốc là tiếng Quan thoại (官話, hay “Mandarin” trong tiếng Anh).

Giống như tên gọi, đây vốn dĩ là “tiếng của quan lại”, là tiếng nói của những người sống chủ yếu ở khu vực phía Bắc Trung Quốc. Từ “Mandarin” có nghĩa là quan chức, và sau được dùng để chỉ luôn thứ ngôn ngữ của các quan. [1]

Người dân sinh sống lâu đời ở mỗi vùng của Trung Quốc lại có một thứ tiếng riêng. Nhiều người trước nay vẫn gọi các thứ tiếng riêng đó là “phương ngôn” (方言 - dialect). Đây là cách nói không chính xác và dễ gây hiểu lầm.

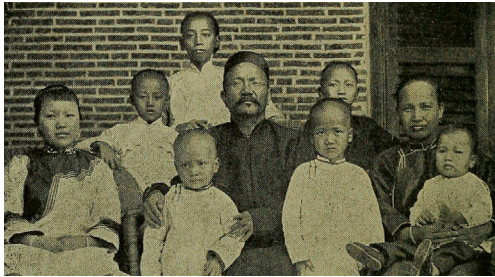
Một người từ vùng này sang vùng khác sẽ không thể hiểu được người địa phương đang nói gì nếu không học trước thứ tiếng của vùng đó. Ví dụ như người Bắc Kinh sẽ không hiểu được tiếng Quảng Đông, hoặc người Quảng Đông sẽ không hiểu được tiếng Phúc Kiến.

Sự khác biệt này cũng lớn như người nói tiếng Anh không hiểu tiếng Pháp, hoặc người nói tiếng Pháp không hiểu tiếng

Tây Ban Nha, dù các ngôn ngữ này đều có chung một gốc.

Dù có các thứ tiếng khác nhau, những người Hán ở Trung Quốc đều sử dụng chung một loại chữ viết (với một chút khác biệt nhỏ về từ vựng ở mỗi vùng). Những tộc người thiểu số khác, như người Tây Tạng, Mông Cổ hay Duy Ngô Nhĩ, có các loại chữ viết riêng và tiếng nói riêng của họ.

Vào đầu thế kỷ 20, các nỗ lực thống nhất ngôn ngữ ở Trung Quốc được đưa ra, và tiếng Quan thoại trở thành tiếng nói chính thức của cả nước. [2] Vì thế, nó còn được gọi là “quốc ngữ” (國語) hay “tiếng Phổ thông” (普通話).



Một gia đình người Phúc Kiến. Nguồn: wikipedia.org.

ĐÀI LOAN TRƯỚC THẾ KỶ 20: TIẾNG PHỔ THÔNG KHÔNG PHẢI LÀ NGÔN NGỮ PHỔ THÔNG

Theo Britannica, phần lớn người gốc Hoa di dân từ đại lục đến Đài Loan vào khoảng thế kỷ 14 đến thế kỷ 17. [3] Những di dân đó chủ yếu là người Phúc Kiến (Hoklo hay Fujian) đến từ phía Nam tỉnh Phúc Kiến, và người Khách Gia (Hakka hay Kejia) đến từ tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến.

Người Phúc Kiến chiếm đa số, nên tiếng Mân Nam (閩南 hay Southern Min), một nhánh của tiếng Phúc Kiến, là ngôn ngữ phổ biến nhất tại Đài Loan cho tới đầu thế kỷ 20. Nó còn được gọi là “Đài ngữ” (台語 - Taigi hay Taiyu). Ngày nay, nói tới “tiếng Đài” là đang chỉ thứ tiếng này của người Phúc Kiến.

Trong giai đoạn Nhật cai trị Đài Loan, một cuộc điều tra dân số vào năm 1905 cho thấy hơn 80% người Đài Loan khi đó có gốc Phúc Kiến và nói tiếng Mân Nam. [4]

Phần còn lại là những người Khách Gia, nói tiếng Khách Gia, và các tộc người bản địa (aboriginal) với các thứ tiếng riêng của họ.

Năm 1945, Đài Loan được Nhật trao trả cho Trung Quốc. Năm 1949, chính phủ Quốc Dân Đảng (KMT) thua trong cuộc Nội chiến phải rút toàn bộ về Đài Loan. Trong giai đoạn này, hàng triệu người Trung Quốc từ đại lục chạy sang Đài Loan lánh nạn. Họ tạo thành một nhóm dân mới tại Đài Loan, được gọi là “người đại lục” (mainlander).

Những người đại lục này dùng tiếng Quan thoại, hay tiếng Phổ thông, nhưng do họ là thiểu số, tiếng Phổ thông vào thời điểm này không phải là thứ tiếng được dùng phổ biến tại Đài Loan.

ĐÀI LOAN DƯỚI THỜI NHẬT: QUỐC NGỮ XA LẠ ĐẦU TIÊN

Suốt nhiều thế kỷ, các sắc dân tại Đài Loan nói những thứ tiếng riêng của họ. Nỗ lực đầu tiên tạo ra quốc ngữ thống nhất ở Đài do chính phủ thực dân Nhật thực hiện.

Dù chỉ cai trị Đài Loan trong 50 năm (1895-1945), Nhật đã tạo ra ảnh hưởng lớn, thay đổi mọi mặt đời sống của người Đài Loan, từ việc xây dựng hạ tầng hiện đại đến áp đặt một thứ văn hóa mới. [5]

Tiếng Nhật là ngôn ngữ chính thức, được dạy trong các trường học ở Đài. [6] Số lượng người Đài Loan dùng song ngữ (vừa nói tiếng riêng của sắc tộc mình vừa nói tiếng Nhật) không ngừng tăng lên.

Một gia đình Đài Loan trong thời gian bị Nhật chiếm đóng. Nguồn: wikipedia.org.



Năm 1937, chính quyền thực dân đưa ra chính sách Nhật Bản hóa (Japanization) triệt để, mục đích biến Đài Loan trở thành một xã hội “đơn ngôn ngữ” (monolingual), bắt tất cả người Đài đều nói tiếng Nhật.

Theo một thống kê của chính quyền, đến cuối năm 1943, hơn 80% dân số Đài Loan khi đó dùng “quốc ngữ Nhật”.

Dưới sự cai trị của người Nhật, người Đài Loan đã trải qua một sự thay đổi gần như lột xác, phải tiếp nhận một thứ ngôn ngữ xa lạ để làm ngôn ngữ chính của mình.

ĐÀI LOAN DƯỚI THỜI QUỐC DÂN ĐẢNG: MỘT THỨ QUỐC NGỮ XA LẠ KHÁC

Thay chân cho người Nhật, Quốc Dân Đảng đến và áp đặt một căn tính mới cho người Đài Loan.

Những người đại lục ở Đài Loan vào thập niên 1950 chỉ chiếm chưa tới 15% dân số, nhưng chính phủ Quốc Dân Đảng vẫn quyết tâm biến tiếng Quan thoại trở thành quốc ngữ của Đài Loan. [7]

Một phần là vì những người đại lục nói tiếng Quan thoại không thể hiểu được các

thứ tiếng của người Phúc Kiến hay Khách Gia tại Đài Loan. Phần khác, Quốc Dân Đảng muốn biến Đài Loan thành căn cứ địa để khôi phục lực lượng, quay lại tái chiếm đại lục. Áp đặt tiếng Quan thoại, cùng với đó là một căn tính Trung Hoa lên toàn bộ người Đài Loan, là cách để chính quyền huy động nguồn lực của toàn dân cho mục tiêu chung.

Tuyệt đại đa số người Đài Loan không nói được tiếng Quan thoại tự động trở thành công dân hạng hai, chịu đủ sự bất lợi và kỳ thị, một vấn đề lặp lại như thời kỳ cai trị của Nhật.

Ngay cả những thành phần trí thức của Đài Loan cũng lao đao, bỗng nhiên từ giới có học trở thành “mù chữ”, nhất là khi họ đã bỏ ra nhiều công sức để tiếp thu tiếng Nhật.

Trong khi đó, các thứ tiếng được dùng phổ biến tại Đài của người Phúc Kiến, Khách Gia và các ngôn ngữ bản địa không được dạy trong trường, bị kỳ thị và đẩy ra ngoài rìa.

ĐÀI LOAN THỜI DÂN CHỦ: TIẾNG ĐÀI VÀ CÁC NGÔN NGỮ RIÊNG ĐƯỢC CỞI TRỞI

Kể từ khi tiến hành dân chủ hóa vào đầu thập niên 1990, tiếng Đài (Mân Nam), tiếng Khách Gia và các ngôn ngữ bản địa không còn bị hắt hủi.

Trước đó, trong các thời kỳ cai trị của Nhật rồi sau đó là Quốc Dân Đảng, phong trào cổ vũ tiếng Đài đã manh nha phát triển, đi kèm với đó là việc tạo ra một căn tính riêng cho người Đài Loan, khác biệt với những căn tính áp đặt từ các chế độ thực dân.

Sau khi dân chủ hóa, dưới áp lực của dư luận, chính quyền đã dần công nhận vai

trò của các ngôn ngữ riêng tại Đài Loan. [8]

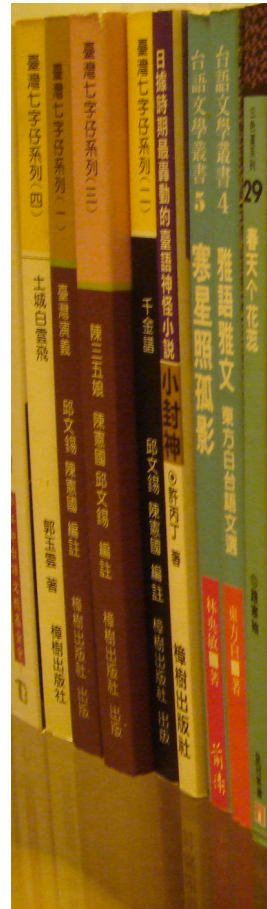
Năm 2001, Bộ Giáo dục công bố chính sách giáo dục dành cho các ngôn ngữ bản thổ (local language in education policy), đưa tiếng Đài, tiếng Khách Gia và các thứ tiếng của người bản địa thiểu số thành các lựa chọn trong chương trình giáo dục tiểu học.

Năm 2009, chính sách này được thay đổi, biến các chương trình trên trở thành nội dung bắt buộc với bậc tiểu học. Mục tiêu là để trẻ em có thể nắm vững ngôn ngữ mẹ đẻ (mother tongue).

Chính quyền còn tạo điều kiện cho những nhóm di dân mới bảo tồn tiếng mẹ đẻ của họ, truyền lại cho thế hệ sau, như chính sách thúc đẩy mở các khóa học ngôn ngữ kế thừa (heritage languages) vào năm 2011 dành cho con cháu của những di dân, trong đó có khuyến khích học tiếng Việt. [9]

Tiếng Quan thoại tuy vẫn còn là quốc ngữ tại Đài Loan, nhưng giờ đây nó đã không còn là thứ tiếng “mẹ đẻ mặc định”.

Các chương trình truyền hình, phát thanh bằng tiếng Đài, tiếng Khách Gia và cả các ngôn ngữ bản địa nở rộ. Các chính trị gia trong nhiều trường hợp ưu tiên dùng tiếng địa phương để thu hút cử tri. Các cuộc thảo luận về vai trò của tiếng Quan thoại, thậm chí là việc thay thế quốc ngữ bằng tiếng Đài diễn ra công khai và nhận được nhiều sự quan tâm của dư luận.



Tuy vậy, trong tương lai gần, điều đó khó xảy ra.

Một khảo sát về tiếng Đài được tiến hành vào năm 2010 cho thấy những người dưới 30 tuổi ở Đài Loan xem tiếng Quan thoại là ngôn ngữ chính hoặc tiếng mẹ đẻ của họ. [10] Những người từ 30 đến 60 tuổi thì xem cả tiếng Quan thoại lẫn tiếng Đài là ngôn ngữ mẹ đẻ. Trong khi đó, những người trên 60 dùng tiếng Đài như tiếng mẹ đẻ, với một bộ phận thông thạo tiếng Nhật.

Hai lần quốc ngữ hóa từ các chế độ thực dân, những mâu thuẫn xã hội phát sinh từ đó, và quá trình dân chủ hóa tạo ra các khoảng cách lớn về mặt ngôn ngữ giữa những thế hệ người Đài Loan, và một phần nào đó là sự khác biệt về căn tính dân tộc.

Những người xem tiếng Đài là tiếng mẹ đẻ nhiều khả năng có một ý thức xây dựng căn tính riêng, tách biệt với căn tính Trung Hoa đã được chính quyền Quốc Dân Đảng áp đặt vào thời kỳ thiết quân luật.

Nhưng điều đó không có nghĩa là những người ủng hộ giữ tiếng Quan thoại làm quốc ngữ thiếu căn tính riêng hoặc muốn thống nhất với Trung Quốc.

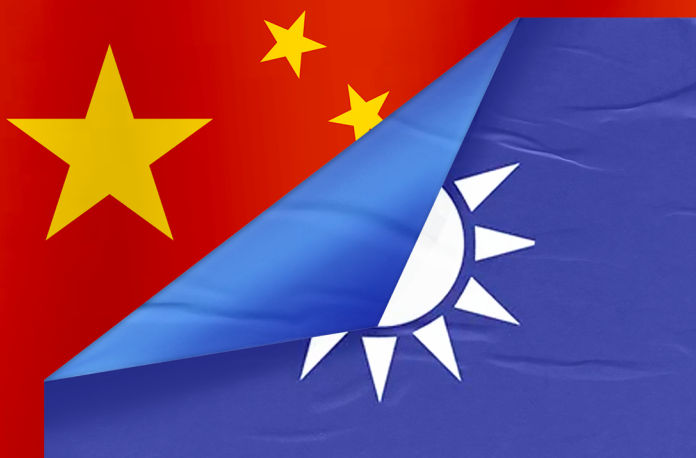
Chính quyền đại lục từ thập niên 1950 đã phổ biến việc sử dụng chữ giản thể (簡體 - simplified characters), một hình thức lược bỏ và đơn giản hóa chữ viết tiếng Hoa. Người Đài Loan thì vẫn giữ chữ phồn thể (繁體 - traditional characters), với đầy đủ các nét như truyền thống.

Ngoài ra, trong khi đại lục sử dụng hệ thống phiên âm Latin (pinyin) cho tiếng Quan thoại, Đài Loan lại dùng hệ thống chú âm (zhuyin), được phát minh trước đó vào đầu thế kỷ 20. [11]

Cùng với một số khác biệt trong phát âm và từ vựng, những điểm trên khiến nhiều người Đài Loan hài lòng với việc sử dụng tiếng Quan thoại như quốc ngữ, vừa có ích lợi khi giao thương với Trung Quốc, lại vừa giữ được những đặc tính riêng đủ để khác biệt với đại lục. □

Tuyển tập các tác phẩm văn học (bản gốc và bản dịch) bằng tiếng Đài, với nhiều kiểu viết. Nguồn: Wikipedia.





Tranh minh họa: Luật Khoa.

“MỘT TRUNG QUỐC”

QUA CÁC ĐỜI TỔNG THỐNG HOA KỲ

Nguyễn Quốc Tấn Trung

Trước khi bắt đầu với sự lộn xộn của các đời tổng thống Hoa Kỳ, thói quen tiền hậu bất nhất của hệ thống chính trị lưỡng đảng, cũng như các quan điểm có phần đá chân nhau liên tục của họ, chúng ta trước tiên cần xác định điều gì là thống nhất trong chính sách một Trung Quốc của các đời chính quyền Hoa Kỳ.

Ở một mặt nào đó, dù các chính quyền khác nhau với những cá nhân khác nhau của Hoa Kỳ sẽ theo đuổi các lợi ích chính sách khác nhau, nguyên tắc pháp quyền (rule of law), ở cả mặt pháp luật nội địa và pháp luật quốc tế, sẽ đặt ra những giới hạn nhất định cho các chính trị gia Hoa Kỳ. Nói cách khác, hành vi chính sách của các đời tổng thống sẽ bị giới hạn bởi một số văn bản pháp lý mà họ lập ra trong suốt giai đoạn ngoại giao mấy thập niên qua.

Vậy những văn bản quy phạm nào xác định lập trường cơ bản của Hoa Kỳ? Và chúng có điểm chung là gì?

CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH MỘT TRUNG QUỐC

May mắn là không quá khó để có một cái nhìn cơ bản về “một Trung Quốc” từ phía Hoa Kỳ. Trong các tài liệu, có năm văn bản chúng ta cần lưu ý và ghi nhớ:

1. Thông cáo Thượng Hải 1972 (Shanghai Communiqué 1972);
2. Thông cáo Bình thường hóa quan hệ ngoại giao 1979 (Normalisation Communiqué 1979);
3. Đạo luật về Quan hệ Ngoại giao với Đài Loan 1979 (Taiwan Relations Act 1979);
4. Sáu Bảo đảm đến Đài Bắc 1982 (Six Assurances to Taipei of 1982);
5. Thông cáo 17 tháng 8 [về mua bán vũ khí quân sự] 1982 (August 17 Communiqué of 1982);

Nhìn chung, chỉ cần đọc vài dòng mở màn của những văn bản này, chúng ta sẽ nhận ra “một Trung Quốc” là một chính sách kỳ lạ và mập mờ đến như thế nào.

Đầu tiên, phải kể đến Thông cáo Thượng Hải 1972, văn bản ngoại giao đầu tiên giữa nhà nước Hoa Kỳ và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sau khi chính quyền Trung Hoa Dân Quốc bị loại khỏi Liên Hiệp Quốc vào năm 1971. [1]

Điểm thú vị là, ngay cả khi chính quyền của Trung Hoa Dân Quốc đã không còn bất kỳ vị thế chính trị nào trên

trường quốc tế, và bản thân ông Nixon (Tổng thống) lẫn Henry Kissinger (có thể được xem là kiến trúc sư trưởng cho toàn bộ chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ giai đoạn này) đều được cho là đã “đi đêm” với chính quyền đại lục, Thông cáo Thượng Hải gửi kèm một thông điệp không thể mập mờ hơn từ phía Hoa Kỳ.

Theo đó, phía Hoa Kỳ:

“[...] thừa nhận quan điểm **của người Trung Quốc** ở cả hai phía của eo biển Đài Loan rằng chỉ có một Trung Quốc, và Đài Loan là một phần của Trung Quốc.

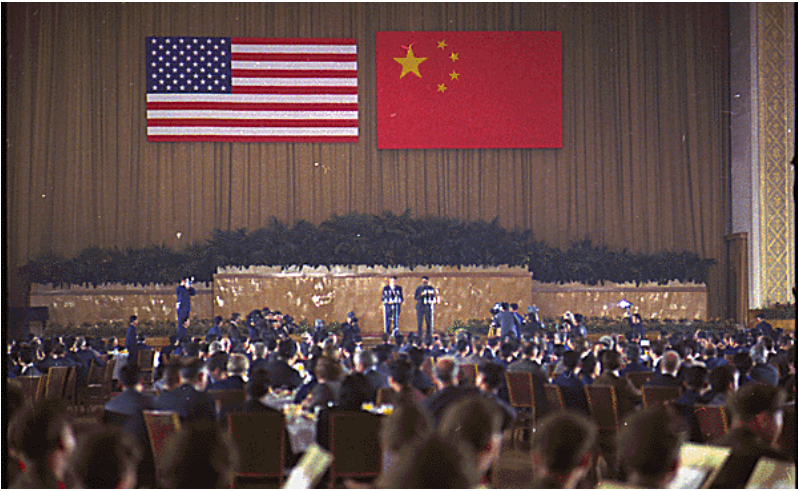
Nhà nước Hoa Kỳ không thách thức quan điểm này.

Chúng tôi cũng khẳng định **lợi ích** của mình trong việc giải quyết vấn đề Đài Loan **một cách hòa bình** giữa người Trung Quốc với nhau [...]” [2]

Hai vấn đề lớn trong thông điệp này được người viết in đậm để dễ theo dõi.

Một là, chính phủ Hoa Kỳ không công nhận hay thừa nhận bất kỳ điều gì liên quan đến chủ quyền của Trung Quốc đại lục lẫn Trung Hoa Dân Quốc ở Đài Loan.

Richard Nixon và Chu Ân Lai phát biểu trong một bữa tiệc, trong chuyến thăm Trung Quốc năm 1972 của Nixon.
Nguồn: wikipedia.org.



Họ để cho người Trung Quốc ở cả hai phía tự giải quyết.

Thay vì tự mình công nhận rằng chỉ có một Trung Quốc, và Đài Loan là một phần của Trung Quốc, chính phủ Nixon thừa nhận rằng người Trung Quốc - dù là Trung Hoa Dân Quốc hay Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa - *có quan điểm rằng Trung Quốc chỉ có một.*

Điều này tạo ra rất nhiều không gian để các chính phủ Hoa Kỳ sau này có thể điều chỉnh diễn ngôn chính trị.

Ở một phương diện, thông điệp có thể được lý giải rằng chúng tôi thừa nhận là anh có quan điểm như vậy về Đài Loan, và tôi không có phản đối gì với quan điểm của riêng anh.

Nhưng quan điểm của tôi thì sao?

Tôi vẫn chưa đưa ra quan điểm cụ thể.

Ở phương diện khác, chính quyền Hoa Kỳ đưa ra thông điệp này vào thời điểm mà cả người Trung Quốc ở đại lục lẫn Đài Loan đều cho rằng Trung Quốc chỉ có một và Đài Loan là của Trung Quốc.

Trong tương lai, nếu một bên (như Đài Loan) không còn duy trì quan điểm như vậy thì sao? Thông điệp của Hoa Kỳ có thể sẽ thay đổi.

Nói cách khác, chính sách “một Trung Quốc” của Hoa Kỳ được hình thành với ngôn từ mơ hồ có chủ đích, đồng thời với đó là đẩy trách nhiệm cho hai bên tranh chấp trực tiếp là Trung Quốc và Đài Loan, thay vì tự mình đưa ra một chính sách rõ ràng.

Vấn đề thứ hai là, sau khi đưa ra phiên bản “một Trung Quốc” vô cùng bất định, người Mỹ lại khẳng định lợi ích của mình trong việc theo dõi và bảo đảm rằng xung đột về Đài Loan sẽ được giải quyết một cách hòa bình.

Điều này là một minh chứng rõ ràng hơn cho thấy “một Trung Quốc” không phải là sự công nhận của Hoa Kỳ đối với chủ quyền của nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Bởi nếu Hoa Kỳ đã công nhận điều đó thì vấn đề Đài Loan trở thành vấn đề hoàn toàn nội bộ của Trung Quốc, và Hoa Kỳ sẽ không thể can thiệp vào cách thức giải quyết xung đột Đài Loan như vậy.

Thông cáo Thượng Hải 1972 có thể nói là tạo ra nền tảng cho toàn bộ lịch sử của sự mập mờ pháp lý từ Hoa Kỳ.

Tám năm sau, với hai đời tổng thống kế nhiệm, Thông cáo về Bình thường hóa Quan hệ Ngoại giao giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc năm 1979 tiếp tục sử dụng kỹ thuật và diễn ngôn của Thông cáo Thượng Hải. [3]

Một mặt, chính quyền Hoa Kỳ công nhận (recognize) Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là chính quyền hợp pháp duy nhất đại diện cho “toàn Trung Quốc”.

Tuy nhiên, Hoa Kỳ cũng khẳng định họ sẽ tiếp tục duy trì các mối quan hệ về văn hóa, thương mại, và các vấn đề quan hệ không chính thức khác với Đài Loan. Khái niệm Trung Quốc và Đài Loan dường như được tách rời khỏi nhau một cách có chủ đích.

Quan trọng hơn nữa, chính quyền Hoa Kỳ tiếp tục dừng lại ở mức thừa nhận (acknowledge) quan điểm của chính quyền Trung Quốc rằng chỉ có một Trung Quốc và Đài Loan là một phần của Trung Quốc.

Một lần nữa, Hoa Kỳ lại không tự mình “công nhận” chủ quyền Trung Quốc đến đâu và Đài Loan là của ai. Họ “thừa nhận” việc phía Trung Quốc có quan điểm rằng Đài Loan là một phần không thể tách rời của đại lục, nhưng việc họ có công nhận tương tự hay không lại là chuyện rất khác.

Sự mơ hồ này dần được biết đến với tên gọi “mơ hồ chiến lược” (strategic ambiguity), và từ đó trở thành quyết sách chính thức của các đời chính quyền Hoa Kỳ dành cho vấn đề Đài Loan.

Tuy nhiên, không chỉ dừng lại ở mức mơ hồ chiến lược, các nhà lập pháp Hoa Kỳ với Đạo luật về Quan hệ Ngoại giao với Đài Loan 1979 (Taiwan Relations Act 1979) thậm chí đặt ra trách nhiệm đối với các đời tổng thống Hoa Kỳ trong việc xử lý ra sao mối quan hệ với Đài Loan. [4]

Trong đó, họ ghi nhận cụ thể rằng hòa bình và ổn định của eo biển Đài Loan ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích chính trị, an ninh và kinh tế của Hoa Kỳ.

Họ cũng tự xác định rằng đây là vấn đề quốc tế.

Không chỉ vậy, giới lập pháp còn cho rằng Hoa Kỳ xác lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc dựa trên kỳ vọng rằng tương lai của Đài Loan sẽ được xác định bằng các giải pháp hòa bình. Trên cơ sở đó, bất kỳ nỗ lực nào muốn áp đặt hay giải quyết tình trạng Đài Loan mà không phải bằng con đường hòa bình sẽ được xem là đe dọa hòa bình và an ninh của khu vực Tây Thái Bình Dương, và là vấn đề nghiêm trọng đối với Hoa Kỳ. Đạo luật từ đó yêu cầu các chương trình mua bán vũ khí, các chương trình đối tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, v.v. với Đài Loan được tiếp tục phát triển một cách bình thường.

Như vậy, cho đến thời điểm này, “một Trung Quốc” dưới góc nhìn của Hoa Kỳ có thể được khái quát thành ba thành tố chính:

1. Sự mơ hồ chiến lược về việc công nhận Trung Quốc và Đài Loan;

2. Kỳ vọng duy trì sự tồn tại của thực thể chính trị có triển vọng dân chủ là Đài Loan;
3. Và từ đó, quan trọng hơn, là kỳ vọng duy trì tầm ảnh hưởng của Hoa Kỳ ở khu vực biển quan trọng này.

Tuy nhiên, dù tư tưởng chung ban đầu là như vậy, Hoa Kỳ cũng đã trải qua đến mười đời tổng thống kể từ khi các chính sách ngoại giao của quốc gia này mang nha khái niệm “một Trung Quốc” (mà cụ thể là từ thời của Tổng thống Nixon).

Mỗi tổng thống, với những người cố vấn thân cận, những cương lĩnh, tham vọng, tính cách, niềm tin và trải nghiệm cá nhân khác nhau, có thể sẽ tạo ra những thay đổi nhất định cho chính sách “một Trung Quốc” nói chung. Những thay đổi này có thể mang đến một số điểm cân bằng cân nhắc quyền lợi giữa các bên, nhưng cũng có thể nhượng bộ Bắc Kinh và gây ảnh hưởng đến những cam kết ban đầu mà hệ thống chính trị Hoa Kỳ đưa ra dành cho Đài Loan.

Vậy sau mười đời tổng thống, chính sách “một Trung Quốc” đã có những biến đổi như thế nào?

Trước tiên, cần liệt kê mười đời tổng thống mà chúng ta đã nhắc đến:

1. Richard Nixon (1969 - 1974) (Đảng Cộng hòa);
2. Gerald Ford (1974 - 1977) (Đảng Cộng hòa);
3. Jimmy Carter (1977 - 1981) (Đảng Dân chủ);
4. Ronald Reagan (1981 - 1989) (Đảng Cộng hòa);
5. George H. W. Bush (1989 - 1993) (Đảng Cộng hòa);
6. Bill Clinton (1993 - 2001) (Đảng Dân chủ)
7. George W. Bush (2001 - 2009) (Đảng Cộng hòa)
8. Barack Obama (2009 - 2017) (Đảng Dân chủ)
9. Donald Trump (2017 - 2021) (Đảng Cộng hòa)
10. Joe Biden (2021 - nay) (Đảng Dân chủ)

1969 - 1974

ĐIỂM KHỞI ĐẦU CỦA NIXON



Tổng thống Nixon và Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai trong chuyến thăm năm 1972 của Nixon tới Trung Quốc.
Nguồn: wikipedia.org.

Nixon và bộ sậu là điểm khởi đầu của quá trình bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, bao gồm cả nhân vật Henry Kissinger mới gây tranh cãi gần đây với những quan điểm gây sốc (như việc cho rằng Kyiv nên nhượng đất cho Kremlin). [5]

Trong giai đoạn nắm quyền của mình, Nixon và Kissinger được cho là “đi đêm” với chính quyền Trung Quốc và “đâm sau lưng” chính quyền Trung Hoa Dân Quốc.

Một số thì lại cho rằng chính quyền Nixon không làm gì khác ngoài việc thừa nhận hiện thực chính trị giữa eo biển Đài Loan.

Dù gì đi chăng nữa, chính quyền Nixon là chính quyền đầu tiên kết nối với Bắc Kinh và thể hiện quan điểm rằng họ sẽ công nhận chủ quyền của nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, chỉ ít là đối với đại lục.

Không chỉ vậy, thông tin giải mật sau này về các cuộc trò chuyện giữa Kissinger và Thủ tướng Chu Ân Lai, và giữa Nixon và Chu Ân Lai cho thấy một bức tranh tương đối rõ về mục tiêu và phạm vi của các chính sách được lựa chọn. [6]

Ví dụ, khi nói chuyện với Chu Ân Lai vào năm 1971, Kissinger khẳng định:

“Về tương lai chính trị của Đài Loan, chúng tôi [ý chỉ Hoa Kỳ] không ủng hộ giải pháp ‘Hai Trung Quốc’, hay giải pháp ‘Một Trung Quốc, Một Đài Loan’”.

Khi trả lời câu hỏi của Chu Ân Lai về việc liệu Hoa Kỳ có ủng hộ phong trào Đài Loan độc lập hay không, Kissinger cũng khẳng định:

“Chúng tôi chắc chắn sẽ không làm vậy.”

Đến năm 1972, cuộc hội đàm bí mật trực tiếp giữa Nixon và Chu Ân Lai hình thành nên Năm Nguyên tắc (Five Principles) - nguồn gốc thể hiện tư duy chính sách chủ yếu của Nixon về Đài Loan. [7] Theo đó:

1. Chỉ có một Trung Quốc, và Đài Loan là một phần của Trung Quốc. Tuy nhiên, Nixon cũng ghi nhận rõ là khẳng định này chỉ có thể được bảo đảm nếu ông có thể kiểm soát bộ máy nhà nước Hoa Kỳ (if I can control our bureaucracy). Tuy nhiên, nếu có ai trong bộ máy chính quyền vẫn còn tiếp tục bình luận thêm gì về vấn đề này (ý chỉ các nhà lập pháp Cộng hòa hoặc các nhóm chính trị ủng hộ Đài Loan), tình trạng pháp lý của “quốc đảo” này chắc chắn sẽ còn rất rối rắm trong không gian chính trị Hoa Kỳ.

2. Hoa Kỳ chưa và sẽ không ủng hộ phong trào Đài Loan giành độc lập;
3. Hoa Kỳ sẽ cố gắng gây ảnh hưởng để Nhật Bản không can thiệp vào tình hình Đài Loan, đặc biệt sau khi Hoa Kỳ rút sự hiện diện của mình khỏi hòn đảo này. Hoa Kỳ cũng sẽ cố gắng thuyết phục Nhật Bản không ủng hộ phong trào Đài Loan độc lập.
4. Hoa Kỳ ủng hộ các biện pháp hòa bình để giải quyết vấn đề Đài Loan. Và Hoa Kỳ cũng sẽ không ủng hộ các hoạt động quân sự của chính quyền Đài Loan nhằm đến đại lục.
5. Cuối cùng, Hoa Kỳ nhắm đến việc bình thường hóa quan hệ với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Và dù Đài Loan là một rào cản giữa hai quốc gia, Hoa Kỳ kỳ vọng có thể giải quyết câu chuyện ngoại giao hai nước thông qua khung chính sách nói trên.

Như vậy, có thể nói Năm Nguyên tắc của chính quyền Nixon gần như đáp ứng toàn bộ nguyện vọng của Bắc Kinh, từ không công nhận Đài Loan độc lập, không ủng hộ phong trào độc lập ở Đài Loan, cho đến kiềm chế sự kiểm soát của Nhật Bản tại Đài Loan.

Tuy nhiên, các chính khách Trung Quốc đã không thể tạo đủ áp lực để chính quyền Hoa Kỳ đưa ra một thông cáo ngoại giao rõ ràng như vậy. Và điều này đánh dấu việc hình thành sự “mơ hồ chiến lược” của giới cầm quyền Hoa Kỳ đối với chính sách “một Trung Quốc”.

Tổng thống Ford nâng li với Đặng Tiểu Bình trong chuyến thăm Trung Quốc năm 1975.
Nguồn: Gerald R. Ford Presidential Library.



1974 - 1977

KHI FORD TIẾP NỐI NIXON

Gerald Ford là một tổng thống kém may mắn trong lịch sử chính trị Hoa Kỳ.

Thay thế Nixon sau vụ bê bối Watergate và phải đối phó với hệ quả của Chiến tranh Việt Nam, Ford không có cơ hội tham gia hay đưa ra bất kỳ chính sách nào đặc trưng cho vấn đề “một Trung Quốc”. Trong nội các của mình, Ford thay đổi gần như toàn bộ nhân sự cấp cao của thời Nixon nhưng giữ lại Kissinger. Điều này cho thấy tư duy về chính sách ngoại giao của ông không khác mấy so với thời Nixon.

Thậm chí, có nhiều cáo buộc cho rằng Ford - Kissinger còn hứa với chính quyền Bắc Kinh rằng họ sẽ hoàn toàn cắt bỏ quan hệ ngoại giao với Đài Loan/ Trung Hoa Dân Quốc. [8] Tuy nhiên, tương tự như các cuộc hội đàm bí mật trước đó, có thể cho rằng đây chỉ là những lời hứa băng quơ của giới chính trị gia Hoa Kỳ và không tạo ra bất kỳ sức nặng nào được ghi nhận trong các thỏa thuận quốc tế giữa hai bên.

1977 - 1981

DẤU ẤN CÁ NHÂN CỦA CARTER

Giai đoạn nắm quyền của Tổng thống Jimmy Carter cũng là một giai đoạn đặc biệt quan trọng vì đây là thời điểm Hoa Kỳ chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao với nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Trong giai đoạn này, có một số văn bản đáng chú ý:

1. Tuyên bố của Mỹ về việc Bình thường hóa Quan hệ Ngoại giao với Trung Quốc (U.S. Statement on Diplomatic Recognition of the PRC 1978);
2. Thông cáo Bình thường hóa Quan hệ Ngoại giao chung Hoa Kỳ - Trung Quốc (“U.S. - PRC Joint Communiqué on the Establishment of Diplomatic Relations 1979”, hay còn được gọi là “Normalization Communiqué 1979”);
3. Đạo luật về Quan hệ Ngoại giao với Đài Loan 1979.

bình thường hóa với Trung Quốc mà cả Nixon lẫn Ford gầy dựng thật ra không bền vững, cũng như chúng chưa biến thành định hướng chính sách không thể thay đổi. [9]

Vẫn còn nhiều khúc mắc chưa thể giải quyết, và sự phản đối từ phía các dân biểu, thượng nghị sĩ thuộc Đảng Cộng hòa trong suốt giai đoạn thực hiện chính sách của Nixon và Ford chắc chắn là những rào cản không thể không nói tới.

Vì vậy, quá trình bình thường hóa quan hệ với chính quyền Bắc Kinh, đồng thời với việc hủy bỏ công nhận ngoại giao dành cho Trung Hoa Dân Quốc, có thể được xem là một phần nỗ lực cá nhân của Jimmy Carter.

Vị tổng thống khẳng định chính sách ngoại giao của mình sẽ không gây tổn hại đến SALT (Strategic Arms Limitation Talks - Đàm phán Kiểm soát Vũ khí Chiến lược) đang thực hiện với Liên Xô, và chính sách này cũng sẽ không biến Đài Loan trở thành mục tiêu quân sự của Trung Quốc.

Từ một số góc độ khác, những nhà bình luận như Jean A. Garrison cũng ghi nhận thêm rằng có khá nhiều nhân vật cấp cao trong nội các của Carter phản đối bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, mà cái tên đáng kể nhất phải kể đến là Cyrus Vance - Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của chính quyền Carter. [10] Theo đó, Vance luôn cố gắng phản đối việc bỏ rơi Đài Loan và các cuộc gặp của ông với

Trung Quốc đều luôn ở trạng thái đối đầu.

Tuy nhiên, sự kiện Liên Xô xâm lược Afghanistan khiến các chính trị gia ủng hộ bình thường hóa với Trung Quốc thắng thế, từ đó buộc những người như Vance phải nhượng bộ. Tại thời điểm đó, dù thế nào đi chăng nữa, Liên Xô vẫn hiện diện như một mối đe dọa quân sự nguy hiểm



Jimmy Carter, Zbigniew Brzezinski và các quan chức Hoa Kỳ khác gặp nhau trong Phòng Nội các Nhà Trắng với Đặng Tiểu Bình, năm 1979. Nguồn: wikipedia.org.

Chúng ta đã bàn về hầu hết các văn bản này ở phần trên, nên không cần thiết nói về chúng quá nhiều nữa.

Tuy nhiên, có một điều đáng nói là theo ghi nhận của chính sử Hoa Kỳ, nền tảng

hơn rất nhiều so với một Trung Quốc chỉ mong muốn phát triển kinh tế và giải quyết ổn thỏa vấn đề Đài Loan.

Như vậy, bản thân Tổng thống Jimmy Carter có kỳ vọng cá nhân trong việc để lại dấu ấn của mình trong vấn đề bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Và sự nhượng bộ đối với Trung Quốc sẽ đi kèm với việc giảm bớt sự hiện diện của Hoa Kỳ tại châu Á nói chung - đây là chính sách chung của Carter.

Song sự việc đi theo mong đợi của ông một phần nhờ vào các yếu tố ngoại vi, mà sự hùng hăng quân sự của Liên Xô là yếu tố quan trọng nhất.

Mặt khác, chúng ta cũng cần thấy rằng trong nội bộ chính trị Hoa Kỳ, các nhóm ủng hộ Trung Hoa Dân Quốc và một Đài Loan độc lập không phải là không có tiếng nói chính trị.

Tổng thống Ronald Reagan xuất hiện tại Đại lễ đường Nhân dân ở Bắc Kinh, trong chuyến thăm Trung Quốc, năm 1984.
Nguồn: White House Photographic Collection.

1981 - 1989

SÁU BẢO ĐẢM CỦA REAGAN

Reagan bắt đầu nhiệm kỳ tổng thống Hoa Kỳ của mình với chiến dịch “xoay trục về châu Á” đầu tiên trong nhiều thập niên hậu thế chiến. Và có thể nói, tổng hòa các hành vi chính sách của Reagan ở châu Á tạo ra một bức tranh hơi lộn xộn.

Ông cho phép Trung Quốc và Pakistan mua các sản phẩm quốc phòng có khả năng gây sát thương, đồng thời cũng đưa ra hàng loạt cam kết nghiêm túc để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ cho đảo Đài Loan, củng cố quan hệ với Nhật Bản thông qua Thông cáo Reagan - Suzuki, bán thế hệ máy bay chiến đấu đời mới thời điểm đó là F-16 cho Đại Hàn Dân Quốc, và mở rộng hợp tác kinh tế - an ninh với các quốc gia ASEAN, v.v. [11]

Khó có thể xác định Reagan đang theo đuổi điều gì và ủng hộ ai trong quan hệ Trung Quốc - Đài Loan.



Tuy nhiên, tương tự như trong giai đoạn của Carter, khi chúng ta mang Liên Xô vào bức tranh toàn cảnh, mọi thứ dường như có thể được lý giải tương đối dễ dàng.

Trong giai đoạn này, Liên Xô đổ 10.000 quân vào quần đảo Kuril - phía Bắc Nhật Bản - với khả năng xây dựng một căn cứ quân sự thường trực.

Sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam, theo sau đó là việc Liên Xô có thể tiếp cận với các cảng quân sự quan trọng và hiện đại như Cam Ranh, đồng nghĩa với việc các tuyến hàng hải quan trọng của vùng châu Á - Thái Bình Dương đều nằm trong tầm với của Hải quân Liên Xô.

Hơn 100 đầu đạn hạt nhân tầm trung của Liên Xô cũng đang nhắm đến hầu hết các vị trí chiến lược ở châu Á.

Cấu trúc và sự hiện diện quân sự này biến Liên Xô trở thành kẻ thù chung của toàn châu Á - Thái Bình Dương (kể cả theo quan điểm của chính quyền Trung Quốc đại lục), và vì vậy, sự hỗ trợ dành cho bất kỳ quốc gia nào có khả năng là một đồng minh của Hoa Kỳ tại khu vực này đều được cho là phù hợp với tầm nhìn ngoại giao nói chung của Mỹ.

Tuy nhiên, có một điểm mà chính quyền Reagan tự cho là mình vượt trội hơn chính quyền Carter. Thay vì nhượng bộ Trung Quốc và rút dần sự hiện diện của mình khỏi châu Á, Reagan khẳng định Hoa Kỳ phải tiếp tục duy trì vai trò lãnh đạo chính trị tại toàn châu lục.

Trong Luận cương Đảng Cộng hòa năm 1980 được trình để chuẩn bị cho kỳ đại hội tại Michigan, Reagan và các nhóm ủng hộ chính trị của mình lên tiếng: [12]

“Hoa Kỳ là - và cần tiếp tục là - một thế lực tại Thái Bình Dương. Các thành viên của Đảng Cộng hòa nhận thấy xu hướng rời bỏ quyền lực tại châu Á của chính quyền

Đảng Dân chủ trong nhiệm kỳ qua [ý chỉ Carter - ND].

Một chính quyền mới của Đảng Cộng hòa sẽ khôi phục quyền lực của Hoa Kỳ tại khu vực này.

Chúng ta sẽ gửi một thông điệp rõ ràng rằng bất kỳ hành vi quân sự nào đe dọa độc lập của các đồng minh của Hoa Kỳ tại châu Á sẽ phải trả một cái giá đủ đắt, khiến những kẻ đe dọa phải trì hoãn mọi tham vọng của mình [...]”

Như vậy, nhu cầu chính sách này giúp chúng ta lý giải những hoạt động hỗ trợ lớn mà Hoa Kỳ đưa ra cho gần như mọi quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, dù đó là Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa hay Trung Hoa Dân Quốc.

Song với phong thái điều hâu kiêu cổ điển thường thấy của các chính trị gia Đảng Cộng hòa (tức rất khác với Nixon và Kissinger), Reagan không để cho Trung Quốc đại lục muốn làm gì thì làm.

Ví dụ, Reagan thể hiện rõ sự ủng hộ của mình dành cho Đài Loan khi phủ quyết hầu hết những yêu cầu mà Đặng Tiểu Bình đưa ra trong quá trình đàm phán Thông cáo chung năm 1982. Một trong số những yêu sách quan trọng của Đặng Tiểu Bình là Hoa Kỳ cần phải dừng hoàn toàn việc mua bán vũ khí với Đài Loan, một yêu cầu hiển nhiên không được chấp nhận.

Cũng trong năm này, Sáu Bảo đảm (Six Assurances) của chính quyền Hoa Kỳ dành cho Đài Loan cho thấy sự ủng hộ chắc chắn của Reagan dành cho những người bạn Trung Hoa Dân Quốc.

Trong Sáu Bảo đảm, có thể kể đến những điểm quan trọng như Hoa Kỳ sẽ không thay đổi các điều khoản của Đạo luật Quan hệ Ngoại giao với Đài Loan, và hơn hết là Hoa Kỳ sẽ không công nhận chủ quyền của đại lục đối với đảo Đài Loan. [13]

Với thời đại của Reagan, thế lưỡng nan giữa ủng hộ Đài Loan và nhu cầu đánh chặn Liên Xô (tức phải nhượng bộ Trung Quốc đại lục) được hóa giải bằng một thứ diễn ngôn của tự do. Nói cách khác, đánh chặn Liên Xô và nhượng bộ Trung Quốc phần nào không có nghĩa là đánh đổi tự do của bất kỳ đồng minh nào khác. [14]

Giai đoạn nắm quyền của Tổng thống Reagan là một trong những giai đoạn ngoại giao thành công cũng như tích cực nhất của Hoa Kỳ. Hiển nhiên, đây là kết quả cộng hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, nhưng với sự suy yếu thấy rõ của khối chủ nghĩa xã hội trong nhiệm kỳ của Reagan, người ủng hộ ông có quyền ghi nhận những điểm đúng đắn trong chính sách đối ngoại tăng cường sự hiện diện tại châu Á, cũng như sự cứng rắn của ông trước các yêu sách của Trung Quốc.

Song điều này cũng dẫn đến một vài hạt sạn không nhỏ.

Vấn đề được nhiều nhà quan sát ghi nhận nhất chính là cách mà vị tổng thống phản ứng trước sự kiện Thiên An Môn (1989). [16]

Trong giai đoạn này, đứng trước áp lực của giới chính trị Hoa Kỳ yêu cầu tạm ngừng các cơ chế đãi ngộ kinh tế cho Trung Quốc tại Hoa Kỳ, Bush gần như không làm gì cả.

Ngay năm sau, Trung Quốc thậm chí chính thức nhận được quy chế đãi ngộ kinh tế tối huệ quốc (Most Favored Nation - MFN) tại thị trường Hoa Kỳ, tạm hiểu là Trung Quốc sẽ được hưởng chính sách thuế quan và các đãi ngộ kinh tế khác tốt nhất hiện có tại đây.

1989 - 1993

VẾT NHỚ THIÊN AN MÔN CỦA BUSH CHA

George H. W. Bush luôn được xem là người bạn lớn của Trung Quốc.

Tùng là đại sứ không chính thức của Hoa Kỳ tại Trung Quốc trong thập niên 1970 khi hai quốc gia này chưa bình thường hóa quan hệ ngoại giao, cuộc sống của Bush (cha) ở Bắc Kinh và các mối quan hệ cá nhân của ông tại Trung Quốc (bao gồm cả với Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình) là nền tảng cho rất nhiều quyết sách ngoại giao của ông sau này.

Giới quan chức Trung Quốc thậm chí từng xem ông, đến thời điểm đó, là người bạn tốt nhất của Trung Quốc ngồi vào ghế ông chủ Nhà Trắng. [15]



Tổng thống George H. W. Bush và Đặng Tiểu Bình tại Bắc Kinh, tháng 2 năm 1989.
Nguồn: George Bush Presidential Library and Museum.

Năm 1991, các quan chức cấp cao của chính quyền Bush cha đã xuất hiện trở lại tại Bắc Kinh và tìm kiếm các giải pháp để cải thiện mối quan hệ giữa hai quốc gia (và hiển nhiên, coi như sự kiện Thiên An Môn chưa từng tồn tại).

Nhìn chung, dù trong giai đoạn này George H. W. Bush không đưa ra những chính sách quá cực đoan hay khác biệt liên quan đến Đài Loan, thế cầm trịch đối với Trung Quốc trong giai đoạn Reagan bị từ bỏ. Và điều này vẫn là một trong những lý do lớn khiến giới chính trị Bắc Kinh rất có cảm tình với Bush.

1993 - 2001

BILL CLINTON TIỀN HẬU BẤT NHẤT

Tổng thống Bill Clinton từng dùng chính sách nhượng bộ và quá giao hảo của Bush (cha) dành cho Bắc Kinh như là một điểm yếu của chính quyền cũ.

Trong suốt chiến dịch tranh cử của mình, việc duy trì và mở rộng hệ thống dân chủ dựa trên thị trường tự do (market-based democracy), bảo vệ Đài Loan, và đặt ra cái giá cho các vi phạm nhân quyền của Trung Quốc đều được xem là những trụ cột chính trong chính sách đối ngoại của Bill Clinton.

Trong một bài phát biểu của mình trước Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc hồi năm 1993, vị tổng thống khẳng định: “Trong một kỷ nguyên mới đầy rủi ro nhưng cũng đầy cơ hội, mối quan tâm hàng đầu của chúng tôi là mở rộng và củng cố cộng đồng các nền dân chủ thị trường trên thế giới.” [17]

(ảnh dưới) Tổng thống Bill Clinton và Chủ tịch Giang Trạch Dân tại Bắc Kinh năm 1998.
Nguồn: clintonwhitehouse4.archives.gov.

Tuy nhiên, khi mà các cải cách dân chủ của Đài Loan ngày càng thành công và hệ thống kinh tế thị trường của quốc đảo này ngày một hoàn thiện, chính quyền Clinton có vẻ lại sẵn sàng đối thoại và làm vừa lòng Trung Quốc nhiều hơn là ủng hộ và củng cố quan hệ với người bạn cũ.

Điều này có thể được ghi nhận thông qua một số sự kiện như Bill Clinton tham gia hội đàm hay thông báo cho Giang Trạch Dân trước khi đưa ra các quyết định mua bán vũ khí cho Đài Loan.



Ông cũng là vị tổng thống đầu tiên kể từ thời kỳ Nixon đưa ra những cam kết cá nhân rằng Hoa Kỳ sẽ không ủng hộ Đài Loan độc lập. [18]

Năm 1995, phía Hoa Kỳ cũng không đưa ra bất kỳ phản ứng gì sau khi chính quyền Bắc Kinh thử nghiệm tên lửa ở vùng biển phía Bắc Đài Loan, một hành động mà phía đại lục thường mô tả là sự nhún nhường của Clinton trước khả năng Trung Quốc tấn công và kiểm soát quân sự Đài Loan.

Thêm vào đó, sự kiện gây nhiều tranh cãi nhất liên quan đến Đài Loan trong giai đoạn này là quan điểm của phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ Mike McCurry.

Trong buổi họp báo thông báo kết quả của kỳ Đánh giá Chính sách Đài Loan năm 1994 (Taiwan Policy Review - 1994)

của Nhà Trắng, khi được hỏi rằng chính quyền Clinton có công nhận Đài Loan là một phần của Trung Quốc hay không, vị phát ngôn viên trả lời: “Chắc chắn rồi. Đó là một yếu tố quan trọng của hầu hết các phiên bản của chính sách ‘một Trung Quốc’ mà Hoa Kỳ theo đuổi.” [19]

Như chúng ta đã phân tích kỹ ở trên, đây không phải là cách mà các chính quyền tiền nhiệm diễn giải “một Trung Quốc”.

Các thông cáo và chính sách trước nay đều mô tả là Hoa Kỳ thừa nhận (acknowledge) quan điểm của chính quyền Trung Quốc (China’s position) cho rằng Đài Loan là một phần của lãnh thổ nước này. Việc có một chính khách Mỹ thừa nhận trực tiếp Đài Loan là một phần lãnh thổ Trung Quốc trước báo chí và truyền thông chính thức là rất hiếm gặp.

Hiển nhiên, một lần thừa nhận của một phát ngôn viên của chính quyền Clinton không làm thay đổi toàn bộ tầm nhìn chung của nhà nước Hoa Kỳ liên quan đến chính sách “mơ hồ chiến lược” đối với câu hỏi Đài Loan. Song nếu so sánh thì ngay cả chính quyền Bush (cha), người bạn thân của Trung Quốc, cũng chưa đi đến mức thừa nhận điều này. Vậy nên có thể nói trong giai đoạn nắm quyền, Bill Clinton đã tạo ra khá nhiều điểm nhượng bộ chính sách dành cho Trung Quốc liên quan đến câu hỏi Đài Loan.

Tổng thống George W. Bush và Chủ tịch Hồ Cẩm Đào gặp nhau tại hội nghị cấp cao APEC, Santiago, Chile, năm 2004.

2001 - 2008

BUSH CON TIẾP BƯỚC CHA

George W. Bush bắt đầu nhiệm kỳ của mình với rất ít mối quan tâm dành cho Đài Loan. Với sự kiện 11/9 và cuộc chiến chống khủng bố diễn ra suốt nhiều năm sau đó, Đài Loan chưa từng đứng đầu trong danh sách các ưu tiên ngoại giao của Hoa Kỳ.

Song điều này có khi cũng là điểm tốt cho chính quyền Đài Loan.

Họ dần tự chủ hơn, ít phụ thuộc vào Hoa Kỳ hơn trong vấn đề ngoại giao, và quan trọng nhất là hình thành nên được một tầm nhìn chung cho câu chuyện Đài Loan: độc lập hoàn toàn khỏi danh xưng Trung Hoa Dân Quốc.

Sự xuất hiện của Trần Thủy Biển (Chen Shui-bian - nắm quyền từ năm 2000 - 2008) đến từ Dân Tiến Đảng (Democratic Progressive Party - DPP) có thể nói là điểm khởi đầu cho phong trào độc lập này.



Trần Thủy Biển và DPP là nhóm chính trị đầu tiên lật đổ vị thế thống trị của Quốc Dân Đảng sau 55 năm nắm quyền của đảng này ở đảo Đài Loan. Đi cùng với sự xuất hiện của DPP là một đường lối và yêu sách chính trị cứng rắn hơn - loại bỏ diễn ngôn “một Trung Quốc” và đòi hỏi độc lập trên phương diện quốc tế cho Đài Loan.

Điều này, tuy rất có lợi cho việc xây dựng danh tính dân tộc riêng của Đài Loan, không nhận được nhiều sự ủng hộ từ chính phủ Bush.

Bất kỳ chính sách nào biểu hiện rõ nhu cầu Đài Loan độc lập hoàn toàn như của Trần Thủy Biển đều bị Washington cho là quá cực đoan và có thể gây tổn hại đến an ninh của eo biển Đài Loan.

Bất thành trong việc kiểm soát và gây ảnh hưởng lên Trần Thủy Biển, chính quyền Bush buộc phải nhiều lần ra mặt nhắc nhở công chúng Đài Loan rằng sự ủng hộ của Hoa Kỳ dành cho Đài Loan không phải là vô điều kiện. [20]

Bush cũng nhấn mạnh bất kỳ hành vi đơn phương nào của Đài Loan (ý chỉ việc tổ chức trưng cầu dân ý liên quan đến an ninh quốc gia, cũng như các chính sách hướng đến độc lập khác) sẽ là không thể chấp nhận.

Tuy nhiên, hành vi này của chính quyền Bush bị nhiều nhà nghiên cứu ngoại giao quốc tế chỉ trích, chẳng hạn như viện CATO. [21] Ted Galen Carpenter của viện này cho rằng đó không phải là cách mà Hoa Kỳ nên đối xử với một nền dân chủ. Không chỉ vậy, ông cũng cho rằng chính quyền Bush gần như không phản nản gì về những nỗ lực quân sự hóa nhắm đến Đài Loan của Bắc Kinh, như việc nhắm các dàn hỏa tiễn tầm trung vào hòn đảo này. Đài Loan ở thời điểm này đã là một nền dân chủ sống động, mạnh mẽ và thực chất. Người dân có quyền đưa ra quyết định đối với tương lai của mình.

2008 - 2016

OBAMA XOAY TRỤC NHƯNG ỔN ĐỊNH?

Chính sách của Tổng thống Barack Obama đối với Đài Loan có thể được khái quát lại như sau: “Ủng hộ Đài Loan, nhưng không bài Trung Quốc” (Pro-Taiwan, but not anti-China).

Một trong những chính sách ngoại giao nổi tiếng nhất của Obama là chính sách xoay trục về châu Á, tức Hoa Kỳ sẽ khẳng định lại vai trò, sự hiện diện quân sự, cũng như tầm ảnh hưởng của mình đối với an ninh khu vực.

Tuy nhiên, đáng tiếc là những nỗ lực của Obama bị tấn công ở khá nhiều khía cạnh.

Ví dụ, các nhóm cấp tiến cho rằng Obama đã sai lầm khi đưa ra chính sách xoay trục về châu Á một cách quá công khai, và từ đó thách thức một Trung Quốc vốn đã có sẵn cảm giác bất an sau hàng loạt cuộc khủng hoảng về kinh tế nội địa lẫn rủi ro tranh chấp xã hội. Những bất ổn này thật ra vẫn còn hiện diện cho đến ngày nay. [22] Xoay trục tại thời điểm như vậy không chỉ thách thức Trung Quốc mà còn dồn họ vào chân tường.

Tuy nhiên, cũng có nhà nghiên cứu cho thấy không có gì đáng phải phàn nàn. Mayang A. Rahawestri trên tạp chí Security Challenges quan sát và cho rằng Obama cũng chỉ đi tiếp định hướng chính sách mà các đời tổng thống trước để lại. [23]

Nhìn về các sự kiện, đúng là Obama không cố gắng tạo ra bất kỳ chính sách nào về Trung Quốc - Đài Loan quá khác biệt hay quá nắn gân so với các đời tổng thống khác, đặc biệt nếu so với giai đoạn cứng rắn của Reagan.

Ông tiếp tục cho thấy mình sẽ ủng hộ chính quyền dân chủ tại Đài Loan, bảo đảm an ninh cho quốc đảo trước bất kỳ động thái quá khích nào từ Bắc Kinh.

Trong một tuyên bố năm 2008 về vấn đề Trung Quốc, Obama khẳng định: “Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để ủng hộ nền dân chủ Đài Loan trong những năm tới.” [24]

Trong những động thái chứng minh cho cam kết này, chắc chắn phải kể đến việc ông phê chuẩn gói mua bán vũ khí trị giá đến hàng tỷ Mỹ kim cho Đài Bắc trong năm 2015. [25] Nói cách khác, Hoa Kỳ sẽ hỗ trợ để Đài Loan tự thân hùng cường về mặt quân sự để ngăn chặn bất kỳ kỳ vọng bành trướng nào từ đại lục.

Tuy nhiên, điều này không nên được hiểu là Obama sẽ ủng hộ các bước đi thiếu căn trọng trong các yêu sách độc lập của Đài Loan. [26]

“Một Trung Quốc” vẫn sẽ là chính sách hàng đầu, và dù nó có mơ hồ đến như thế nào đi chăng nữa, có một điều chắc chắn là Hoa Kỳ trong thời kỳ Obama không mạo hiểm đầu tư vào phong trào Đài Loan độc lập về mặt pháp lý.

Nhìn chung, dù có nhiều chỉ trích về cách mà Obama nhún nhường chính quyền Bắc Kinh, giai đoạn nắm quyền của ông là một giai đoạn bình ổn và có lợi cho sự phát triển về chiều sâu lẫn chiều rộng của các mặt trận dân chủ tại Đài Loan. Điều này thật ra cũng là một điều rất tốt.



Phó Thủ tướng Trung Quốc Vương Kỳ Sơn, ở giữa, giữ quả bóng rổ do Tổng thống Obama ký tặng cho ông sau cuộc họp tại Washington ngày 28 tháng 7 năm 2009 để thảo luận về kết quả của Đối thoại Chiến lược và Kinh tế Trung Quốc đầu tiên của Hoa Kỳ.
Nguồn: The Official White House Photostream.

2016 - NAY THÁI BÌNH DƯƠNG VÔ ĐỊNH

Từ năm 2016 đến nay, chúng ta có hai vị tổng thống Hoa Kỳ được tô vẽ hoàn toàn trái ngược nhau.

Một bên là Donald Trump, đại diện cho sự hỗn loạn, những thay đổi khó dự báo trước, cùng những phát biểu trời ơi.

Một bên là Joe Biden, đại diện cho truyền thống, sự ổn định, và những tính toán ngoại giao kỹ lưỡng.

Đó là quan điểm của báo chí phương Tây nói chung cho đến khi họ nhận ra cả hai vị tổng thống đều đang đi cùng một con đường về vấn đề Đài Loan.

Sau khi phát động chiến tranh thương mại với Trung Quốc, Trump có thể được xem là anh hùng của rất nhiều người dân Đài Loan. [27]

Ông cũng là tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên chấp nhận điện đàm với Tổng thống Đài Loan Thái Văn Anh, là tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên từ bỏ chính sách không hội đàm cấp cao với Đài Loan, và cũng là tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên cho Hải quân đến thăm, làm việc và tập trận với Đài Loan đến 13 lần (so với chỉ ba lần của Obama và con số 0 của khá nhiều tổng thống trước đó).

Hiển nhiên, nhìn vào các quyết định của Tổng thống Trump thì nhiều người sẽ nghĩ ông ám ảnh với danh xưng “tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên” hơn là mang đến bất kỳ thay đổi hay lợi ích cụ thể nào.

Tuy nhiên, có một sự thật là với việc Trump thách thức Trung Quốc và thậm chí tuyên chiến thương mại với Trung Quốc, chính trường Hoa Kỳ đột ngột có thay đổi: Họ nhận ra rằng Hoa Kỳ hoàn toàn có thể đối đầu và răn đe trực diện Bắc Kinh, và Bắc Kinh cũng cho thấy họ yếu bóng vía về cả chính trị lẫn kinh tế hơn các chính trị gia Washington từng nghĩ.

Tổng thống Biden, vì vậy, có cách tiếp cận về vấn đề Trung Quốc - Đài Loan gần với Trump hơn là gần với Obama. Và thậm chí là toàn bộ chính quyền Hoa Kỳ đều đồng ý với điều này.

Họ nhìn thấy một cơ hội trong suy thoái kinh tế, trong cuộc khủng hoảng chuỗi cung ứng toàn cầu giai đoạn COVID-19, và kể đó là cuộc chiến

Ukraine: đối đầu trực diện và mở rộng cơ chế kiểm soát sức mạnh vũ biên của các quốc gia quân sự như Nga. Đài Loan - với vị thế dẫn đầu trên thị trường công nghệ thế giới - trở thành một ưu tiên không thể bỏ qua của chính quyền Hoa Kỳ. Cho đến nay, Biden giữ lại hầu hết các quyết sách liên quan đến Đài Loan của Trump.

Nhưng nói như vậy không có nghĩa chúng ta chỉ thấy màu hồng của tương lai Thái Bình Dương.

Với một Hoa Kỳ cứng rắn hơn, một Đài Loan nhiều hy vọng hơn và một Trung Quốc đang gặp quá nhiều vấn đề, nguy cơ xung đột vẫn treo lơ lửng đầu đó. Song dù thế nào đi chăng nữa, một Đài Loan vững mạnh và độc lập có lẽ là mong muốn và kỳ vọng của không ít người Việt Nam. □



Tổng thống Đài Loan Thái Văn Anh tiếp đón dân biểu Hoa Kỳ Mark Takano tại Văn phòng Tổng thống ở Đài Bắc, Đài Loan, ngày 26/11/2021. Cùng ngày, năm nhà lập pháp Hoa Kỳ đã gặp gỡ Tổng thống Thái Văn Anh và tái khẳng định sự ủng hộ “vững chắc” của Hoa Kỳ đối với sự tự trị của Đài Loan. Nguồn: Taiwan Presidential Office.

VIẾT THƯ CHO TRANG

Nhà báo Phạm Đoan Trang, đồng sáng lập viên - biên tập viên của Luật Khoa, bị tuyên án 9 năm tù giam vào ngày 14/12/2021 về tội “tuyên truyền chống nhà nước”.

Đây là bản án bất công và hoàn toàn trái với luật quốc tế về nhân quyền.

Hãy ủng hộ Đoan Trang bằng cách viết thư và gửi cho cô tại địa chỉ:

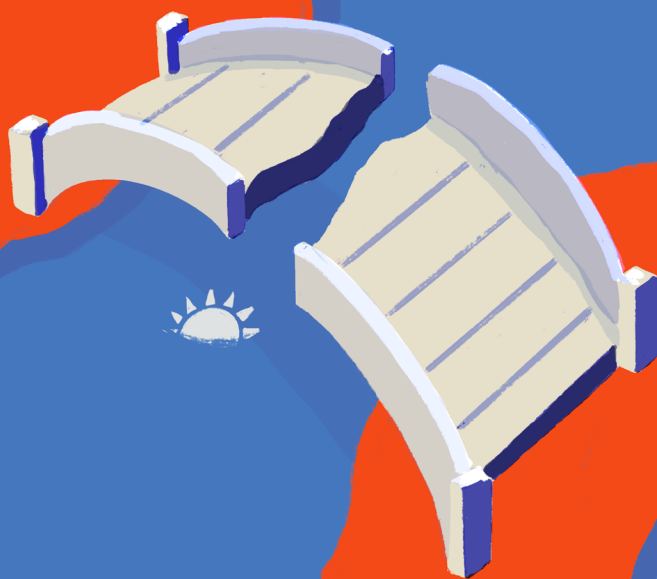
Phạm nhân Phạm Thị Đoan Trang, Trại giam An Phước, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Hoặc bạn có thể tạo bưu thiếp cho Đoan Trang theo công cụ chúng tôi tạo sẵn trên Google Form tại đây: bit.ly/dearTrang

Tranh minh họa: Jin Jin, do Ân xá Quốc tế hỗ trợ.

CHÍNH SÁCH “MỘT TRUNG QUỐC” CỦA ĐÀI LOAN KÉO LÙI NƯỚC NÀY RA SAO?

*Vừa khiến đất nước
bị cô lập, vừa gây
khủng hoảng
xã hội.*



Y Chan

Năm 1945, khi Liên Hiệp Quốc được thành lập, Trung Quốc là một trong 51 thành viên sáng lập, và là một trong năm thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an. [1]

Tên gọi của nước này khi đó là Trung Hoa Dân Quốc (Republic of China - ROC), và chính quyền do Quốc Dân Đảng (KMT) kiểm soát.

Chính quyền Quốc Dân Đảng giữ chiếc ghế này ngay cả sau khi đã thất bại trong cuộc nội chiến với Đảng Cộng sản Trung Quốc, phải rút về Đài Loan từ năm 1949.

Đến tháng 10/1971, các thành viên Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc bỏ phiếu thông qua nghị quyết trục xuất Trung Hoa Dân Quốc, chấp nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (People's Republic of China - PRC), do Đảng Cộng sản Trung Quốc lập ra, làm thành viên thay thế. [2]

Kể từ đó, Trung Hoa Dân Quốc, hay tên gọi quen thuộc hơn là Đài Loan, trở thành một nước hiếm hoi tồn tại bên ngoài Liên Hiệp Quốc.

Sự kiện trên hẳn là quen thuộc với nhiều người có quan tâm đến tình hình quốc tế. Không ít người gán cho nguyên nhân của nó nằm ở sức ép từ Trung Quốc, cùng với việc Mỹ “bắt tay” Đảng Cộng sản nước này, “bỏ rơi” Đài Loan.

Đó là những nhận định hoàn toàn chính xác.

Nhưng ít người biết rằng chính quyền Quốc Dân Đảng cũng “có công” rất lớn trong sự kiện này.



Ngày 10/25/1971, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc công nhận Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là đại diện hợp pháp duy nhất của Trung Quốc.
Nguồn: UN Photo/Ralph.

Chính xác hơn, nó đến từ chính sách “một Trung Quốc” mà Quốc Dân Đảng kiên quyết duy trì trong một thời gian rất dài, bất chấp tính phi thực tế và hệ lụy tiêu cực cho sự phát triển nhiều mặt của Đài Loan.



TỰ CÔ LẬP MÌNH KHỎI THẾ GIỚI

Trước khi mất ghế ở Liên Hiệp Quốc, Quốc Dân Đảng đã tự cắt đứt sợi dây liên kết của mình với nhiều quốc gia.

Trong một bài phân tích vào năm 2005, J. Bruce Jacobs, học giả người Úc chuyên nghiên cứu về Đài Loan, liệt kê các sự kiện tiêu biểu. [3] [4]

Tháng 1/1964, Pháp công nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Khi đó, chính phủ Quốc Dân Đảng phản đối quyết liệt, “chống lại mọi ý tưởng về sự tồn tại của hai nước Trung Quốc (two Chinas)”. Một tháng sau đó, Trung Hoa Dân Quốc của Quốc Dân Đảng chủ động cắt đứt quan hệ ngoại giao với Pháp.

Trong ba tháng cuối năm 1970, lần lượt Canada, Ý và Chile công nhận Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Tương tự với Pháp,

chính sách “một Trung Quốc” khiến cho Trung Hoa Dân Quốc không thể duy trì quan hệ ngoại giao với những nước đã công nhận “nước Trung Quốc kia”.

Điều đáng nói là dù công nhận Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, các nước Pháp, Canada, Ý và Chile đều bỏ ngỏ khả năng duy trì quan hệ ngoại giao với Đài Loan. Các bản tuyên bố chung về thiết lập mối quan hệ giữa những nước này với Trung Quốc, hoặc không

nhắc gì đến Đài Loan, hoặc chỉ ghi nhận lập trường của Trung Quốc mà không thể hiện sự đồng thuận

Đoàn đại biểu Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tham dự Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Nguồn: UN Photo/Ralph.

Cánh cửa khép hờ này bị chính Đài Loan - Trung Hoa Dân Quốc đóng chặt.

Sau khi chính quyền Đảng Cộng sản Trung Quốc nắm thực quyền ở toàn bộ đại lục, việc các quốc gia khác công nhận Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là thực tế sớm muộn sẽ diễn ra, cũng như việc chính quyền nước này sẽ gia nhập Liên Hiệp Quốc.

Vào thời điểm đó, Mỹ đề xuất phương án “hai đại diện” (dual representation) nhằm tìm cách thỏa hiệp để cả Trung Hoa Dân Quốc lẫn Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đều có thể cùng tồn tại trong Liên Hiệp Quốc. [5]

Đề xuất này, dù được Mỹ và một số nước tích cực vận động, chết từ trong trứng nước khi không chỉ Đảng Cộng sản Trung Quốc phản đối, mà Quốc Dân Đảng cũng kiên quyết không chấp nhận.

Đến tháng 10/1971, nhận ra mình không có được đủ sự ủng hộ từ các quốc gia thành viên như tính toán, chính quyền Trung Hoa Dân Quốc quyết định tự rút lui khỏi Liên Hiệp Quốc, trước khi Đại hội đồng bỏ phiếu thông qua nghị quyết thay thế chiếc ghế của nước này.

Đến bây giờ, sau rất nhiều lần tìm cách quay trở lại, ngay cả khi chấp nhận từ bỏ tên gọi Trung Hoa Dân Quốc và thay bằng Đài Loan (Taiwan), đảo quốc này vẫn chưa tìm được đường vào lại Liên Hiệp Quốc. [6]



DUY TRÌ MỘT NHÀ NƯỚC KHÔNG ĐẠI DIỆN CHO AI

Trong nhiều thập niên kể từ khi rút lui toàn bộ chính quyền về Đài Loan, Quốc Dân Đảng vẫn duy trì một hệ thống có một không hai, khi các đại biểu dân cử trong hệ thống Quốc hội không đại diện cho ai trên thực tế.

Theo Hiến pháp thông qua năm 1947 tại Nam Kinh, Trung Quốc, các cơ quan Quốc hội của Trung Hoa Dân Quốc gồm có Lập pháp Viện (立法院 - Legislative Yuan), Giám sát Viện (監察院 - Control Yuan) và Quốc dân Đại hội (國民大會 - National Assembly). [7]

Dù có nhiều khác biệt, nhưng có thể hình dung chức năng của Lập pháp Viện tương đương với Hạ viện (House of Representatives) của Hoa Kỳ, Giám sát Viện tương đương với Thượng viện

(Senate), còn Quốc dân Đại hội có vai trò như Đại cử tri đoàn (Electoral College).

Năm 1949, toàn bộ bộ máy nhà nước của Trung Hoa Dân Quốc rút lui về Đài Loan. Vì chỉ xem đây là cứ địa tạm thời trong khi chờ quay lại tái chiếm đại lục, chính quyền Quốc Dân Đảng quyết định giữ nguyên cơ cấu Quốc hội.

Theo như Bản giải thích Hiến pháp số 31 (Constitutional Interpretation No. 31) được công bố vào năm 1954, các đại biểu được bầu khi còn ở Trung Quốc đại lục tiếp tục giữ ghế của mình vô thời hạn, đến khi có thể tiến hành bầu cử ở đại lục như cũ. [8]

Nghĩa là trong hơn 40 năm, người dân Đài Loan có một nhà nước mà các đại biểu Quốc hội là những đại diện cho các địa phương ở bên đại lục, thay vì là những đại diện cho chính họ và do họ bầu ra.

Hiển nhiên, vì Quốc Dân Đảng không còn nắm quyền tại đại lục, những đại biểu này trên thực tế cũng không đại diện cho người dân nào ở bên kia eo biển.

Người Đài Loan gọi các đại-biểu-trộn-đời-không-đại-diện-cho-ai này là “lão tặc” (老賊), theo đúng nghĩa đen, những ông già cướp các vị trí trong bộ máy nhà nước.

Chỉ đến khi số lượng các đại biểu này sụt giảm (vì quá già và chết đi), Quốc Dân Đảng mới đồng ý tổ chức một cách giới hạn các cuộc bầu cử để bổ sung nhân sự.

Sự tồn tại của các “lão tặc” này là vật cản lớn trong quá trình dân chủ hóa, và vấp phải sự phản đối liên tục từ người dân Đài Loan.

Biểu tình phản đối Đài Loan độc lập ở Washington, D.C. nhân chuyến thăm của Tổng thống Lý Đăng Huy vào năm 2005. Nguồn: wikipedia.org.



Năm 1990, Hội đồng Đại Thẩm phán (Council of Grand Justices) thông qua Bản giải thích Hiến pháp số 261, nêu rõ các đại biểu Quốc hội được bầu trước đó tại đại lục phải rời ghế trước ngày 31/12/1991. [10]

Năm 1991, cuộc bầu cử các đại biểu Quốc dân Đại hội được tiến hành. Một năm sau, cuộc bầu cử thay thế toàn bộ các đại biểu của Lập pháp Viện được tổ chức lần đầu tiên. [12]

Mất đến hơn 40 năm, người dân Đài Loan mới được lựa chọn các đại diện cho mình.

TẠO RA CƠN KHỦNG HOẢNG VỀ CĂN TÍNH DÂN TỘC

Chính sách “một Trung Quốc” của Quốc Dân Đảng còn khiến người dân Đài Loan trong suốt thời gian dài không biết mình là ai.

Luôn nuôi giữ tham vọng chiếm lại đại lục, chính quyền Quốc Dân Đảng từ những ngày đầu tiên đã xây dựng một chương trình giáo dục mà trong đó, tất cả người Đài Loan đều phải ghi nhớ mình là người Trung Quốc và có nghĩa vụ phải giải phóng các đồng bào ở bên kia eo biển. [13]

Người Đài Loan phải học tường tận về lịch sử, địa lý của Trung Quốc, trong khi gần như không được học gì về lịch sử của mảnh đất mình sinh ra và lớn lên.

Họ bị buộc phải học và nói tiếng Phổ thông (hay Quan thoại, tiếng Anh là Mandarin), ngôn ngữ thống nhất của Trung Quốc, và bị cấm nói các thứ tiếng địa

phương như Phúc Kiến (Fujianese) hay Khách Gia (Hakkanese), bất chấp việc đó là các ngôn ngữ mẹ đẻ của phần lớn người Đài Loan.

Cách giáo dục này vốn dành cho những người Trung Quốc đại lục. Nhưng trong cơ cấu xã hội của Đài Loan, những người đến từ đại lục sau năm 1949 chỉ chiếm dưới 15%. [14] Tuyệt đại đa số người Đài Loan vì vậy luôn có cảm giác sống trong một thứ căn tính bị cưỡng bách, không thuộc về họ.

Hệ thống này tạo nên một thứ mà J. Bruce Jacobs gọi là “xã hội thực dân” (colonial society). [15]

Trong xã hội thực dân đó, nhiều người gặp khủng hoảng với lựa chọn xem mình là ai.

Nhiều phong trào đòi quyền tự do, dân chủ phát triển mạnh từ thập niên 1970 đi kèm với việc thách thức “căn tính Trung Quốc” mà chính quyền áp đặt lên toàn bộ người dân.

Đầu những năm 1990, sau khi đã dân chủ hóa, người dân đảo quốc vẫn còn chia rẽ về việc rốt cuộc họ là người Trung Quốc hay người Đài. [16]

Chỉ đến hơn một thập niên gần đây, xu hướng lựa chọn của người Đài Loan mới dần lộ rõ, khi phần lớn lựa chọn căn tính Đài Loan, một bộ phận khác chọn căn tính tổng hợp, vừa Đài vừa Trung, và chỉ còn một số lượng rất ít vẫn còn xem mình là người Trung Quốc. ▣



(Những năm 1960) Người làm cờ Trung hoa Dân quốc bên bờ sông.
Ảnh: Lin Chuan-tsu, do Lin Chuan-hsiu cung cấp. Nguồn: 228.org.tw.



*“Chọn làm người Đài Loan
hơn là người Trung Quốc.”*

*“Không tuyên bố độc lập,
cũng không muốn
thuộc về Trung Quốc.”*

Tranh minh họa: Luật Khoa.

ĐÀI LOAN TRONG HƠN
BA THẬP NIÊN DÂN CHỦ HÓA:

CĂN TÍNH DÂN TỘC MỚI,
VÀ NHẬN THỨC KHÁC VỀ
TRUNG QUỐC

*Muốn làm người Đài Loan,
và không muốn thuộc về Trung Quốc.*

Y Chan

Người Đài Loan có phải là người Trung Quốc?

Dưới chế độ độc tài của Quốc Dân Đảng (KMT), từ năm 1945 đến cuối thập niên 1980, câu trả lời hiển nhiên là “phải”. Vào thời kỳ được gọi là “Khủng bố Trắng” (White Terror), [1] người dân có thể bị khép tội nếu dám chất vấn điều đương nhiên đó.

Quốc Dân Đảng, thua trong cuộc nội chiến với Đảng Cộng sản Trung Quốc, rút lui toàn bộ về Đài Loan vào năm 1949. Trong suốt nhiều thập niên sau đó, họ vẫn xem Đài Loan chỉ là cứ địa tạm thời để tái xây dựng lực lượng nhằm phản công

lấy lại đại lục. Người dân Đài Loan vì vậy được giáo dục rằng mình là một phần của Trung Quốc, và được tuyên truyền liên tục về trách nhiệm phải giải phóng các đồng bào ở bên kia eo biển.

Tham vọng của Quốc Dân Đảng không thành hiện thực, nhưng hệ quả của nó là người Đài Loan luôn sống trong một bức màn mờ ảo về căn tính của dân tộc, bên cạnh việc xác lập một mối quan hệ xác đáng với Trung Quốc.

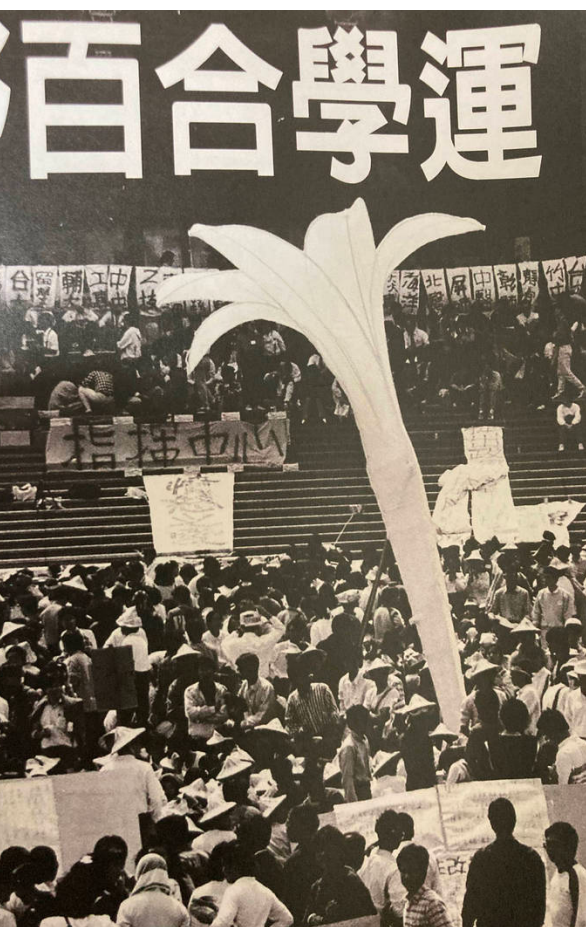
Chỉ đến khi Đài Loan tiến hành dân chủ hóa từ cuối thập niên 1980, các cuộc thảo luận công khai về những vấn đề trên mới được nở rộ.

Cuộc tuần hành
kêu gọi dỡ bỏ
thiết quân luật
ngày 15/7/1987.
Ảnh: Liu Chen-
hsiang.



Những cuộc khảo sát về các đề tài nhạy cảm bắt đầu được tiến hành, cho người ta thấy bức tranh sinh động về những thay đổi của đảo quốc.

Trong số đó, có vai trò tham khảo hữu ích là các khảo sát được tiến hành liên tục hàng năm từ đầu thập niên 1990 do Trung tâm Nghiên cứu Bầu cử (Election Study Center) thuộc Đại học Chính trị Quốc gia Đài Loan (National Chengchi University) thực hiện.



Hai khảo sát quan trọng được phân tích ở đây, một là về căn tính dân tộc (Taiwanese/ Chinese identity), [2] và một là về chủ trương độc lập hoặc thống nhất với Trung Quốc (Taiwan Independence vs. Unification with the Mainland). [3]

Khảo sát về căn tính dân tộc được Trung tâm Nghiên cứu Bầu cử thực hiện từ năm 1992, còn khảo sát về mối quan hệ với Trung Quốc được ghi nhận từ năm 1994.

Đó là thời điểm mà Đài Loan đã đi những bước đầu tiên trong công cuộc tự do hóa, từ đó tiến dần đến dân chủ hóa.

Năm 1987, chính quyền bãi bỏ thiết quân luật, vốn được lập ra từ năm 1949. [4] Một năm sau, lệnh cấm báo chí và thành lập đảng phái cũng được gỡ bỏ. [5]

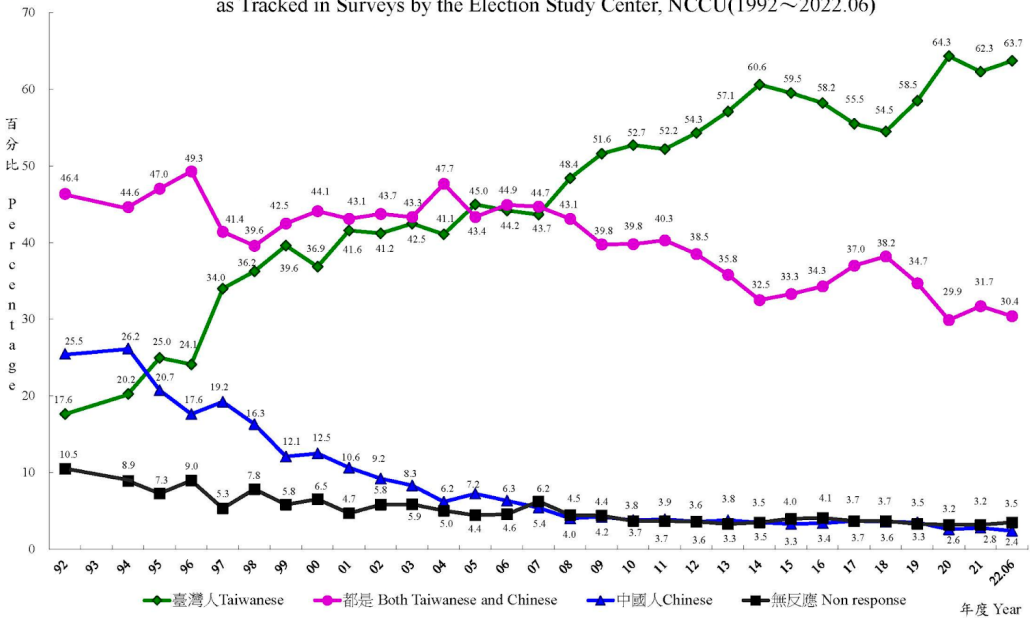
Trước đó, năm 1986, Đảng Dân Tiến (DPP), đảng chính trị đối lập đầu tiên của Đài Loan, thành lập mà không bị chính quyền Quốc Dân Đảng cản trở. [6]

Cuối thập niên 1980 và đầu những năm 1990, xã hội Đài Loan bùng nổ các cuộc biểu tình và phong trào vận động dân chủ. Nổi bật là phong trào Hoa Ly Rừng (Wild Lily Movement) của giới sinh viên vào năm 1990, buộc nhà cầm quyền phải đàm phán và sau đó nhượng bộ thực hiện các yêu cầu cải cách dân chủ. [7]

Biểu tượng phong trào Hoa Ly Rừng.
Nguồn: news.ltn.com.tw.

CHỌN LÀ NGƯỜI ĐÀI LOAN
HƠN LÀ NGƯỜI TRUNG QUỐC

臺灣民眾臺灣人／中國人認同趨勢分佈（1992～2022.06）
Changes in the Taiwanese/Chinese Identity of Taiwanese
as Tracked in Surveys by the Election Study Center, NCCU(1992～2022.06)



Biểu đồ minh họa kết quả khảo sát về sự thay đổi trong việc xác định căn tính của người Đài loan. Nguồn dữ liệu từ Election Study Center, NCCU (1994-2022).

Người Đài Loan
Người Trung Quốc
Vừa là người Đài Loan, vừa là người Trung Quốc
Không phản hồi

Khảo sát ghi nhận số lượng người muốn khẳng định căn tính Đài Loan liên tục tăng nhanh qua các năm. Năm 1992, chỉ có thiểu số 17,6% nhận là người Đài (Taiwanese). Đến năm 2022, con số này là 63,7%.

Ngược lại, số lượng nhận mình là người Trung Quốc (Chinese) liên tục giảm sâu, từ 25,5% vào năm 1992 xuống chỉ còn 2,4% vào năm 2022.

Một lựa chọn khác của một số lớn người Đài là xem mình có căn tính tổng hợp, vừa Đài Loan vừa Trung Quốc (both Taiwanese and Chinese).

Tính từ năm 1992 đến 2008, đó gần như luôn là câu trả lời chiếm đa số (từ 40% đến gần 50% người được hỏi mỗi năm).

Đến năm 2009, tỷ lệ những người chọn căn tính Đài Loan mới vượt qua những người chọn căn tính tổng hợp. Cũng kể từ đó, những người xem mình là người Đài Loan ngày càng nhiều, còn những người xem mình vừa Đài vừa Trung càng ngày càng ít. Đến năm 2022, con số chọn căn tính tổng hợp chỉ còn 30,4%.

Các thay đổi này gắn liền với những diễn biến chính trị và xã hội trong lẫn ngoài nước.

Thời điểm 1995-1996 là lúc xảy ra cuộc khủng hoảng eo biển Đài Loan lần thứ ba, khi Trung Quốc tiến hành các cuộc tập trận và bắn tên lửa chung quanh Đài Loan. [8] Các động thái này vừa để phản ứng chuyển thăm Mỹ của Tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy, vừa nhằm gây sức ép,

đe dọa người dân Đài Loan không bỏ phiếu cho ông trong cuộc bầu cử tổng thống trực tiếp lần đầu tiên tại Đài Loan vào năm 1996.

Các hành động vũ lực của Trung Quốc dẫn đến kết quả ngược, khi người Đài Loan bầu cho Lý Đăng Huy trở thành tổng thống dân cử đầu tiên của họ, với số phiếu nhiều hơn gấp đôi người về nhì. [9]



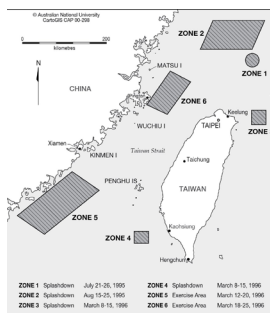
Lý Đăng Huy (thuộc Quốc Dân Đảng) đặc cử Tổng thống Đài Loan năm 1996.
Nguồn: aparchive.com.

Khảo sát ghi nhận thời điểm này đánh dấu việc số người nhận mình là người Đài Loan (25%) lần đầu tiên nhiều hơn số người nhận mình là người Trung Quốc (20,7%), con số đảo ngược so với năm trước đó (20,2% so với 26,2%). Kể từ đây, nhóm căn tính Đài Loan liên tục tăng, nhóm giữ căn tính Trung Quốc không ngừng giảm.

Đà giảm của nhóm căn tính Trung Quốc dừng lại từ thời điểm năm 2008-2009, khi con số này ổn định qua các năm tiếp theo ở mức trên dưới 4%.

Đây cũng là thời điểm nhóm căn tính Đài Loan vượt qua nhóm căn tính tổng hợp vừa Đài vừa Trung. Xu hướng những người xem mình là người Đài liên tục tăng, bất kể việc họ bầu cho người của Quốc Dân Đảng (chủ trương thân Trung) hay Đảng Dân Tiến (có xu hướng độc lập) làm tổng thống.

Trần Thủy Biển (thuộc Đảng Dân Tiến) đặc cử Tổng thống Đài Loan năm 2000. Nguồn: Wikipedia.



Các khu vực tập trận quân sự và khu vực bắn tên lửa của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1995-1996.
Ảnh: Australia National University.

Giai đoạn 2000-2008, khi Đảng Dân Tiến nắm quyền, nhóm căn tính Đài Loan tăng dần nhưng chậm rãi. Trong các năm 2008-2016, con số này tăng mạnh ngay cả khi cử tri trao quyền điều hành quốc gia lại cho Quốc Dân Đảng.

Một sự kiện đáng chú ý xuất hiện ở giai đoạn này là việc Trung Quốc dùng vũ lực đàn áp những người biểu tình tại Tây Tạng trong năm 2008. [10]

Sau một thời gian chững lại, số người lựa chọn căn tính Đài Loan tăng đến mức cao nhất trong vòng hai năm trở lại đây, thời điểm trùng khớp với việc Bắc Kinh đàn áp các phong trào dân chủ ở Hong Kong. [11]

Việc Trung Quốc “bình ổn” Hong Kong cũng khiến số người lựa chọn căn tính Trung Quốc lần căn tính tổng hợp xuống đến mức thấp nhất từ khi khảo sát được tiến hành.



(ảnh trái) Mã Anh Cửu (thuộc Quốc Dân Đảng) đặc cử Tổng thống Đài Loan năm 2008.
Nguồn: Wikipedia.

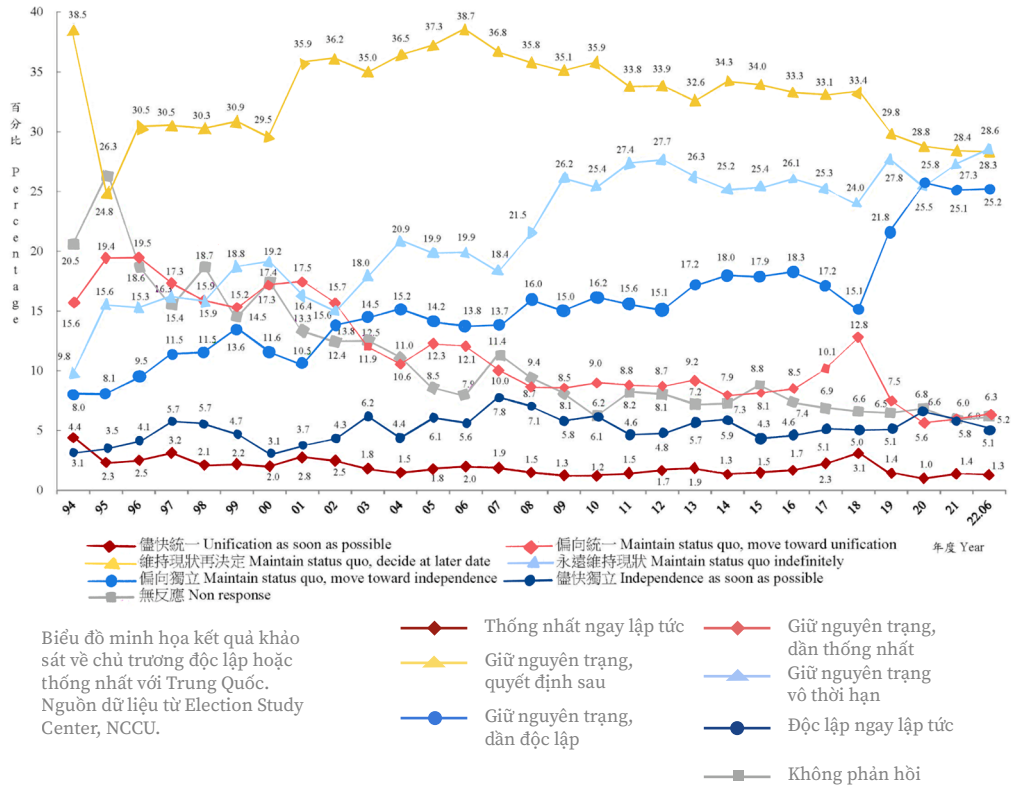


(ảnh dưới) Thái Anh Văn (thuộc Đảng Dân Tiến) đặc cử Tổng thống Đài Loan năm 2016.
Nguồn:Wikipedia.

KHÔNG TUYÊN BỐ ĐỘC LẬP,
CŨNG KHÔNG MUỐN THUỘC VỀ TRUNG QUỐC

臺灣民眾統獨立場趨勢分佈 (1994~2022.06)

Changes in the Unification - Independence Stances of Taiwanese
as Tracked in Surveys by Election Study Center, NCCU (1994~2022.06)



Số lượng người Đài Loan có căn tính tách biệt với Trung Quốc liên tục tăng qua các năm, nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc họ ủng hộ chủ trương độc lập.

Ý thức rất rõ về nguy cơ chiến tranh khi sống cạnh người hàng xóm luôn đe dọa dùng vũ lực, rất ít người Đài Loan muốn tạo cơ cho Trung Quốc xâm lược.

Tỷ lệ số người đòi tuyên bố độc lập ngay lập tức (independence as soon as possible) chưa bao giờ vượt quá 10%. Mức cao nhất là 7,8% vào năm 2007, thời kỳ Đảng Dân Tiến lần đầu tiên nắm quyền.

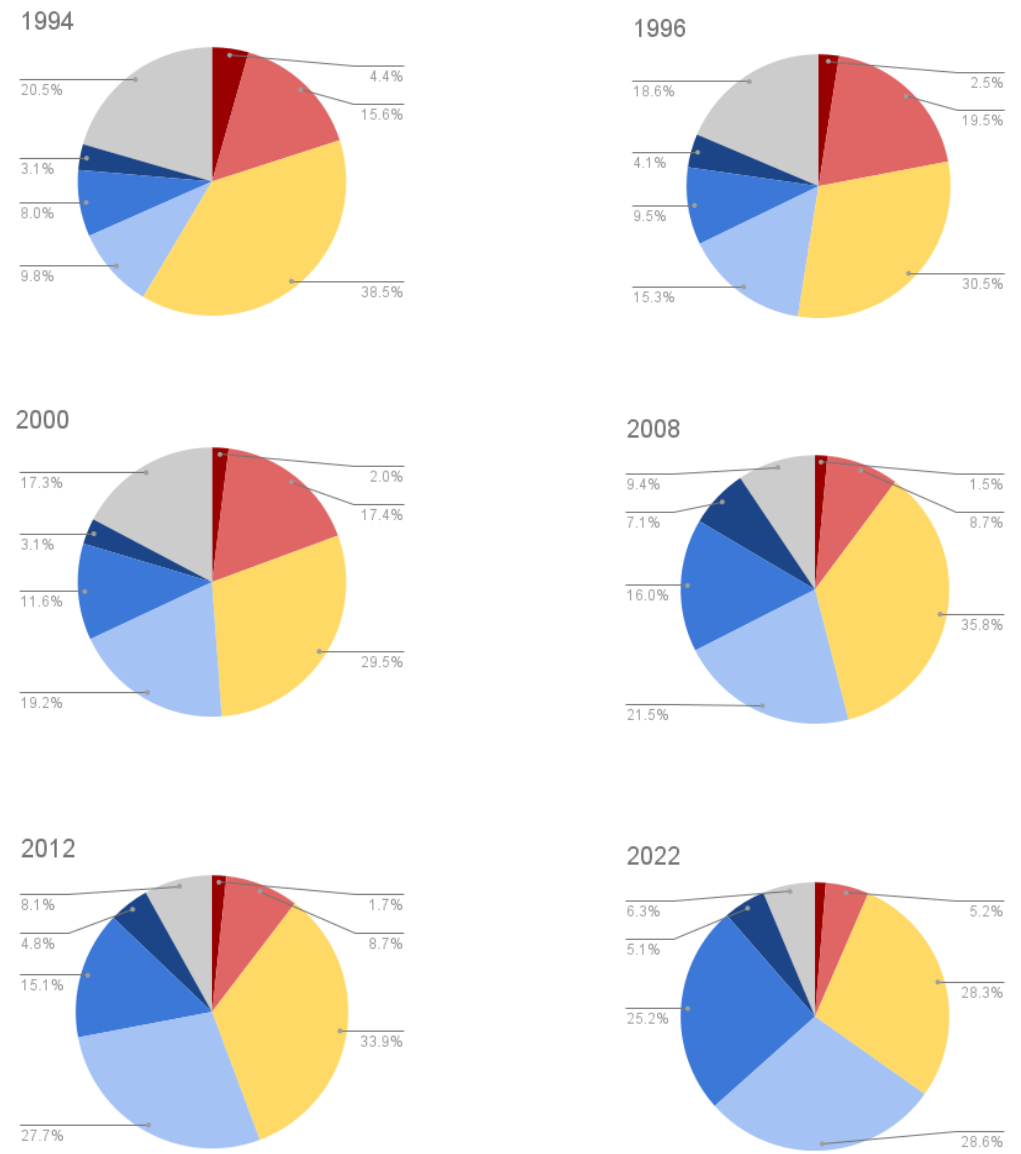
Ở chiều ngược lại, số người muốn thống nhất ngay lập tức (unification as soon as possible) còn thấp hơn.

Tỷ lệ cao nhất là 4,4% vào thời điểm bắt đầu khảo sát (1994), và từ đó đi xuống, dao động ở mức từ 1% đến 3%.

Khảo sát mới nhất vào năm 2022 cho thấy có 1,3% muốn thống nhất lập tức, so với 5,1% muốn độc lập ngay.

Tuyệt đại đa số người Đài Loan lựa chọn giữ nguyên trạng (status quo) trong mối quan hệ với Trung Quốc.

Trong số này, có hai nhóm đối lập: giữ nguyên trạng, dần tiến tới thống nhất (maintain status quo, move toward unification) và giữ nguyên trạng, dần tiến tới độc lập (maintain status quo, move toward independence).



Biểu đồ tròn minh họa kết quả khảo sát về chủ trương độc lập hoặc thống nhất với Trung Quốc. Nguồn dữ liệu từ Election Study Center, NCCU (1994-2022). Thực hiện: Luật Khoa.

- Unification as soon as possible
(Thống nhất ngay lập tức)
- Maintain status quo, move forward unification
(Giữ nguyên trạng, dần thống nhất)
- Maintain status quo, decide at later date
(Giữ nguyên trạng, quyết định sau)
- Maintain status quo indefinitely
(Giữ nguyên trạng vô thời hạn)
- Maintain status quo, move toward independence
(Giữ nguyên trạng, dần độc lập)
- Independence as soon as possible
(Độc lập ngay lập tức)
- Non response
(Không phản hồi)

Hai nhóm trên phát triển theo xu hướng tương tự, tuy không chênh lệch bằng, như nhóm có căn tính Trung Quốc và nhóm có căn tính Đài Loan.

Nhóm giữ nguyên trạng, dần thống nhất có xu hướng giảm qua các năm, trong khi nhóm nguyên trạng, dần độc lập có xu hướng tăng dần.



Người biểu tình ở Yau Ma Tei vào ngày 18/11/ 2019 đang cố gắng vượt qua hàng rào của cảnh sát để giải cứu những người biểu tình khác bị mắc kẹt bên trong Đại học Bách khoa Hongkong. Nguồn: wikipedia.org.

Khoảng cách lớn nhất giữa hai nhóm xuất hiện trong hai năm gần đây, trùng với thời điểm Trung Quốc đàn áp phong trào dân chủ tại Hong Kong. Kết quả mới nhất vào năm 2022 cho thấy nhóm dần thống nhất chỉ còn 5,2%, trong khi nhóm dần độc lập đã tăng đến 25,2%, gần bằng với hai nhóm nguyên trạng còn lại.

Hai nhóm giữ nguyên trạng còn lại nhìn qua thì không có khác biệt quá lớn, khi một bên muốn giữ nguyên trạng, để quyết định sau (maintain status quo, decide at later date), còn một bên giữ nguyên trạng vô thời hạn (maintain status quo indefinitely).

Trên thực tế, có thể xem nhóm nguyên trạng vô thời hạn là những người có xu hướng độc lập, hoặc ít nhất là không muốn thống nhất với Trung Quốc. Cũng giống như xu hướng của những người có căn tính Đài Loan và nhóm nguyên trạng, dần độc lập, nhóm này tăng dần qua các năm. Khảo sát mới nhất vào năm 2022 cho thấy tỷ lệ người muốn giữ nguyên trạng vô thời hạn chiếm 28,6%, tương đương với nhóm muốn giữ nguyên trạng quyết định sau (28,3%).

Theo kết quả khảo sát của năm 2022, nhóm người có xu hướng độc lập ở Đài Loan (gồm độc lập ngay, nguyên trạng dần độc lập và nguyên trạng vô thời hạn) chiếm gần 60%.

Nhóm những người cản trọng - nguyên trạng quyết định sau - trước nay luôn chiếm số lượng nhiều nhất, nhưng có xu hướng ngày càng giảm, đặc biệt trong các năm gần đây.

Xu hướng giảm còn rõ ràng hơn ở một nhóm khác: những người lưỡng lự, hay “không có câu trả lời” (non response).

Trong thập niên 1990, nhóm này chiếm khoảng 20%, nhưng sau đó liên tục giảm, đến năm 2022 chỉ còn 6,3%. Tương tự, nhóm lưỡng lự đối với vấn đề căn tính cũng giảm từ 10,5% vào năm 1992 xuống còn 3,5% vào năm 2022.

Ý thức về một căn tính riêng ngày càng cao, cùng với nguy cơ bị một chế độ độc tài xóa bỏ các giá trị sống mà mình vất vả xây dựng, khiến cho người Đài Loan ngày càng phải đưa ra các lựa chọn rõ ràng hơn. □



CỘNG TÁC VỚI LUẬT KHOA

Chúng tôi luôn mong chờ bài viết cộng tác của bạn.

Cùng là những người viết, chúng tôi trân trọng nỗ lực của bạn với con chữ và luôn dành mức nhuận bút cao nhất có thể cho mỗi tác phẩm của bạn.

Gửi bài cho Luật Khoa tại:
luatkhoa.org/guibai

KHI CHẾ ĐỘ
ĐỘC TÀI
TẮT THỎ:

TÔN GIÁO Ở ĐÀI LOAN ĐÃ CHUYỂN MÌNH TỰ DO NHƯ THẾ NÀO?

*Xác lập lại lần ranh
tôn giáo - chính quyền.*



Văn Tâm

Người Việt Nam khi du lịch đến Đài Loan thường ghé thăm chùa Long Sơn. Ở phía đối diện chùa là một trạm tàu điện ngầm. Bước xuống trạm tàu điện này, bạn sẽ thấy một khu vực đặt nhiều ki-ốt nhỏ nhưng họ không bán hàng hóa gì cả. Họ xem bói toán lấy tiền.

Tự do xem bói là một ví dụ phản ánh về mức độ tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đài Loan. Trong khi đó, bói toán ở Việt Nam bấy lâu nay vẫn bị xem là “tuyên truyền mê tín dị đoan”.

Đài Loan đối với Việt Nam là một tương lai rất gần nhưng cũng rất xa. Gần vì truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo của người dân hai nước khá tương đồng, cũng đi chùa, cũng thích phóng sanh, cũng tin vào số kiếp, cũng đa dạng các tín ngưỡng, tôn giáo. Xa vì Đài Loan đã thoát khỏi chế độ độc tài và đã dân chủ hóa thành công, còn Việt Nam vẫn đang đuổi bắt các nhóm tôn giáo không có giấy phép.

Nói như vậy không có nghĩa là Việt Nam hết hy vọng. Người Đài đã từng đau khổ sống dưới chế độ thiết quân luật trong gần 40 năm. Bất cứ ai cũng có thể bị bắt, thậm chí là dễ dàng bị xử tử. Nhưng chế độ độc tài nào rồi cũng phải kết thúc.

Tôn giáo ở Đài Loan đã chuyển mình ra sao trong thể chế dân chủ? Những khúc ngoặt nào các tôn giáo ở Đài Loan đã vượt qua để có tự do như hôm nay? Rất có thể đó là những gì mà Việt Nam sẽ trải qua.

40 năm thiết quân luật

Nếu bạn từng xem phim điện ảnh “Cồn Cồn Hồng Trần” (Red Dust 1990) chắc hẳn còn nhớ cảnh nữ chính Thẩm Thiệu Hoa nhường vé, đẩy người yêu của cô,

Chương Năng Tài, lên chuyến tàu cuối cùng đi Đài Loan.

Năm đó, Quốc Dân Đảng (Kuomintang - KMT) bại trận trước Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tưởng Giới Thạch (Chiang Kai-shek), lãnh đạo tối cao của Trung Hoa Dân Quốc, đưa hai triệu người tháo chạy đến đảo Đài Loan - lúc này đang trong thời kỳ thiết quân luật.

Trước đó, sau Thế chiến thứ Hai, Đài Loan được Nhật Bản trả lại cho Trung Hoa Dân Quốc sau 50 năm cai trị. Hòn đảo này trở thành nguồn viện trợ của KMT cho cuộc nội chiến dai dẳng, đẫm máu ở đại lục.

Đến năm 1947, giá lương thực tăng nhanh, nhiều mặt hàng bị chính quyền thao túng, và việc người Đài không được tham gia chính quyền đã châm ngòi cho một cuộc nổi dậy đòi quyền tự quyết. Cuộc nổi dậy này về sau được gọi là *Sự kiện 228* hay *Thảm sát 228*, vì bắt đầu vào ngày 28/2/1947. Đài Loan ban hành thiết quân luật tạm thời rồi chính thức vào năm 1949, mở ra thời kỳ Khủng bố Trắng (*White Terror*) với ước đoán hàng chục nghìn người đã bị giết hại hoặc mất tích. [1][2]



Đài Loan lúc này vẫn chỉ là một phần lãnh thổ của Trung Hoa Dân Quốc. KMT nuôi mộng một ngày nào đó tái chiếm đại lục. Do đó, bất cứ ai kêu gọi hòa bình hay bất cứ thứ gì liên quan đến chủ nghĩa xã hội thì đều bị cho là phản quốc.

Cuộc biểu tình vào tháng 5/1986 đòi chính quyền Đài Loan gỡ bỏ thiết quân luật. Nguồn: oftaiwan.org.

Thiết quân luật là cái cớ để KMT gạt qua một bên các quyền của người dân theo Hiến pháp, trong đó có quyền tự do tôn giáo. Chính quyền rất nhạy cảm đối với các nhóm tôn giáo, do lo ngại Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ cài gián điệp vào Đài Loan dưới vỏ bọc tôn giáo. [3] Do đó, các nhóm tôn giáo có quan điểm chính trị không giống với Quốc Dân Đảng đều rơi vào diện bị trấn áp. [4]

Một số lãnh đạo của Nhất Quán Đạo (Yiguandao) đã mất tích sau khi được mời đến “uống trà” ở đồn cảnh sát. Các nhóm tôn giáo khác như Hội thánh Tân Ước (New Testament Church), Hội thánh Tin Lành Trưởng lão (Presbyterian Church) với quy mô tổ chức lớn hơn cũng bị đàn áp.

Các tôn giáo có gốc gác Nhật Bản cũng nằm trong tầm ngắm, ví dụ Thiên lý giáo (Tenrikyo) bị cho là thân Nhật cực đoan vì không chấp nhận việc đánh mất Đài Loan, Sáng giá Học hội (Soka Gakkai) bị tình nghi thân Trung Quốc, có tư tưởng xã hội chủ nghĩa. [5]

Tuy nhiên, KMT luôn muốn chứng minh sự khác biệt của họ so với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Do đó, một số tôn giáo bị cấm ở Trung Quốc được phép hoạt động tại Đài Loan. Trong khi đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ công nhận chính thức năm tôn giáo. [6]

Vào lúc này, miền Bắc Việt Nam ngả theo mô hình kiểm soát tôn giáo khắc nghiệt của Trung Quốc, gây thiệt hại lớn cho các tổ chức tôn giáo. Ngược lại, miền Nam Việt Nam lại tiến bộ hơn Đài Loan khi các tôn giáo được hoạt động tự do. Thậm chí, các tôn giáo ở miền Nam đã có các hoạt động an sinh xã hội chuyên nghiệp, điều mà chỉ bắt đầu ở Đài Loan từ thập niên 1990.

Đáng tiếc, cách tiếp cận hiện nay của Việt Nam đối với các tôn giáo ở nhiều khía cạnh lại quay ngược về thời kỳ thiết quân luật của Đài Loan. Chính quyền Việt Nam đã làm những điều y như KMT từng thực hiện, bắt buộc các nhóm tôn giáo phải đăng ký để dễ kiểm soát, thâm nhập vào các tổ chức tôn giáo, đàn áp các nhóm tôn giáo có quan điểm trái với chính quyền.

Nếu có dịp đến Đài Loan, bạn sẽ thấy có vô số các đền thờ khác nhau. Những ngôi đền này thuộc về các tôn giáo cổ truyền của người Đài Loan, có vai trò quan trọng trong đời sống người dân. Chúng rất đậm bản sắc Đài Loan và có thể nói là phần nào thách thức quyền lực của KMT, vốn được xây dựng dựa trên căn tính Trung Hoa của đại lục. [7] Năm 1968, chính quyền đã ban hành một số quy định nhằm hạn chế các lễ hội truyền thống dưới các nội dung như hướng dẫn tổ chức các lễ tế một cách tiết kiệm, đơn giản hóa các nghi lễ tín ngưỡng. KMT cũng đã lập ra nhiều chương trình phổ biến đặc tính Trung Hoa trong xã hội Đài Loan. [8]

Tại Việt Nam, ngay sau năm 1975 đến thập niên 1990, một số tín ngưỡng dân gian bị chính quyền cho là mê tín dị đoan, một số ngôi đền không được phép hoạt động như trước đó. [9]

Dưới thời thiết quân luật, Phật giáo và Đạo giáo Đài Loan bị hạn chế hoạt động do KMT lo ngại các tổ chức này có thể lôi kéo người dân chống chính quyền. KMT có phần coi trọng và tin tưởng đạo Ki-tô hơn, cho nên nhiều trường đại học của Ki-tô giáo được phép hoạt động. [10]

Tuy nhiên, từ giữa thập niên 1970, KMT ngày càng mất dần sức ảnh hưởng đối với người Đài Loan do cách cai trị độc đoán của mình. Vị thế ngoại giao của Đài Loan trên trường quốc tế cũng kém đi rất nhiều. Mọi thứ bắt đầu thay đổi.

Lên tiếng cho dân chủ

Nhiều người tán thành rằng tôn giáo phải đứng ngoài chính trị, vì tôn giáo có sức ảnh hưởng đáng kể đối với công chúng, có thể dẫn đến tình

trạng chính quyền ưu ái tôn giáo này và đàn áp tôn giáo kia, phá vỡ các tiến trình chính trị thông thường. Điều đó không sai nhưng chưa hẳn chính xác.

Chế độ độc tài kiểm soát chặt chẽ các tôn giáo vì họ biết các tôn giáo có thể đoàn kết người dân nổi dậy, điển hình là phong trào dân chủ ở Hàn Quốc, Philippines vốn đều có sự tham gia của các nhóm tôn giáo. Câu hỏi đúng hơn là tôn giáo nên can thiệp vào chính trị khi nào và ở chừng mực ra sao.

Tại Đài Loan, từ thập niên 1970, KMT mất dần vị thế ngoại giao của mình. Mỹ rục rịch nối lại quan hệ với Trung Quốc. Ước muốn tái chiếm đại lục của KMT ngày càng viễn vông. Áp lực cải cách ngày càng nặng nề.

Năm 1971, sau chuyến thăm Trung Quốc của Cố vấn An ninh Quốc gia Mỹ Henry Kissinger, Hội thánh Tin Lành Trưởng Lão tuyên bố người Đài có quyền tự quyết, yêu cầu KMT cải cách chính trị, tổ chức bầu cử chính quyền. [11]

Hội thánh Tin Lành Trưởng Lão bác bỏ các chỉ trích về việc bị chính trị hóa. Andrew Chang, Tổng thư ký của chi nhánh hội thánh tại Đài Loan, nói rằng một tổ chức có lương tâm không thể đứng nhìn kẻ điên cuồng lái xe tải chở nhiều người lao xuống vực thẳm. “Chúng tôi không làm chính trị, chúng tôi hành động vì mối lo lắng của mình [cho tình trạng đất nước]”, ông Chang khẳng định. [12]

Vào lúc này, Hội thánh Tin Lành Trưởng Lão có một số điều kiện thuận lợi để lên tiếng vì họ có được sự ủng hộ ở Mỹ và Canada - những nước viện trợ cho Đài Loan. Mặt khác, hội thánh gây dựng được

uy tín từ lâu khi đã hoạt động ở Đài Loan trước khi các nhóm tôn giáo chuyển từ đại lục đến. Năm 1977, hội thánh thậm chí còn công bố tuyên ngôn nhân quyền của mình, yêu cầu chính quyền xây dựng “một Đài Loan mới và độc lập”. [13]

Năm 1980, KMT đã cho phép các thành viên của phong trào đảng ngoại (*tangwai*) - tức là bên ngoài KMT - ứng cử cấp địa phương mà không cần được đảng này cấp phép như trước đây. Một số thành viên đảng ngoại sau này đã lập ra Dân Tiến Đảng (DPP) vào năm 1986, tức là đảng của đương kim Tổng thống Đài Loan Thái Anh Văn (Tsai Ing-wen). [14]

Năm 1987, thiết quân luật được chính thức gỡ bỏ. Tuy nhiên, KMT lại thông qua đạo luật về an ninh quốc gia, cấm các cuộc biểu tình trái Hiến pháp, ủng hộ chủ nghĩa cộng sản hoặc ly khai. [15] Tuy nhiên, phong trào dân chủ, đòi quyền tự quyết, tự do ngôn luận, tự do báo chí vẫn phát triển mạnh mẽ.

Sau khi bãi bỏ thiết quân luật, Đài Loan bước vào giai đoạn dân chủ hóa. Năm 1992, lần đầu tiên Đài Loan tổ chức bầu cử Lập pháp Viện một cách tự do và công bằng.

Với việc cải cách chính trị, các tổ chức tôn giáo cũng có sự chuyển biến. Các hiệp hội tôn giáo độc quyền như Hiệp hội Phật giáo Đài Loan mất dần sức ảnh hưởng, nhường chỗ lại cho các hiệp hội Phật giáo mới vốn năng động và cấp tiến hơn. Các tôn giáo bị cấm như Nhất Quán Đạo bắt đầu được chính quyền công nhận. [16]

Trong thập niên 1990, sau một thời gian cấm nhiều tôn giáo hoạt động, chính quyền Việt Nam cũng bắt đầu công nhận các tôn giáo như Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Baha'i, Mặc Môn, v.v. Tuy nhiên, Việt Nam lại đi theo hướng trái ngược với Đài Loan. Các tôn giáo ở Việt Nam được chính quyền công nhận để dễ dàng kiểm soát. Trong khi đó, Đài Loan bắt đầu chính sách tự do tôn giáo kéo theo nhiều vụ bê bối.

Hậu độc tài

Cho đến nay, bạn vẫn rất có thể bắt gặp một số cuộc tuần hành trên đường phố Đài Bắc đòi chính quyền cải cách luật thuế liên quan đến vụ án về một nhóm tôn giáo đã xảy ra cách đây 26 năm.

Đó là vào năm 1996, cảnh sát bắt giữ Tiến sĩ Hồng Đạo Từ (Hong Tao-Tze) cùng vợ và hai đệ tử của ông. Một số tài sản của ông bị đóng băng. Ông Hồng và ba người bị buộc tội lừa đảo và trốn thuế. [17]

Ông Hồng lập ra học viện khí công và võ thuật Thái Cực Môn (Tai Ji Men) vào năm 1966. Tổ chức này dần có sức ảnh hưởng lớn với nhiều hoạt động phổ biến văn hóa truyền thống Trung Hoa, vận động hòa bình cho thế giới. Công tố viên cáo buộc ông Hồng phạm tội lừa đảo và trốn thuế trong khoảng thời gian từ năm 1991 đến 1996. [18] Cáo buộc trốn thuế này có liên quan đến khoản tiền trong các bao lì xì đỏ mà các đệ tử gửi cho ông Hồng. Theo công tố viên, số tiền này được tính là học phí và phải chịu thuế. [19]



[20] Năm 2020, cơ quan thuế đã bán đấu giá một khu đất tịch thu trước đó của ông Hồng để truy thu thuế. [21]

Năm 2021, trong một video được công bố, một nhân viên thuế vụ thừa nhận rằng công tố viên đã buộc tội ông Hồng và những người khác mà không có bằng chứng, sau đó đã nhờ anh khai chứng giả. Cho đến nay, vụ án của Tiến sĩ Hồng vẫn còn tranh chấp. Nó là điển hình cho di chứng của thời kỳ hậu độc tài. [22]

Năm 1996 chính là năm Đài Loan lần đầu tiên tổ chức bầu cử trực tiếp tổng thống. Các phe phái trong các đảng chính trị đã liên kết với các tổ chức tôn giáo nhất định để tìm kiếm phiếu bầu. Cuối cùng, Lý Đăng Huy (Lee Teng-Hui), thuộc đảng KMT, người sau này được gọi là “Mr. Dân chủ” vì thúc đẩy quá trình dân chủ hóa, đắc cử tổng thống.



(ảnh trên và ảnh trái) Biểu tình về vụ việc Thái Cực Môn tại Đài Bắc.
Nguồn: bitterwinter.org.

Phải đến năm 2007, Tối cao Pháp viện Đài Loan mới bãi bỏ cáo buộc hình sự đối với vụ án này. Các phán quyết theo sau đó của tòa án các cấp cũng đều có lợi cho ông Hồng và các bị cáo khác. Các cơ quan thuế vụ đã hủy bỏ các đơn thuế của các năm nhưng lại đòi truy thu duy nhất năm 1992.

Sau cuộc bầu cử, Đài Loan nổi lên một số vụ ám sát đối với các chính trị gia như vụ đột nhập, bắn chết ông Lưu Bang Hữu (Liu Pang-You); [23] vụ bắt cóc, cưỡng hiếp và giết hại đảng viên DPP bà Bành Uyển Như (Peng Wan-ru); [24] vụ cưỡng hiếp, giết hại một bé gái năm tuổi ngay tại Sở chỉ huy Lực lượng Không quân; [25] hay vụ án bắt cóc, giết hại cô gái 17 tuổi Bạch Hiếu Yến (Pai Hsiao-yen), con gái của một ngôi sao truyền hình khi ấy. [26]

Theo nhà nghiên cứu người Đài Loan Thái Chính An (Tsai Cheng-an), các vụ án nghiêm trọng đã khiến công chúng gây áp lực vô cùng lớn lên chính quyền. Bộ Tư pháp đã quyết định tấn công vào các nhóm tôn giáo để vừa chuyển hướng dư luận, vừa trừng phạt các nhóm tôn giáo không ủng hộ Lý Đăng Huy. [27]

Chùa Phật Quang Sơn (Fo Guang Shan) do Hòa thượng Tinh Vân (Hsing Yun) trụ trì bị cáo buộc xây dựng trái phép, lấn chiếm đất đai, xả rác gây ô nhiễm môi trường, trốn thuế. Báo chí cũng đăng hàng loạt các bài viết gây sốc về ngôi chùa để tạo dư luận. Sau nhiều cuộc biểu tình được dàn dựng, ngôi chùa phải đóng cửa trong ba năm. [28]

Thiền sư Ngô Giác Diệu Thiên (Wu Jue Miao Tian), người sáng lập Hiệp hội Thiền Phật giáo Đài Loan, bị cáo buộc lừa đảo và trốn thuế liên quan đến một ngôi chùa khác. Sau đó, ông được miễn tội lừa đảo nhưng bị cáo buộc trốn thuế với số tiền truy thu thuế khổng lồ. Cuối cùng, ông đồng ý trả một phần tiền thuế để thoát khỏi cuộc săn đuổi của cơ quan thuế vụ. [29]

Ông Tống Thất Lực (Sung Chi-Li), người sáng lập ra một hiệp hội tôn giáo mang tên mình, bị cáo buộc lừa đảo. Ngôi đền của hiệp hội bị cảnh sát phá hủy. Ông Tống cho rằng bản thân có sức mạnh siêu nhiên có thể mang lại quyền lực, trí tuệ, may mắn cho các tín đồ. [30] Các tín đồ phải mua tranh ảnh, sách, video từ ông với giá cắt cổ. Ông bị kết án bảy năm tù giam. Đến năm 2003, Tối cao Pháp viện đã bác bỏ cáo buộc, tuyên các hoạt động của hiệp hội là quyền tự do tôn giáo và được nhà nước bảo vệ. [31]

Hòa thượng Duy Giác (Wei Jue), trụ trì tu viện Trung Đài Sơn (Chung Tai Shan), cũng bị truy tố về tội trốn thuế và lừa đảo, nhưng sau đó được tòa tuyên trắng án. [32]

Cả bốn người nêu trên đều ủng hộ các đối thủ chính trị của Lý Đăng Huy trong cuộc

bầu cử tổng thống năm 1996 là Trần Lý An (Chen Lu-An) - ứng cử viên tổng thống độc lập, và Tạ Trường Đình (Hsieh Chang-Ting) - ứng cử viên phó tổng thống thuộc DPP. [33]

Ngoài ra, có một tôn giáo tại Đài Loan mà nhiều người Việt Nam biết đến cũng bị buộc tội lừa đảo và trốn thuế. Đó là Pháp Môn Quán Âm. Vì các cáo buộc này, người sáng lập Thanh Hải Vô Thượng Sư đã phải rời bỏ Đài Loan trong một thời gian. [34]

Cho đến năm 1996, trong khi Đài Loan đang chuyển đổi dân chủ, quốc gia này vẫn chịu di chứng của thời kỳ độc tài khi các lãnh đạo cũ vẫn quen với việc sử dụng báo chí, dùng các cơ quan của chính quyền như cục thuế, tòa án để đàn áp các tổ chức tôn giáo nhúng tay vào chính trị.

Lựa chọn của Đài Loan

Khi chế độ độc tài tắt thở, đất nước hít vào những hơi thở đầu tiên của thể chế dân chủ. Những hơi thở tự do ấy mang lại lợi ích cho rất nhiều bên.

Các tổ chức tôn giáo ở Đài Loan đã hưởng lợi lớn trong thời kỳ đầu chuyển đổi dân chủ. Tuy nhiên, tự do cũng mang lại những vụ bê bối tôn giáo khiến nhiều người cho rằng cần phải thông qua một bộ luật để quản lý tôn giáo.

Nghe có vẻ như rất phù hợp. Tôn giáo gì thì cũng cần phải tuân thủ pháp luật, tránh lợi dụng để trục lợi.

Tuy nhiên, rất ít các nền dân chủ trên thế giới ban hành luật để quản lý tôn giáo. Hầu hết các quốc gia phương Tây hướng đến một chính sách “twin toleration” (tạm dịch là sự khoan dung song hành), được hiểu là nhà nước không cố can thiệp vào các hoạt động tôn giáo để đổi lại việc các tôn giáo sẽ không tìm cách kiểm soát nhà nước.

Khi Đài Loan chuyển đổi dân chủ, đảo quốc này cũng loay hoay với câu hỏi có nên ban hành luật về tôn giáo hay không.

Năm 1993, Bộ Nội vụ Đài Loan đã đệ trình Luật về các Tổ chức Tôn giáo (Law on Religious Corporations). Tuy nhiên, phần lớn các lãnh đạo tôn giáo lúc này có quan điểm rằng nhà nước không nên can thiệp vào các vấn đề tôn giáo. [35]

Năm 1994, Hiệp hội Phật giáo Đài Loan, một hiệp hội độc quyền về Phật giáo trong thời kỳ thiết quân luật, soạn một bộ luật riêng của mình về tôn giáo nhưng cũng thất bại. Cùng năm, chính quyền đã thông qua một quy định về hoạt động từ thiện có lợi đối với các tổ chức tôn giáo. [36]

Trước làn sóng tôn giáo mới tràn ngập Đài Loan, Hòa thượng Tinh Vân cũng tự mình đề nghị một bộ luật tôn giáo nhằm bảo vệ uy tín của các tôn giáo. Tuy nhiên, các lãnh đạo Phật giáo khác không tán thành, với lý do lập pháp về tôn giáo để ngăn chặn lừa đảo là một phản ứng thái quá. [37]

Dưới thời Tổng thống Lý Đăng Huy, chính quyền thông qua một số quy định, thủ tục, biện pháp để quản lý các khía cạnh về hoạt động tôn giáo như từ thiện, giáo dục, quản lý đất đai, quy định về việc chức sắc từ đại lục đến Đài Loan, việc xây dựng đền, chùa trên núi, v.v. Cách tiếp cận này được duy trì dưới thời tổng thống kế tiếp là Trần Thủy Biên (Chen Shui-bian). [38]

Cho đến nay, các lãnh đạo tôn giáo vẫn bất đồng về việc

ban hành một bộ luật đối với tôn giáo. Năm 2015, một số lãnh đạo hiệp hội tôn giáo lớn ở Đài Loan kêu gọi Bộ Nội vụ ban hành luật để giám sát tài chính của các tổ chức tôn giáo. Tuy nhiên, một bộ luật như vậy lại gây bất lợi cho các tôn giáo nhỏ. [39]

Có ba lý do ngăn cản Đài Loan thông qua một đạo luật về tôn giáo.

Thứ nhất, di chứng của chế độ độc tài về việc đã từng đàn áp tôn giáo. Do đó, hoạt động lập pháp nào về tôn giáo cũng dễ gây



ra cảm giác là chính quyền có thể trở nên độc tài như trong quá khứ.

Thứ hai, Đài Loan đã trở thành một hình mẫu về tự do tôn giáo, luôn phản đối Trung Quốc đàn áp tự do tôn giáo cho nên khó có thể vừa chỉ trích đại lục, vừa siết chặt quản lý tôn giáo ở nước mình.

Thứ ba, mối quan hệ giữa các chính trị gia và các lãnh đạo tôn giáo, đặc biệt trong các cuộc bầu cử, gây khó khăn cho việc can thiệp sâu vào tôn giáo.

Cho đến nay, Đài Loan vẫn thả cửa đối với các tôn giáo. Chính quyền không kiểm soát tài chính của các tổ chức tôn giáo. Bạn có thể hoạt động tôn giáo mà không cần xin phép. Điều này đã giải phóng tiềm năng của các tổ chức tôn giáo cả về kinh tế và an sinh xã hội.

Đài Loan không chỉ có các nhân vật tôn giáo nổi danh trên thế giới mà còn có các tổ chức từ thiện ở tầm cỡ quốc tế như tổ chức cứu trợ nhân đạo Phật giáo Từ Tế (Tzu Chi). Trong khi đó, các tôn giáo tại Việt Nam, do chắt vật với các quy định kiểm soát của chính quyền, không xây dựng được tổ chức từ thiện nào có tầm cỡ trong khu vực. Ngoại trừ thiền sư Thích Nhất Hạnh vốn phát triển tăng đoàn của mình ở nước ngoài, Việt Nam không có nhân vật tôn giáo nào có sức ảnh hưởng đối với thế giới.

Người Đài dù theo hay không theo tôn giáo cũng được hưởng lợi lớn từ chính sách tự do tôn giáo cởi mở. Các tổ chức tôn giáo với tài chính khổng lồ có vai trò lớn trong việc cung cấp các dịch vụ an sinh xã hội cho công chúng. Trong khi đó, từ sau năm 1975 đến nay, chính quyền Việt Nam vẫn cấm các tổ chức tôn giáo tham gia một cách chuyên nghiệp vào lĩnh vực an sinh xã hội.

Đài Loan cũng đã trở thành một nơi chào đón tất cả các tôn giáo mới. Người Việt vẫn đều đặn đặt máy bay tới và đóng góp tiền của vào Đài Loan thay vì cho Việt Nam, nơi vẫn đuổi bắt các nhóm tôn giáo mới. □

Một buổi lễ theo nghi thức Nho giáo tại Đài Loan do Nhất Quán Đạo tổ chức.
Nguồn: Wikipedia.



ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG

LÀM THẾ NÀO ĐỂ KIẾN TẠO MỘT QUỐC GIA DÂN CHỦ?

BÀI HỌC TỪ MỘT TIỂU LUẬN THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA

*Học để lựa chọn, chứ không phải
học để làm theo và bắt chước
một cách mù quáng.*

Trịnh Hữu Long

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.org ngày 28/12/2021.

*Ghi chú: Những trích dẫn trong sách
được giữ nguyên văn.*

“Việt Nam trước lựa chọn dân chủ” không phải là một cuốn sách mới ra gần đây, cũng không nhắm tới thể chế độc đảng của Việt Nam đương đại. [1] Nó ra mắt năm 1972 ở miền Nam để bàn về những lựa chọn xây dựng một nền dân chủ cho miền Nam.

Tôi đặc biệt có hứng thú với những đề tài như vậy, và cũng đặc biệt hứng thú với những tác giả trần trụi nghĩ suy về việc kiến tạo một quốc gia dân chủ. Ông Trần Văn Ân – tác giả của tiểu luận “Việt Nam trước lựa chọn dân chủ” – là một người như thế. [2]

Ông sinh năm 1903, là một nhà cách mạng lão luyện và có ảnh hưởng lớn từ trước 1945 cho tới khi Sài Gòn sụp đổ năm 1975, nhưng sử sách ngày nay không mấy khi nhắc tới. Vào thời điểm viết tiểu luận này, ông đã gần 70 tuổi, vừa chấm dứt vai trò Chủ tịch Ủy ban soạn thảo Sắc Luật Bào cử Quốc hội Lập hiến của Việt Nam Cộng hòa được vài năm, góp phần then chốt lập ra nền Đệ nhị Cộng hòa với bản Hiến pháp năm 1967.

Cuốn “Việt Nam trước lựa chọn dân chủ” có cấu trúc khá thú vị. Một nửa cuốn sách là tiểu luận của ông Ân, nửa còn lại là thư từ trao qua đổi lại giữa ông và một số luật sư, cựu dân biểu, trí thức về nội dung tiểu luận. Nó tựa như một cuộc thảo luận bằng văn bản, rất công phu, chín chu và giàu tâm huyết. Giá giới trí thức và tranh đấu ở ta ngày nay cũng thảo luận một cách chín chu như vậy thì chắc hẳn sẽ tạo ra nhiều tác phẩm có giá trị và gợi mở được đường hướng phát triển cho quốc gia.

Tiểu luận này của ông Ân là kết quả của những trăn trở về hiện trạng của nền dân chủ Việt Nam Cộng hòa khi đó. Ông viết:

“Tính chất của nền dân chủ Việt Nam Cộng hòa – Là tánh chất sanh non đẻ vội với tất cả bệnh hoạn của sự ấu trĩ. Nói thế là nhìn nhận một sự thật để sửa chữa, chứ không có vấn đề bài xích với ý đồ xóa bỏ cái gì đã làm. Ta đã dày công xây dựng dân chủ, đã tốn công của rất nhiều. Không có vấn đề xóa đi làm lại, mà chỉ có vấn đề biết căn bệnh để mà trị liệu đúng mức.”

Bài toán mà Việt Nam Cộng hòa phải giải, theo ông Ân, là một xã hội:

- vừa thoát thai ra khỏi chế độ thực dân phong kiến, chịu ảnh hưởng của văn hóa phương Đông và văn minh chính trị Pháp;
- kiến tạo dân chủ từ con số không, trong khi phương Tây đã đi trước hàng trăm năm;

- kiến tạo dân chủ trên nền tảng một xã hội nông nghiệp, trong khi phương Tây đã công nghiệp hóa xong và đã bước sang thời kỳ kỹ nghệ;
- kiến tạo dân chủ trong hoàn cảnh chiến tranh với nhà nước cộng sản độc tài ở miền Bắc;
- kiến tạo dân chủ trong bối cảnh khu vực châu Á gần như không có nước nào đáng gọi là dân chủ.

Ông giảng giải về các khái niệm chính trị học như tự do, dân chủ với một tinh thần phê phán rất đáng quý, và luôn nhấn mạnh rằng không có mô hình nào hoàn hảo, cũng không có mô hình nào mà Việt Nam có thể bê nguyên về mà xài được.

“Ta quen học cái gì người ta đã thi hành mà quên rằng có cái hay ở đây mà không hay ở nơi khác. Ta quen đem những công thức sẵn có áp dụng cho ta mà quên rằng không có công thức nào là thích nghi cho mọi hoàn cảnh, mọi địa phương và mọi dân tộc. Vẫn biết phải học, và có học mới có nên, nhưng học là để lựa chọn, chứ không phải học để làm theo và bắt chước một cách mù quáng”, ông viết.

Vào lúc ông phê phán miền Nam như vậy, miền Bắc đang tăng tốc trong việc bắt chước và rập khuôn mô hình Liên Xô.

Còn miền Nam của ông khi đó đang có một nền chính trị sôi nổi một cách hỗn loạn, với những đảng chính trị không có cương lĩnh, không có viễn kiến, mang dáng dấp của những đảng cách mạng hơn là đảng chính trị, và liên tục chửi bới, đánh nhau ở Nghị viện như ở “chợ cá”.

Việc thiếu nền tảng giáo dục chính trị, theo ông, khiến cho người dân lẫn chính khách không biết cách thực hành dân chủ đúng đắn.

Ông Ân cho rằng có ba yếu tố chính để xây dựng dân chủ là tự do, bình đẳng về cơ hội (mà ông gọi là bình đẳng điều kiện), và điều hợp – mọi người dân có thể và có

khả năng tham gia đúng mức vào các tiến trình chính trị. Ông nhận định:

“Không ý thức giá trị tự do thì sự hành sử tự do sẽ là bừa bãi, và bừa bãi là phản dân chủ. Không tạo bình đẳng điều kiện là không hành sử được tự do và sự thắng bằng xã hội sẽ không có, thì sự điều hợp không thể hiện được. Không có điều hợp là không có nhập cuộc sáng tạo. Không có sáng tạo là không có tiến bộ.”

Ông cũng đặc biệt nhấn mạnh tới tính hữu hiệu của một chế độ dân chủ, thứ

Bìa sách Việt Nam trước lựa chọn dân chủ. Nguồn: wikipedia.org.

Chân dung tác giả Trần Văn Ân. Nguồn: nguyen.hoai.van.pagesperso-orange.fr



có lẽ rất gần với một khái niệm phổ biến trong chính trị học hiện nay là quản trị tốt (good governance), và ông đề xuất một chính quyền mạnh. Chính quyền mạnh, ông lưu ý, không phải là một chính quyền độc tài, mà là một nền dân chủ điều hợp (démocratie harmonisante) để “tránh cuộc khủng hoảng mà dân chủ ở Âu Mỹ đang gặp phải”.

“Trong điều hợp có yếu tố lấy quyết định mau, mặc dầu không mau như trong chế độ độc tài, bởi vì có điều hợp là có nhập cuộc của các tầng lớp nhân dân trong tinh thần đồng tiến”, ông viết.

Tuy vậy, trong hoàn cảnh Việt Nam Cộng hòa khi đó, tự do sống là yếu tố tiên quyết, phải chấp nhận thiếu thốn những thứ tự do khác để có tự do sống – ý ông muốn nói tới sự sống còn của miền Nam trước miền Bắc.

Do đó, ông kết luận:

“Trong hiện tình đất nước, để sống còn và phát triển quốc gia, thì

Trật tự phải đứng đầu.

Phải có trật tự để có tự do.

Kế đó là Ra sức làm việc, Có tổ chức hợp lý, và Làm việc trong tinh thần hợp quần nhập cuộc, nhằm hiệu năng.

Còn thì mọi ‘cái gì khác’ đều là thứ yếu, trong lúc này.”

Giải pháp cụ thể ông đề ra có giáo dục chính trị, có khai dân trí, có mở trường, có mở báo, có viết sách, có mở hội thảo.

Những kiến giải và ưu tiên của Trần Văn Ân vào cuối năm 1971, đầu năm 1972 có thể không còn phù hợp với thời đại ngày

nay, tùy góc nhìn của bạn đọc. Tôi điểm cuốn tiểu luận của ông cũng không phải để cổ xúy cho mô hình dân chủ điều hợp mà ông đề xuất, mặc dù cái gọi là mô hình này cũng mới chỉ dừng lại ở triết lý tổng quát chứ chưa đi vào thiết kế chính thể.

Cái tôi học được nhiều nhất từ tiểu luận của ông lại là tinh thần phê phán quyết liệt và thái độ tranh luận rất đúng mực, là hai yếu tố mà tôi nghĩ rằng đang quá thiếu thốn trong xã hội ta hiện nay, ngay cả khi suy tư và tranh luận về giải pháp phát triển của dân tộc.

Tôi xin trích một đoạn trong tiểu luận của ông Trần Văn Ân để khép lại bài viết cuối năm này:

“Nhìn vào sinh hoạt chính trị tại quốc hội Việt Nam từ nhiệm kỳ I đệ nhị Cộng hòa đến nhiệm kỳ 2 – không kể đệ nhứt Cộng hòa – người ta không ngạc nhiên vì mình học đòi dân chủ Âu Mỹ. Nhưng người ta không khỏi lo sợ cho tiền đồ chế độ. Có người bảo rằng có xung đột mạnh, đánh đập nhau, chưởi bới nhau (có cả rút ngòi lựu đạn và hăm dọa bằng súng tay) mới có dân chủ. Thật, tôi không đồng ý, bởi tôi nhận định rằng tranh luận như thế ấy không bao giờ có kết quả tốt. Những quyết định đạt được trong tinh thần căng thẳng và thù khích không bao giờ là kết quả sáng suốt. Cãi vã nhau quá nóng nảy làm cho người biện luận mất thăng bằng tri thức, tức mất trí khôn. Việc này nên dành cho trẻ con chơi đùa, rồi đâm ra ấu đả, chớ không nên áp dụng vào việc lấy quyết định có ảnh hưởng đến quyền lợi quốc gia. Nhưng đây, ta mới học tập dân chủ, ta phải trả giá dân chủ. Điều ta phải làm là vượt qua tình trạng ấu trĩ.” □

Bài viết nằm trong mục Đọc sách cùng Đoàn Trang, đăng vào tối thứ Ba hàng tuần.

TIẾNG ANH

HẠN CHẾ CỦA VIỆT NGỮ: DÂN TỘC – QUỐC GIA – NHÀ NƯỚC

*Nation là gì? State là gì?
Là dân tộc, quốc gia, hay nhà nước?*

Nguyễn Quốc Tấn Trung

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.org ngày 31/3/2021.

Có sửa đổi so với bản đăng lần đầu.

Q W F H R X U S O
X C M B V Q H L P
Z T B C G U J K P
V R X Y E Ồ D Y T
D Â N T Ộ C V N S
Y W H T U G I M A
U S À F P I C D Z
O C N S O A D J X
P X Ư X I R F S K
E Z Ớ A T S E A R
N V C Z Y E W Q I

Lâu nay tại Việt Nam, các thuật ngữ như quốc gia, dân tộc, nhà nước – vốn có nghĩa rất khác biệt – được dùng một cách lộn xộn, thậm chí là dùng thay thế cho nhau. Kể cả trong các nghiên cứu triết học hay khoa học chính trị nước nhà, sự phân biệt giữa những từ ngữ này thường chỉ mang tính chất hình thức. Điều này có lý do sâu xa của nó.

Trong cuốn sách “Sovereignty in China – A Genealogy of a Concept since 1840”, giáo sư luật quốc tế và triết học pháp lý Maria Adele Carrai (New York University Shanghai) cho rằng quốc gia, dân tộc, nhà nước, đất nước, chủ quyền, v.v. đều là những khái niệm triết học phương Tây được du nhập vào châu Á. [1] Trung Quốc và Nhật Bản là những nước đầu tiên đón nhận, sau đó là các quốc gia khác. Quan điểm này gây ra tranh cãi dữ dội giữa các trường phái khoa học chính trị, khoa học pháp lý và khoa học lịch sử.

Tuy nhiên, có một sự thật là những thuật ngữ này chỉ bắt đầu xuất hiện tại Trung Quốc vào thế kỷ 19, sau hàng trăm năm được phát triển và hoàn thiện tại phương Tây.

Hãy tưởng tượng, tại Trung Quốc và Việt Nam, cho tới triều đại nhà Thanh (**Qing Dynasty**) và nhà Nguyễn (**Nguyen Dynasty**), người dân vẫn còn là những chủ thể bị trị (**subject**) của một triều đình, một hoàng tộc (**royal court**).

Đất đai không phải của quốc gia, dân tộc hay nhà nước, mà là của riêng thiên tử (**son of heaven**) dựa trên thiên mệnh (**mandate of heaven**).

Khi có chiến tranh, nhân dân tham gia quân dịch không phải vì họ đang đấu tranh cho màu da, cho huyết thống hay vì quê cha đất tổ. Họ chiến đấu vì hoàng kỳ, dưới danh nghĩa của nhà vua.

Nói cách khác, cách mà người Đông Á thời này hiểu về chính thể, cấu trúc chính trị



Mình họa: Luật Khoa.
Nguồn: freepik.com.

và quan hệ quốc tế vẫn chưa vượt ra khỏi mô hình quân chủ tuyệt đối (**absolute monarchy**) cùng những hệ lụy tư duy của nó.

Vì sự rắc rối này, việc nghiên cứu các thuật ngữ nói trên bằng tiếng Anh không nên nhằm mục tiêu tìm được các thuật ngữ tiếng Việt tương đương có thể thay thế, với đầy đủ ngữ nghĩa và hàm ý triết học đằng sau. Ngay cả tiếng Hán cũng khó mà thể hiện trọn vẹn sự phát triển của những thuật ngữ đó, đơn giản vì người Trung Quốc không tạo ra chúng.

Nation trong tiếng Việt (hay đúng hơn là Hán-Việt và Hán) đều có thể được hiểu là dân tộc, quốc gia, hoặc đất nước.

Nationality thường được dịch là quốc tịch trong bối cảnh hiện nay.

Trong khi đó, **nationalism** - trong đa số trường hợp - chỉ có thể được hiểu là chủ nghĩa dân tộc.

Vì không có các học thuyết chính trị nghiên cứu thống nhất, không có thời gian để hoàn thiện chúng, cũng như thực trạng tiếng Việt lệ thuộc khá nhiều vào tiếng Hán để mô tả các khái niệm phức tạp, chúng ta gặp phải những hạn chế rất lớn trong việc hiểu đúng và hiểu đủ những khái niệm quan trọng này.

NATION: DÂN TỘC

Vào thế kỷ 17-18, thuật ngữ *nation* trong tiếng Anh chỉ được xem là một danh từ chung để chỉ nhóm.

Một gia đình, một nhóm người, một bộ tộc, v.v. bất kỳ tập hợp nào mang những đặc trưng chung nhất định đều có thể được gọi là *nation*.

Các trường đại học thời Trung cổ đã từng chia hệ thống quản trị của họ theo *nation*. Đại học Paris có bốn *nation*: *l'honorable nation de France*, *la fidèle nation de Picardie*, *la vénérable nation de Normandie*, và *la constante nation de Germanie*. Đây là cách chia những nhóm sinh viên theo khu vực địa lý và ngôn ngữ họ sử dụng. [2]

Nation de France là chỉ những người trong khu vực có gốc ngôn ngữ Romance, bao gồm cả người Pháp, Ý lẫn Tây Ban Nha. Tương tự, **nation de Picardie** là những người từ Hà Lan, **nation de Normandie** là từ khu vực Tây Bắc châu Âu, và **nation de Germanie** chỉ người từ khu vực nói tiếng Đức lẫn tiếng Anh (vốn có cùng một ngữ hệ).

Triết gia người Ý lừng danh Machiavelli từng gọi những nhóm **ghibelline** (từ chỉ nhóm chính trị ủng hộ vương quyền Ý thay vì Đức Giáo hoàng Rome) là **ghibelline nation**, còn Montesquieu thì gọi các nhóm thầy tu là **pietistic nation**. [3]

Vậy nên cần nhớ rằng khi sử dụng từ *nation*, chúng ta không nói đến một tổ chức chính trị có thẩm quyền nào nhất định. Thay vào đó, chúng ta đang đề cập đến một cộng đồng dân cư có những đặc điểm chung nhất định.

Qua một thời gian phát triển của các học thuyết liên quan đến chủ nghĩa dân tộc (**nationalism**), *nation* dần được dùng để ám chỉ một nhóm dân cư sinh sống

trên một vùng lãnh thổ nhất định với các đặc trưng văn hóa hài hòa, tiếng nói thống nhất, có lịch sử phát triển chung và tính đoàn kết cộng đồng (**communal solidarity**) hướng đến một vận mệnh chung trong tương lai. Nói cách khác, *nation* là thuật ngữ dùng để chỉ các cộng đồng văn hóa (**cultural community**).

Trong số các thuật ngữ tiếng Việt, có lẽ dân tộc là phù hợp hơn cả để mô tả những đặc trưng này.

Như vậy, khi nói về *dân tộc* Việt Nam, chúng ta đặt ra một giả định khá gây tranh cãi là toàn bộ cộng đồng dân cư này (bao gồm các sắc tộc như Kinh, Mèo, Nùng, Thái, Thượng, Chăm, Khmer, v.v.) có cùng một văn hóa, sử dụng cùng một tiếng nói và hướng đến cùng một tương lai.

Nationality vì vậy có thể hiểu, một cách chính xác, là *danh tính dân tộc*.

Nationalism, hay *chủ nghĩa dân tộc*, là một phong trào chính trị cho rằng một cộng đồng văn hóa cần được xác định tách biệt và từ đó hình thành các biên giới chính trị (**political border**). Chính trị là để bảo toàn danh tính văn hóa của dân tộc. Đi kèm theo đó là quyền dân tộc tự quyết (**self-determination**) và nguyên tắc không can thiệp (**principle of non-interference**).

Đến đây, sẽ lại có một vài khúc mắc về việc có nên dịch *nationalism* thành *chủ nghĩa quốc gia* hay không. Đây là một câu hỏi xác đáng vì nền học thuật miền Nam Việt Nam trước 1975 sử dụng cách dịch này rất nhiều, và ngày nay hai cách dịch vẫn thường được dùng song song, với cùng ý chỉ *nationalism*.

Theo người viết, việc hệ thống học thuật ở miền Nam Việt Nam một mặt thừa nhận yếu tố then chốt dân tộc trong *nationalism*, nhưng mặt khác lại lựa chọn cách dịch chủ nghĩa quốc gia, có thể đến từ nhiều yếu tố:

- Chủ nghĩa quốc gia tạo ra sự gần gũi cho hầu hết các thuật ngữ chính trị của miền Nam Việt Nam. Một số ví dụ có thể kể đến bao gồm tên gọi Quốc gia Việt Nam, Tổng hội Cảnh sát Quốc gia, hay cách gọi chính quyền Việt Nam Cộng hòa nói chung là quốc gia như người Việt theo Quốc gia/ người Việt theo Cộng sản.
- Mặt khác, chủ nghĩa quốc gia tạo ra sự tương phản nhất định đối với nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc. Theo các nhánh lý thuyết chính trị cộng sản, những khái niệm như quốc gia, biên giới, nhà nước sẽ bị triệt tiêu trong tương lai. Theo họ, khi những mâu thuẫn giai cấp được giải quyết, sự tồn tại của các định chế nói trên đều trở thành thừa thãi.

Giới nghiên cứu miền Nam Việt Nam nhấn mạnh khái niệm quốc gia, và sự độc lập của định chế quốc gia khỏi những xung đột giai cấp, một phần có lẽ muốn làm nổi bật tính bất khả thi trong những diễn ngôn của chủ nghĩa cộng sản với một tương lai phi tổ quốc, phi nhà nước, phi biên giới.

Dù vậy, cho đến ngày nay, chủ nghĩa dân tộc có lẽ vẫn là thuật ngữ rõ ràng và dễ hiểu nhất cho khán thính giả đại chúng.

Chủ nghĩa dân tộc và các phong trào dân tộc (**nationalist movement**) là cơ sở dẫn chúng ta đến thuật ngữ tiếp theo: **state**.

STATE, NATION-STATE, SOVEREIGN STATE: QUỐC GIA

Mục tiêu cuối cùng của mọi phong trào dân tộc là tạo ra *state* của riêng họ. Hiểu một cách đơn giản nhất, *state* không còn là một cộng đồng văn hóa, mà là một cộng đồng chính trị với một biên giới được phân

định rõ ràng, có một cơ quan chính trị đại diện chung cho dân cư, với hệ thống pháp luật thống nhất và quyền lực thống nhất.

Trong thời kỳ đầu của pháp luật quốc tế, **nation-state** là thuật ngữ phổ biến bởi nó gắn liền giữa dân tộc với *state*, tức cũng là nền tảng và động lực hình thành ban đầu của *state* mà chúng ta đã nói ở trên. Tuy nhiên, trào lưu di cư dẫn đến sự xuất hiện của các dân tộc, sắc tộc khác trên lãnh thổ của một *state*.

Sovereign state, mà trong đó **sovereign** mang nghĩa chủ quyền, là một cách gọi nhấn mạnh đến nguyên tắc chủ quyền của hệ thống pháp luật quốc tế hiện đại. Nó bao gồm các yếu tố quan trọng như thẩm quyền tối cao của cơ quan chính trị đại diện trên một vùng lãnh thổ xác định; cũng như quyền bình đẳng của quốc gia trong các mối quan hệ quốc tế.

Vấn đề ở chỗ, thuật ngữ *state* tại Việt Nam đang được dịch một cách khá loạn xạ là *nhà nước lẫn quốc gia*, thậm chí là *chính quyền*. Vậy dùng thuật ngữ nào thì phù hợp hơn?

Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần lưu ý một điểm là *state* vẫn được dùng nhằm mô tả một *cộng đồng chính trị*. Vì vậy, sự tồn tại của *state* không lệ thuộc vào sự tồn tại của thể chế chính trị và cơ quan chính trị đại diện nó. Theo nghĩa này, *quốc gia* là ứng cử viên phù hợp hơn cả.

Ví dụ rõ ràng nhất chính là cách gọi quốc gia Somalia, hay **state of Somalia**. Somalia hiện nay không có một cơ quan chính trị thống nhất đại diện cho toàn thể dân cư của mình, và thường được gọi là **failed state**, có thể dịch là quốc gia lụn bại, vì nội chiến triền miên.

Tuy nhiên, ngay cả khi không có cơ quan nào đại diện được cho dân cư của một lãnh thổ, một dân tộc, Somalia vẫn là một quốc gia tồn tại hợp pháp và được bảo vệ trong pháp luật quốc tế. Không quốc gia

Ảnh minh họa: shutterstock.com.



nào khác trên thế giới được quyền viện cớ Somalia không có cơ quan chính trị đại diện để xâm lấn, chiếm đất hay tiếp quản quốc gia này.

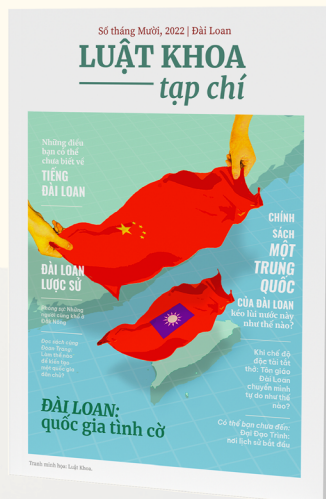
Nói cách khác, nguyên tắc độc lập, nguyên tắc chủ quyền, nguyên tắc toàn vẹn lãnh thổ của *state* – quốc gia, hay nói đúng hơn là của cộng đồng chính trị sinh sống trên vùng lãnh thổ đó, hoàn toàn độc lập với chính thể chính trị đang trực tiếp quản lý quốc gia này.

Điều này đồng nghĩa với việc khi bạn dùng thuật ngữ quốc gia Việt Nam (hay **state of Vietnam**), bạn đang muốn ám chỉ đến toàn bộ cộng đồng chính trị đang sinh sống trên vùng lãnh thổ thuộc Đông Nam Á liên sát biển Đông, chứ không liên quan gì đến chế độ chính trị hay mô hình chính thể quản lý nó. □

Sạp báo LUẬT KHÓA

Nơi bày bán các ấn phẩm của
Luật Khoa tạp chí

Báo tháng Mười, 2022 | \$5



Báo Tết 2022 | \$0



Báo tháng Tư, 2022 | \$5



Báo tháng Chín, 2022 | \$5



store.luatkhoa.com

MUA NGAY

Địa chỉ hỗ trợ bạn đọc: store@mail.luatkhoa.org

PHÓNG SỰ

Những người cùng khổ² ở Đắk Nông

*Khi ước mơ
thoát nghèo lại
dẫn đến chốn
song sắt và
xà lim tử tù.*

Trần Phương

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.org ngày 10/10/2019.
Có sửa đổi so với bản đăng lần đầu.

Tranh minh họa: Luật Khoa.



LỜI TÒA SOẠN

Ngày 16/9/2022, tức là hơn một ngàn ngày sau khi Luật Khoa đăng phóng sự này, tử tù Đặng Văn Hiến nhận được quyết định ân giảm án tử hình xuống chung thân, do Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc ký ngày 31/8/2022.

Chúng tôi đăng lại phóng sự này trong số báo tháng Mười, 2022 để độc giả tò mò tường sự việc. Tháng Mười cũng là tròn sáu năm kể từ khi vụ án xảy ra.

Thuở xa xưa, không ai để ý đến vùng Tây Nguyên xa xôi, một vùng đất chưa có nhiều người biết đến, vốn nuôi nấng những bộ tộc ít người.

Ngày đó, ở Tây Nguyên, rừng rậm là bá chủ. Rừng bao bọc lấy tất cả. Rồi người Pháp đến để khai mở vùng đất rậm rạp này. Người Kinh chỉ mới đặt chân đến chốn hoang vu này trong những năm chiến tranh khói lửa.

Tây Nguyên mở rộng vòng tay với tất cả những ai chịu được cái buồn muôn thuở. Đâu đâu cũng là rừng, mùa nào cũng buồn như mùa nào, yên tĩnh và trầm lắng. Dân di cư mới đến vì chưa quen nên sợ hãi, co cụm vào một chỗ.

Nhưng đó là chuyện của ngày xưa, ngày người Kinh còn xa lạ với khí hậu khắc nghiệt của rừng rậm. Tây Nguyên bây giờ thoáng đãng hơn, tiện nghi hơn bởi vị bá chủ đã bị chặt hạ trong những đợt xâm lăng vô cùng tận. Sau mỗi chiến thắng, đội quân tham lam đó lại xâu xé lẫn nhau.

Đặng Văn Hiến cũng là di dân nhưng anh không ghi danh vào đội quân đó. Anh đến với Tây Nguyên trên đôi chân trần, khuôn trên vai một ước mơ nhỏ bé nhưng cháy bỏng. Không chỉ anh, những người đồng hương của anh cũng thế. Nghèo đói buộc họ tìm đến Tây Nguyên.

Làn sóng di dân

Đầu những năm 1990, những tộc người ở phía Bắc di cư vào Nam đã tạo thành một làn sóng di dân khổng lồ. Họ nghèo quá rồi, không còn đủ đất đai để trồng trọt nữa. Mà họ chỉ biết mỗi cái nghề đấy.

Lời đồn thổi về một mảnh đất rộng lớn ở miền Nam được truyền miệng nhau, nơi mà họ vẫn có thể sống bằng bàn năng làm nông và sự am hiểu núi rừng của mình. Tây Nguyên nghệt thở đón nhận những dòng người di cư nối tiếp nhau đi tìm đời sống mới.



Khi đó, ở một vùng quê nghèo của Lạng Sơn, gia đình Đặng Văn Hiến, người dân tộc Nùng, vẫn có thể chống chọi với cái đói và cái rét. Họ mới chỉ có một đứa con gái. Họ cũng có một căn nhà riêng và biết sống chật chiu.

Nhưng cuộc sống tằn tiện đắp đổi qua ngày kéo dài không lâu. Hiến cũng đến chỗ này chỗ kia trong tình để làm thuê nhưng đều thất bại. Có cố gắng nhiều đến đâu ở mảnh đất này thì cái nghèo vẫn bám anh như đĩa đói bám chân.

Mang mơ ước vào Nam

Cuối cùng, lời đồn thổi và động viên của bạn bè đã thuyết phục được anh thử vận may một lần, đúng hơn là nghèo đói không cho anh cái quyền được chần chừ. Anh sẽ theo bạn bè vào Tây Nguyên một chuyến. Nhưng anh đã tính trước, rằng đất ở trong đấy rẻ, lại dễ trồng trọt, anh sẽ chỉ cần đi làm thuê một thời gian thôi.

Anh sẽ ăn uống dè sẻn, sẽ tích góp đủ tiền để mua một mảnh đất nhỏ. Rồi anh sẽ cất nhà trên đó, sẽ đón vợ con vào đoàn tụ. Anh sẽ cất nhà gỗ cho rẻ tiền. Lúc nào dư dả, anh sẽ xây nhà bê tông. Điều và cà phê thì chỉ cần trồng một vài năm rồi cứ thế mà thu hoạch. Vợ sẽ nhặt những trái điều căng tròn còn anh sẽ tước những hạt cà phê chín mọng. Tất cả sẽ do chính tay anh vun trồng. Nếu không thích, anh sẽ nhổ chúng đi rồi trồng những cây khác. Anh không phải làm công cho ai cả.

Đầu những năm 2000, khi Hiến vào Nam đã được một thời gian và biết rõ những vùng Bình Phước, Đắk Lắk và Đắk Nông

ngày nay, anh đón vợ vào rồi cùng đi làm thuê. Dẫu sao đủ vợ đủ chồng sẽ đồng lòng hơn, ước mơ sẽ đến sớm hơn khi hai người cùng nhau tích góp.

Năm đó, ước mơ của hai vợ chồng Hiến đến theo một cách khác. Họ lấy tiền dành dụm được để thuê đất rẫy của người quen với giá rẻ. Dẫu chỉ là đất thuê nhưng vẫn có chút cảm giác thuộc về mình.

Với bàn tay cần cù của cả hai, những vườn rau mơn mơn của mùa trồng trọt đầu tiên đã nảy nở. Nhưng đúng lúc đó, trời dội liên mấy cơn mưa tầm tã, rả rích mấy ngày trời. Những luống rau cũng phải đầu hàng trước số phận. Hết vốn nhưng không chán nản, Hiến và vợ lại lặn lội làm thuê khắp vùng đất mà anh nghĩ sẽ có cơ may đổi đời này. Làm gì cũng được, từ tước cà phê, dọn vườn điều, nhặt điều, phơi sắn, v.v. miễn họ có tiền cho ước mơ của mình.

Mảnh vườn của Hiến

Năm 2005, ước mơ của anh đã hiện ra ngay trước mắt. Tội nghĩ anh đã cố hết sức để tìm ra mảnh vườn của mình sớm nhất có thể. Mảnh vườn này nằm sâu hun hút sau mấy dãy núi, cách thị trấn Gia Nghĩa (Đắk Nông) đến 90 cây số.

Quốc lộ 14 thẳng tắp dẫn đến thị trấn Gia Nghĩa thì không có gì để nói. Nhưng từ ngã ba Đông Dương thì bạn phải đi trên

một con đường đất đỏ kỳ dị. Không phải ai cũng đủ kiên nhẫn và kỹ năng chạy xe máy để đi trên những cung đường thảm hại như thế này. Du khách cũng đã ngã từ con đường này, từ ngã thác Đắk G'lun mờ ảo. Mùa mưa, hai bánh của xe máy phải gần xích thì mới hy vọng vượt qua được con đường khốn khổ này. Mùa nắng cũng không thể chạy nhanh vì lòng đường mấp mô, mấp mô đất cùng với đá như những gai nhọn hắt cả bánh xe tung lên không trung.

Hai bên đường, đồi núi đã “xuống tóc” thành những ngọn đồi trọc, dấu hiệu chiến thắng của đội quân xâm lăng.

Mảnh vườn của Hiến nằm ở phía bên kia con suối, sau khi qua một làng nhỏ của những người Mông di cư từ miền Bắc. Ở đầu con suối này là nhà của đội trưởng Sắc, quản lý đồn công an của Tiểu khu 1535. Vì vậy, ai ra vào khu vực này anh ta đều nắm rõ như lòng bàn tay.

Có lẽ phải vào tận cùng những nơi xa xôi như vậy mới có chỗ cho ước mơ của Hiến. Kể cả cái thị trấn Gia Nghĩa bé nhỏ hay khu vực dọc theo Quốc lộ 14 lộ rõ vẻ đìu hiu cũng đã khước từ anh. Anh thuê đất ở đây để trồng khoai mì rồi mua lại từ người chủ đã quá chán ngán với cảnh núi rừng nơi này. Hiến mượn của bố ruột 24 triệu đồng cộng với tiền dành dụm để mua cho kịp lúc ông chủ muốn bán nó đi. Mảnh vườn này trở thành gia tài của anh kể từ ngày đó.

Tiểu khu những ngày không yên ả

Ở một vùng sâu hun hút như vậy nhưng Tiểu khu 1535 chưa bao giờ là một vùng đất yên ả. Đồn công an bận rộn suốt với những vụ đánh đấm trong vùng. Chốc chốc tôi lại thấy đội trưởng Sắc gọi lính của anh thay sắc phục rồi cưỡi xe máy chạy mất hút sau mấy quả đồi. Những bữa

cơm của họ thường không thể kéo dài đến bát cuối cùng.

Đồn công an nằm trên một đỉnh đồi khá cao, cách con suối khoảng bảy, tám cây số. Đường lên đó khó gấp đôi con đường từ ngã ba Đông Dương rẽ vào. Trại khá rộng, phía trước là một khoảng sân thoáng dang ngó ra những ngọn đồi trọc đang đợi những cây điều vươn cao. Mấy chiếc xe máy, một bàn ăn cơm, vài chiếc võng dù trang trí cho khoảng sân này. Bên trong nhà có một lối đi ở giữa, hai bên là nơi ngủ của công an được đóng bằng ván cao khoảng một mét, bên dưới là nơi để đồ dùng.

Chuyện đánh đấm chủ yếu xảy ra giữa những người nghèo khổ đang thực hiện ước mơ và đội quân xâm lăng là các công ty trồng trọt được chính quyền cho thuê đất. Một chuyện không mới ở Tây Nguyên khi chính quyền giao đất cho doanh nghiệp bằng cách vẽ lên bản đồ hoặc chỉ tay về phía những quả đồi. Các công ty được cho thuê đất không biết hoặc giả vờ không biết đã có những di dân nghèo khổ đang canh tác ở những nơi đó. Nông dân không có giấy tờ sử dụng đất, họ mua lại hoặc tự phát hoang ở những mảnh rừng mà họ nghĩ là vô chủ.



Rồi những công ty trồng trọt từ trên trời rơi xuống này, cầm sẵn giấy tờ thuê đất đến giành giật ngôi vườn của họ, cũng bởi vì trồng trọt ở những vùng đất này quá béo bở. Bằng một cách nào đó, các công ty dễ dàng có được những khu đất màu mỡ; giá nhân công lại rẻ mà còn dễ dãi khi không đòi hợp đồng lao động; giá điều và cà phê cũng thường ổn định. Vì vậy mà họ bất chấp luật pháp cho công nhân của họ đánh đấm với những người nông dân để giành nhau từng tấc đất.

Năm 2008, những cây điều và cà phê đầu tiên của Hiến trồng đã được ba năm tuổi. Mảnh đất của anh đã trở thành một ngôi vườn trông cũng đẹp mắt, có thể dựa vào đó mà sống. Cũng trong năm đó, công ty Long Sơn vừa được chính quyền tỉnh cấp đất. Ngay lập tức, họ phát hiện ra những nơi trên giấy tờ thuộc về họ đã có người trồng trọt. Họ đưa công nhân cầm gậy gộc, máy xúc đến húc đổ vườn điều của Hiến và nhiều hộ dân trong vùng.

Lúc này, Hiến có lẽ đã học được cách trở nên mạnh mẽ hơn mỗi ngày. Mảnh vườn của anh nom lúc nào cũng có cảm giác là đang có người rình rập để phá hoại. Anh

Ngôi nhà mơ ước của Đặng Văn Hiến với vườn điều và cà phê bao quanh. Ảnh: Gia đình cung cấp.



không thể đánh mất ước mơ của mình dễ dàng như vậy. Anh đã đi một đoạn đường dài từ Lạng Sơn tới Đắk Nông, rồi cần cù làm việc để có được mảnh vườn này. Đó là tất cả gia tài của anh.

Chính quyền cũng không có cách nào khả dĩ để giải quyết. Chuyện đánh đấm vì thế mà xảy ra trong nhiều năm, nhiều nông dân bị đánh gãy chân gãy tay, chấn thương sọ não phải nhập viện, bị bắt đi tù vì gây rối trật tự, thỉnh thoảng còn có tiếng súng nổ. Một vùng đất đầy ước mơ đã trở thành một vùng đất dữ.

Những công nhân người Stiêng

Đầu tháng Mười năm 2016, chiếc xe bán tải của công ty Long Sơn đổ xích trước một con đường nhỏ đầy đất đỏ dẫn vào một ngôi làng của người Stiêng. Chỗ này cách thị trấn Đồng Xoài sầm uất khoảng mười cây số.

Tổ tiên của người Stiêng là những thợ săn oai hùng. Họ đã truyền lại cho hậu duệ của mình một thân hình cường tráng. Nhưng thật ra nó lại không hữu dụng lắm trong xã hội chuộng sự lọc lõi của người Kinh. Cố gắng lắm họ mới có những bữa cơm no bụng. Họ sống trong những ngôi nhà tình thương, đi nhặt điều, làm thợ hồ, bất kỳ chuyện gì cần cơ bắp và sự cần cù.

Chiều hôm đó, Điều Thành, Điều An và Điều Vinh, ai cũng to lớn vạm vỡ, cùng leo lên chiếc xe bán tải của công ty Long Sơn lên Tiểu khu 1535.

Vợ của Điều Thành sắp đẻ đứa con đầu lòng, anh phải kiếm một ít tiền. Điều An và Điều Vinh là hai anh em họ, cũng muốn có một công việc cố định để tránh đám choai choai vô công rồi nghề trong xóm lời kéo.

Từ nay, họ sẽ có việc làm cố định. Vinh sẽ có tiền gửi về cho người mẹ đang ốm

yếu, người cha không có việc làm, và một ít tiền để em gái cậu có thể học hết lớp 9.

Và lại, họ là những người hàng xóm, có họ hàng với nhau, lại cùng sắc tộc nên không ai dám đụng đến họ, biết đâu sẽ còn vui nữa. Năm đó, Vinh mới 16 tuổi.

Chiếc bán tải nổ máy rồi vòng qua một xóm khác để đón Điều Tào, một người cha có bốn đứa con.

Với mức lương hứa hẹn hơn bốn triệu đồng một tháng và bao ăn, tất cả đều thấy đường đến tương lai của mình như được rút ngắn dần khi chiếc bán tải tăng tốc trên xa lộ.

Buổi sáng tang thương

Tuần cuối của tháng Mười năm 2016, mưa như trút nước xuống Tiểu khu 1535 đã hơn ba tháng nay. Con suối đã dâng đầy nước, chiếc bè dùng dây để kéo được mang ra sử dụng. Đất nhão ra, dính vào gót giày thành từng mảng lớn. Nước của sinh lầy bắn lên áo quần của người đi rầy ít nhất phải lên đến đầu gối. Chẳng ai buồn rửa xe máy vì rồi chúng sẽ lại lấm lem vào ngày hôm sau.

Lúc này, vợ chồng Hiến đã có thêm một con trai hai tuổi. Mấy năm trước, con gái đầu của họ là Nhung đã học hết phổ thông ở Bình Phước. Bấy giờ, Nhung đã vào quận Thủ Đức của Sài Gòn để học may ở một chỗ của người quen.

Công ty Long Sơn có thêm nhân công nên chiến đấu ngày càng hăng hơn. Họ đã đầu tư vào vùng này nên muốn lãi càng nhiều càng tốt. Họ không muốn bồi thường cho người dân vì họ đã có bằng chứng hiệu quả nhất là giấy tờ thuê đất do tỉnh cấp. Người dân mới thực sự là người phải trả lại đất cho họ.

Những công nhân người Stiêng ngỡ ngàng với công việc đầy bạo lực ở đây.

Họ không chỉ làm nông nặng nhọc mà còn kiêm luôn cả cái công việc đánh đập nguy hiểm.

Thành, Vinh, An và Tào bằng cách nào đó đã tạo ra mối thâm thù ảo với những người nông dân ở đây. Chỉ có cách đó họ mới đóng được trọn vẹn vai ác mà công ty đã giao cho họ. Họ muốn trở về nhà lắm chứ, để còn đi tìm một tương lai khác. Họ biết thế nào rồi cũng sẽ gặp rắc rối ở đây. Nhưng họ phải lĩnh thág lương đầu tiên đã, bỏ về lúc này thì chỉ có đi bộ về nhà với một cái bụng đói.

Ba giờ sáng ngày 23 tháng Mười năm 2016, khi cơn mưa đêm còn chưa dứt, ông Thiện – người quản lý của công ty Long Sơn – dựng tất cả các công nhân dậy để chuẩn bị máy móc, vũ khí lên đường lấy lại đất. Tờ mờ sáng, khoảng 30 người của công ty Long Sơn tiến đến nhà Hiến khi cả nhà anh còn đang ngủ. Họ đã đặt sẵn máy ủi ngay trước khu vườn của anh. Những cây điều và cà phê trong vườn anh đã trưởng thành và cho trái đều đặn hằng năm. Công ty Long Sơn cho một tốp người khác mai phục sẵn trước cửa nhà. Tiếng chó sủa inh ỏi khiến anh linh cảm rằng rắc rối lại đến.

Hiến có một khẩu súng tự chế dùng để săn chồn từ năm 2011. Khẩu súng này giúp anh chống lại nhóm người hùng hổ của công ty Long Sơn. Không có nó, anh chỉ còn biết đứng nhìn ước mơ của mình nát tan trước chiếc máy xúc. Thật khó có thể biết chính xác về điều người đàn ông có thể làm khi gia đình họ gặp nguy hiểm.

Điều An nhìn làn đạn từ trên gác nhà Hiến bay loạn xạ trong không trung đi thẳng đến nhóm công nhân đứng trong vườn và xung quanh nhà Hiến. Không ai nghĩ Hiến sẽ nổ súng như vậy.

Một viên đạn xuyên qua tấm khiên, đâm thủng nón bảo hiểm và găm thẳng vào lớp sọ đầu của Điều An. Những công nhân còn lại chạy tán loạn. Điều Thành bị làn đạn làm hư hoàn toàn mắt bên phải. Điều

Tào và Điều Vinh bị thương nặng rồi chết tại chỗ. Và một người khác cũng phải bỏ mạng là Dương Văn Tiến, một người thanh niên 26 tuổi quê Ninh Thuận. Tiến đã làm cho công ty Long Sơn được hai năm. Đáng lẽ, nếu Tiến ở lại nhà sau đám tang của em trai mình vào tuần trước đó thì có thể anh đã giữ được mạng sống.



(ảnh trên) Điều Thành bị hư mắt phải, bế con trai tại nhà, ảnh chụp tháng 3/2018. Ảnh: Luật Khoa tạp chí.



(ảnh dưới bên trái) Bố mẹ và em gái của Vinh, Điều Thị Chính, 14 tuổi, tại căn nhà của mình ở xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Ảnh: Luật Khoa tạp chí.

(ảnh dưới bên phải) Hiện trường máy ủi phá vườn điều nhà ông Hiến vào ngày 26/10/2016. Ảnh: Luật sư Nguyễn Văn Quỳnh.



Buổi sáng hôm đó, bên cạnh Hiến còn có Hà Văn Trường là em họ bên vợ đến chơi nhà anh đã hơn một tháng. Trường có đưa đạn cho Hiến lắp vào súng. Anh Ninh Viết Bình, nhà ở gần đó, rất thân với nhà Hiến cũng mang súng chạy đến và bắn hai phát vào nhóm công nhân.

Ở Tiểu khu 1535, người ta chỉ dựng đồn công an chứ không xây trạm y tế. Những người bị bắn kéo nhau chạy khỏi nhà Hiến, chờ đợi mòn mỏi để được chuyển đến bệnh viện.

Sáng hôm đó, tiếng súng phát ra từ khu rẫy của Hiến nhưng không đến được đầu con suối. Phải mất một lúc, ông Long – nhà liền kề với nhà đội trưởng Sắc – mới hay tin. Mất khoảng một tiếng đồng hồ, ông Long mới lái được chiếc xe chở củi bằng đầu kéo máy cày đến chỗ những người bị bắn đang ngất ngỏi. Cũng phải mất ít nhất chừng ấy thời gian để đưa họ đến đầu con suối. Từ đó, họ mới được đưa đến bệnh viện trên con đường lầy lội của ngã ba Đông Dương.

Phải chăng tiếng súng của Hiến không ác độc đến nỗi tước đoạt mạng sống của

những công nhân ngay lập tức mà họ đã chết vì thời gian di chuyển đến bệnh viện quá lâu?

Có những chuyện chỉ cần xảy ra chậm hay sớm hơn một chút thì tương lai đã có một số phận mới. Đôi lúc, những người nghèo khổ luôn cảm thấy họ làm gì cũng sai và bị trừng phạt.

Trưa hôm đó, khi những hạt mưa còn lất phất trong không trung, cảnh tang thương biến mất, trả tiểu khu về với cái buồn muôn thuở. Hiến và Trường, người thấp, kẻ cao, khoác áo mưa đi không ngoảnh lại.

Hà Văn Trường

Trường là em họ bên vợ của Hiến, cùng quê ở Lạng Sơn. Anh cao, gầy, gương mặt góc cạnh, rõ những đường nét của một người đàn ông quá vất vả. Nhà nghèo, cha mẹ đã già và đứa con mới hai tuổi, Trường vào thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân cho một xưởng nấu sắt.

Tháng Chín năm 2016, lò nấu sắt nổ bungбет thành từng mảnh, Trường xem chết tại đó. Anh nghĩ việc rồi rong ruổi lên nhà Hiến ở chơi ngót ngét đã hơn một tháng. Nói là ở chơi nhưng có lẽ anh không còn chỗ nào để đi.

Chỉ đưa bằng đạn cho Hiến nhưng anh không tránh khỏi tội danh giết người với 12 năm tù giam, giảm xuống còn chín năm tù sau khi xét xử phúc thẩm.

Cho đến lúc mãn hạn tù, Trường chỉ mới 40 tuổi, anh vẫn có thể xây dựng lại cuộc đời. Nhưng vấn đề là giờ anh không biết mình còn giữ được mạng sống cho đến ngày mãn hạn tù hay không.

Những cơn đau đầu khủng khiếp đến với Trường sau ngày anh bị bắt. Trước đó, anh là một người hoàn toàn khỏe mạnh.

Không biết công an giam anh thế nào nhưng tháng Tư năm 2019, Trường nhập viện ở Bệnh viện Đồng Xoài lần thứ hai rồi chuyển gấp lên Bệnh viện Đa khoa Chợ Rẫy để mổ vì xuất huyết não. Lúc em trai của anh gọi điện cho tôi, chân anh vẫn bị còng vào chiếc giường sắt của bệnh viện trong tình trạng hoàn toàn mê man. Vợ của Trường chưa bao giờ đến thăm anh. Chị mang đứa con trai hai tuổi bỏ về nhà bố mẹ khi anh bị bắt. Bố của Trường mất hồi tháng Chín sau một cơn bạo bệnh. Người mẹ già thì đang nằm bệnh viện vì u phổi.

Ninh Viết Bình

Ninh Viết Bình rời bỏ quê nhà ở Thái Nguyên sau khi bố mẹ từ chối cho anh kết hôn với một người phụ nữ. Bằng một cách nào đó, anh vẫn đăng ký kết hôn và có một đứa con với cô ấy.

Nhưng cuộc hôn nhân không chính thức không đi được đến đâu. Anh bỏ vào Tiểu khu 1535 rồi dựng nhà và sống một mình

ở đó, cách nhà Hiến khoảng một cây số. Hiến và Trường quen nhau như những người tha phương cầu thực và co cụm lại để bảo vệ mình trước những công ty hung hăng ở đây.

Khi Bình bị bắt, cha của anh đã vào tiểu khu để thay anh chăm sóc vườn điều và cà phê. Nhưng gần đây, ông không thể chăm sóc được nữa vì sức khỏe lao dốc nên lại trở về Thái Nguyên. Ninh Viết Bình còn chịu thêm 15 năm tù giam nữa mới được trở về nhà. Lúc đó, anh sẽ ở vào tuổi 53.



Mai Thị Khuyên cùng con trai Đặng Bảo Nam tại nhà ở tiểu khu 1535. Ảnh: Gia đình cung cấp.

Mai Thị Khuyên – vợ của Hiến

Trở thành vợ của một tử tù sau phiên tòa sơ thẩm vào đầu năm 2018, chị vẫn tin chồng mình xứng đáng được ân xá vì trong lòng chị, anh Hiến là một người hùng.

Từ ngày chồng bị bắt, chị Khuyên ngược xuôi trên những chuyến xe đò Bắc-Nam, vất vả với chứng say xe nặng. Khi thì chị về Bắc để lo cho bố mẹ chồng, chăm sóc đứa con trai giờ đã năm tuổi đi học mẫu giáo. Khi thì chị về lại Đắk Nông để thăm anh Hiến và coi sóc vườn tược. Khi thì chị chạy tiền từ nhiều nơi để bồi thường dân cho các gia đình nạn nhân.

Chị Khuyên không thể làm công việc làm vườn như chồng vì lâu lâu chị lại bị mệt nặng do hở van tim. Gần đây, chị đưa cho tôi xem một giấy xét nghiệm về khối u ở

vú. May mắn thay, đó không phải là một khối u ác tính.

Bản án tử hình của anh Hiến đã khiến chị vượt xa ra khỏi cuộc sống trước kia. Trước đó, chị là vợ của một nông dân bình dị, có một khu vườn nhỏ, có những đứa con thơ và chỉ lo việc bếp núc trong nhà. Nhưng từ ngày chồng gặp nạn, chị biết dùng mạng xã hội, chị trả lời phỏng vấn báo chí, chị gặp đại diện của các đại sứ quán, v.v.

Đặng Thị Nhung – con gái của Hiến

Suốt mấy tháng đầu năm nay [2019], Nhung ở nhà một mình. Khi bầu trời sập tối, tiếng côn trùng thi nhau râm ran trong những bụi cây, Nhung đóng cửa ở một mình trong căn nhà ván gỗ có mấy chỗ đã hư hỏng vì mối mọt.

Trước nhà có một cái sào nước nhỏ để rửa chén và giặt giũ. Nơi tắm rửa cũng nằm ở phía trước nhà, cạnh sào nước, kế đến là nhà bếp. Khi trời mới hừng đông, Nhung thức dậy để chuẩn bị nông cụ làm vườn.

Khi bố Nhung bị bắt, gia đình đã mất đi người đàn ông duy nhất. Công việc làm vườn giao lại cho chính cô con gái 20 tuổi chưa một lần đụng tay vào cán cuốc. Đáng lẽ, Nhung sẽ được đi Nhật Bản để làm việc như lời hứa của bố. Ước mơ của bố nhưng cũng là niềm mong ước của Nhung.

Nhung kể với tôi rằng, trước khi bố bị bắt, cô đã chán ngán cái tiểu khu xa xôi, hẻo lánh này, mùa nào đi lại cũng cực nhọc và còn đầy nguy hiểm nữa với những tay du côn do các công ty thuê mướn này. Cũng vì mong ước đó mà cô đi học nghề may sau khi tốt nghiệp phổ thông.

Nhung có trách bố cô trong những ngày đầu ông bị bắt. Nhưng bây giờ đã khác, Nhung thương mến cái tiểu khu này hơn, cô biết bố đã cực nhọc như thế nào với gốc điều và cà phê xung quanh nhà.

Ba tháng trước, Nhung đưa tôi xem lá thư mà cô gửi bố, trong đó có đoạn viết: “Bố à, bố là một người rất dũng cảm, hy sinh vì mọi thứ. Bố chấp nhận đánh đổi tất cả để gia đình có được cuộc sống tốt hơn. Con cũng đã mạnh mẽ hơn, đôi chân bé nhỏ của con đã vững vàng hơn. Con sẽ làm tròn trách nhiệm của một người con, một



Vợ và con của Hiến chụp cùng hệ em của anh. Chị Mai Thị Huyền bế con trai 5 tuổi, Đặng Thị Nhung (áo xanh, hàng thứ hai), ông Đặng Văn Lợi – cha của Hiến (ngoài cùng, bên phải). Ảnh: Thịnh Nguyễn.

người chị mạnh mẽ để vượt qua tất cả khó khăn. Bố đã mang tới cho con biết bao là nỗi nhớ, biết bao là tủi hờn nhưng chính vì điều đó đã giúp con khôn lớn, nghị lực và kiên cường hơn trong cuộc sống.”

Đặng Văn Lợi – cha của Hiến

Đầu những năm 1970, khi quân đội Mỹ triển khai những chiến dịch ném bom ác liệt cuối cùng của họ bằng máy bay B-52 xuống những vùng quê nghèo ở Lạng Sơn, ông Đặng Văn Lợi thu mình trong những căn hầm nhỏ để tải đạn cho bộ đội. Vì gia đình chỉ có hai anh em nên nhà nước để ông làm dân công hỏa tuyến còn người anh thì cầm súng chiến đấu. Cách vài tuần ông lại đi một chuyến, đào đường, tải đạn, vận chuyển lương thực cho bộ đội. Hiến được sinh ra cũng trong những năm tháng chiến tranh đó.

Hòa bình lập lại, ông Lợi được giữ chức trưởng thôn và gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam. Những năm 1990, ông làm gương cho dân làng khi khuyên Hiến vào Nam để không phải lấn chiếm đất đai như những người nghèo đói khác.

Ông Lợi có nét nghiêm khắc, cương nghị của một đảng viên cộng sản ở những vùng quê nghèo. Khi hay tin con trai cả bắn chết người, ông giận lắm. Ông nghĩ dù là con trai mình hay ai đi chăng nữa thì đều phải đền tội cho xứng đáng.

Nhưng bây giờ thì ông đã thay đổi. Sau khi vào tận Đắk Nông để kiểm chứng hết mọi việc, ông tin nếu ông là Hiến thì ông cũng sẽ làm như vậy. Người lương thiện sẽ luôn đấu tranh đến cùng cho những gì họ đã cần cù tạo ra.

Những người cùng khổ

Trên mạng xã hội, người ta hay nói về những ngôi sao, những tỷ phú, những giáo sư tài năng chứ rất hiếm khi nào nói về những người nghèo khổ. Họ chưa bao giờ là chủ đề trong quá một ngày.

Nhưng Đặng Văn Hiến đã khiến người ta nói nhiều hơn về những nông dân nghèo khó có ước mơ. Trong những dòng chia sẻ trên mạng xã hội, Hiến đại diện cho những người lao động chân chính nhưng bị đẩy vào đường cùng mà bản án tử hình là một vực thẳm có thể nuốt chửng anh bất cứ lúc nào.

Trước cái ngày Hiến cầm súng lên nổ những phát đạn long trời nhằm vào những người công nhân vốn cũng chẳng khác khảm gì hơn, anh chẳng có gì ngoài một ước mơ nhỏ nhoi và một mảnh vườn mà anh đã vất vả lắm mới có được. Anh chỉ cố gắng để bảo vệ nó mà thôi. Rồi Hà Văn Trường và Ninh Viết Bình, họ cũng chỉ như Hiến, cố gắng đến với ước mơ bằng đôi bàn tay chất phác của mình.

Tôi dám chắc có rất nhiều người hiểu được nỗi đau khổ của họ trước sự khốn cùng của luật pháp. Mỗi ngày, họ cũng phải đấu tranh như Hiến. Đó là những dân oan mất đất, những người tù húng chịu những bản án bất công, và những người nghèo làm gì cũng thấy mình sai và bị trừng phạt.

Dường như ở đất nước chúng ta, những ước mơ bình dị và thiện lương của những người sống dưới đáy xã hội, rất nhiều khi, lại đẩy con người ta đến sau chấn song sắt và xà lim tử tù. Đó không phải là một đất nước của hy vọng. Đó là một đất nước tuyệt vọng. □

Bài viết dựa trên hồ sơ vụ án Đặng Văn Hiến và tư liệu phỏng vấn các nhân vật.

THEO DÕI

Luật Khoa tạp chí
để cập nhật các
bài viết hữu ích về
Nhân quyền, Dân
chủ, Pháp quyền.

VẤN ĐỀ PHÁP LÝ
**Vụ Bù Chất: Xử phạt dựa trên
một nghị định vi hiến**
Vi trái Luật Xử lý Vi phạm Hành chính.
LUẬT SƯ BRYAN
August 26, 2022

Website luatkhoa.com hoặc luatkhoa.org
Facebook www.fb.com/luatkhoa.org
Instagram www.instagram.com/luatkhoatapchi
Youtube bit.ly/LK-Youtube
Store store.luatkhoa.com
Spotify spotify/3vcQD5x
Tiktok www.tiktok.com/@luatkhoatapchi
Telegram t.me/s/luatkhoatc

8 điều đáng chú ý về

HIẾN PHÁP 1956 CỦA VIỆT NAM CỘNG HÒA

*Chúng ta có thể học được gì từ bản
hiến pháp của nền Đệ nhất Cộng hòa?*

Võ Văn Quân

Kỷ niệm 66 năm ngày Hiến pháp 1956
của Việt Nam Cộng hòa được
ban hành, 26/10/1956.

Bài được đăng lần đầu trên
luatkhoa.org ngày 10/5/2021.

Có sửa đổi so với bản đăng lần đầu.

Bản Hiến pháp 1956 của Việt Nam
Cộng hòa được công bố vào ngày
26/10/1956.

Nguồn: nhatbaovanhoa.com.

Đồ họa: Luật Khoa.

Luật hiến pháp (hay luật nhà nước) là một trong những ngành luật quan trọng nhất đối với quá trình đào tạo pháp luật cũng như nền tảng pháp lý và lịch sử pháp lý của một quốc gia. Nó bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ cơ bản về tổ chức quyền lực nhà nước, về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, chế độ bầu cử, quyền và nghĩa vụ của công dân, về quốc tịch, v.v.

Tại Việt Nam, sinh viên và những người theo học chuyên ngành luật nhà nước thường sẽ được giới thiệu năm bản hiến pháp gồm: Hiến pháp 1946 và 1959 của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hiến pháp 1980, 1992 và 2013 của nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Tuy nhiên, vẫn còn hai bản hiến pháp quý giá mà hệ thống giáo dục Việt Nam hiện nay phủ nhận: Hiến pháp 1956 và Hiến pháp 1967 của nhà nước Việt Nam Cộng hòa (hay còn được biết đến là chính quyền miền Nam Việt Nam). Với những đặc trưng riêng biệt về hình thức chính thể, chế độ chính trị và cấu trúc nhà nước, việc tìm hiểu các bản hiến pháp của Việt Nam Cộng hòa chắc chắn sẽ có những lợi ích nhất định cho các nhà nghiên cứu pháp lý về một giai đoạn lịch sử thường bị bỏ qua của Việt Nam.

Trong bài viết này, tác giả xin được phép giới thiệu đến bạn đọc Việt Nam một số điểm thú vị trong Hiến pháp 1956 của Việt Nam Cộng hòa (bạn đọc hứng thú với bản tiếng Anh có thể xem tại đây). [1][2]

1. CỎ MÀU SẮC TÔN GIÁO

Thông tin về việc Tổng thống Ngô Đình Diệm xuất thân từ một gia đình Công giáo truyền thống không có gì mới lạ đối với bạn đọc có tìm hiểu sơ qua về Chiến tranh Việt Nam, nhưng ít ai để ý rằng ảnh hưởng của tư duy Công giáo có lẫn sâu sắc bản hiến pháp đầu tiên của nhà nước Việt Nam Cộng hòa. [3] Cụ thể, phần Mở đầu của bản Hiến pháp 1956 ghi:

“Ý thức rằng nước ta ở trên con đường giao thông và di dân Quốc-Tế, dân-tộc ta sẵn sàng tiếp nhận các trào lưu tư tưởng tiến bộ để hoàn thành sứ mạng trước Đấng Tạo-hóa và trước Nhân-loại là xây dựng một nền văn minh nhân-bản bảo-vệ và phát triển con người toàn diện.”

Khái niệm **Đấng Tạo hóa** (Almighty) dù không hẳn là mới tại Việt Nam, lại là một khái niệm được du nhập từ Công giáo trong bối cảnh văn hóa chính trị mấy ngàn năm của nước ta vẫn còn chịu ảnh hưởng của mô hình Khổng giáo.

Trong Kinh thánh, Đấng Tạo hóa được xưng tụng là Đấng Tự Hữu và Hằng Hữu, chính là Đức Chúa trời tạo nên vũ trụ, đất, nước và con người.

Bằng cách diễn giải việc tiếp nhận các trào lưu tư tưởng tiến bộ của dân tộc Việt Nam như cách để hoàn thành sứ mạng trước Đấng Tạo hóa, bản Hiến pháp 1956 thừa nhận một cách gián tiếp nghĩa vụ phụng sự Chúa, từ đó dẫn đến việc công nhận các nghĩa vụ của nhà nước như khai minh, xóa bỏ các hủ tục, tệ nạn cũng như thay đổi những truyền thống xưa cũ. Điều này lý giải được vì sao Ngô Đình Diệm có phần cương quyết, ít linh hoạt trong việc giải quyết các tệ nạn, hủ tục và nền tảng xã hội cũ tại Việt Nam, gây mất lòng khá nhiều lãnh tụ tôn giáo – chính trị và các tầng lớp bình dân khác tại miền Nam.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng màu sắc tôn giáo chỉ xuất hiện trong phần mở đầu của bản Hiến pháp. Trong những phần sau, vấn đề này không còn được nhắc đến nữa.

2. TUYÊN BỐ VÙNG LÃNH THỔ TRÊN TOÀN VIỆT NAM

Dù chính quyền miền Nam Việt Nam hầu như chưa từng phát động phong trào Bắc tiến hay “giải phóng miền Bắc” như cách mà chính phủ Bắc Việt làm, bản Hiến pháp 1956 xác định chính quyền Việt Nam Cộng hòa “*y thức rằng Hiến pháp phải thể hiện nguyện vọng của nhân dân, từ Mũi Cà-Mau đến Ai Nam-Quan*” (xem phần mở đầu).

Điều này lại được khẳng định thêm một lần nữa tại Điều 1 của Thiên Thứ Nhất, khẳng định “*Việt Nam là một nước Cộng-Hòa, Độc-Lập, Thống-Nhất với lãnh-thổ bất khả phân*”. Như vậy, có thể thấy nhà nước Việt Nam Cộng hòa cũng có mong muốn đại diện cho toàn bộ Bắc, Trung, Nam của Việt Nam. Về mặt chính trị, điều này thật ra là vô cùng cần thiết bởi chính quyền Việt Nam Cộng hòa vẫn thường xuyên sử dụng hình ảnh của các triều đại trước đó như nhà Trần, nhà Lê, huyền sử Hùng Vương, v.v. để thể hiện sự tiếp nối tính chính danh của mình.

Song, như đã nhắc đến ở trên, chính quyền này ít khi phổ biến quan điểm đưa quân lên trên vĩ tuyến 17 để giải phóng miền Bắc. Trái lại, họ thường kêu gọi người dân miền Bắc rời bỏ chủ nghĩa cộng sản để vào miền Nam sinh sống.

3. HÌNH THỨC CHÍNH THỂ CÓ GIỐNG HOA KỲ?

Nhiều học giả mặc nhiên cho rằng hình thức chính thể và cấu trúc bộ máy nhà nước của Việt Nam Cộng hòa sẽ tương tự với nhà nước Hoa Kỳ, đặc biệt khi về danh xưng, chính quyền này được xây dựng theo mô hình cộng hòa tổng thống.

Tuy nhiên, thực tế là chỉ đến bản Hiến pháp 1967 thì mô hình tổ chức bộ máy nhà nước của chính quyền miền Nam Việt Nam mới tiệm cận với mô hình của Hoa Kỳ. Còn trong bản Hiến pháp 1956, hình thức chính thể và cấu trúc tổ chức bộ máy nhà nước tương đối sáng tạo với nhiều chế định mới lạ so với các mô hình nhà nước trước đó.



Tổng thống Ngô Đình Diệm đọc diễn văn tuyên bố thành lập nước Việt Nam Cộng hòa ngày 26/10/1955. Bản hiến pháp đầu tiên ra đời đúng một năm sau đó.
Nguồn: Rufus Phillips Collection
- Vietnam Center and Archive.

4. QUỐC HỘI VÀ DÂN BIỂU ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN NGHIỆP

Không tổ chức cơ quan dân cử theo khuyến hướng nghị nguyên với Thượng viện và Hạ viện, Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa 1956 chỉ xác định một cơ quan lập pháp duy nhất là Quốc hội. Các nhà lập pháp khi đó biện luận rằng dân số và đặc điểm chính trị Việt Nam không phức tạp đến mức phải duy trì hai cơ quan trong cùng nhánh lập pháp.

Những thành viên của Quốc hội được gọi chung là dân biểu, với điều kiện là công dân Việt Nam hoặc đã hồi tịch, phục tịch, đủ 25 tuổi và có các điều kiện khác trong đạo luật tuyển cử. Dân biểu có nhiệm kỳ là ba năm và không giới hạn số lần tái cử, đồng nghĩa với việc một bộ phận dân biểu chuyên nghiệp có thể sẽ được hình thành.

Không chỉ vậy, quy định tại Điều 53, Hiến pháp 1956 cũng loại trừ khả năng dân biểu tham gia vào các hoạt động chính trị, quân sự, dân sự, hành chính khác.

Như vậy, công chức đắc cử thì phải nghỉ giả hạn (*), quân nhân đắc cử thì phải giải ngũ mới được phép tham gia vào Quốc hội Việt Nam Cộng hòa. [4] Tại Thiên Thứ Bảy bàn về chế định Hội đồng Kinh tế Quốc gia, thành viên của Hội đồng cũng không được phép đồng thời là dân biểu thuộc Quốc hội.

Khác với Quốc hội Việt Nam đương đại luôn cố gắng duy trì xu hướng kiêm nhiệm giữa đại biểu Quốc hội và các chức danh nhà nước khác, ví dụ như chủ tịch tỉnh, giáo viên hay giám đốc công an tỉnh đều có thể vừa làm công việc chuyên môn của mình vừa giữ vai trò đại biểu Quốc hội; mô hình chuyên nghiệp hóa của bản Hiến



pháp 1956 chắc chắn có những ưu điểm nhất định liên quan đến năng lực và thời gian dành cho hoạt động lập pháp của các dân biểu.

Hiện nay, các quan điểm xem xét không bắt buộc chủ tịch tỉnh hay bộ trưởng phải là đại biểu Quốc hội đang xuất hiện, phần nào chứng minh chuyên nghiệp hóa các dân biểu là xu thế lập pháp đúng đắn.

Trụ sở Quốc hội thời Đệ nhất Cộng hòa.
Nguồn: Tư liệu của Manhhai/ Flickr.



5. TỔNG THỐNG CÓ THẨM QUYỀN TAM THỜI VƯỢT KHỎI SỰ KHỐNG CHẾ CỦA QUỐC HỘI

Chế định tổng thống trong Hiến pháp 1956 của Việt Nam Cộng hòa thì khá tương tự với hầu hết các nền cộng hòa tổng thống khác. Trong đó, tổng thống sẽ là người đứng đầu nhánh hành pháp, là nguyên thủ quốc gia và là tổng tư lệnh tối cao của các lực lượng quân sự toàn quốc. Ông cũng nắm một số đặc quyền trong nhánh tư pháp như quyền ân xá tội phạm, ân giảm hoặc hoán cải hình phạt hoặc huyền án (án treo).

Tổng thống trong bản Hiến pháp này cũng sẽ có các quyền đặc biệt như đối thoại với Quốc hội thông qua các thông điệp (khá tương tự với kiểu Thông điệp Liên bang của Hoa Kỳ mà Luật Khoa từng phân tích), quyền trưng cầu dân ý (sau khi đã thỏa thuận và thống nhất với Quốc hội) tại Điều 40, hay quyền tuyên bố tình trạng khẩn cấp, báo động, giới nghiêm tại một hoặc nhiều địa phương tại Điều 44. [5]

Trong tổ chức nhà nước Hoa Kỳ, một trong những cách mà lưỡng viện (mà đặc biệt là Hạ viện) có thể can thiệp vào công việc điều hành đất nước của tổng thống là nắm hầu bao, tức là quyền thông qua các đạo luật ngân sách mỗi năm.

Tuy nhiên, trong Hiến pháp 1956, người nắm quyền tổng thống vẫn có quyền ký sắc luật ngân sách nếu Quốc hội từ chối thỏa thuận về chi tiêu công với tổng thống. Giới hạn là mỗi tam cá nguyệt (quý) tổng thống chỉ có thể chi tối đa 1/4 ngân sách dự toán cho cả năm cho đến khi Quốc hội chung quyết vấn đề liên quan đến tài chính. Điều này đồng nghĩa với việc cho dù Quốc hội

không chấp nhận nghị quyết để thông qua ngân sách của năm, tổng thống Việt Nam Cộng hòa vẫn có quyền sử dụng toàn bộ ngân sách.

Nhược điểm duy nhất của cách tiếp cận này đối với tổng thống là tổng thống phải dàn trải việc thu chi để bảo đảm mỗi quý không dùng quá 1/4 ngân sách cả năm.

Quy định này có một điểm lợi rõ ràng là tránh trường hợp bế tắc chính trị dẫn đến việc cơ quan hành pháp không thể hoạt động, khiến các dịch vụ công và các nhiệm vụ cấp bách của chính phủ bị trì trệ. Tuy nhiên, điều này cũng khiến cho

phía Quốc hội còn rất ít công cụ để kiểm soát hành vi của phía hành pháp, ngoại trừ việc ban hành các đạo luật chính thức. Đặc điểm này có thể phản ánh nhu cầu quản trị trong thời chiến.

6. QUYỀN TỰ DO CÔNG DÂN VÀ MÔ HÌNH KINH TẾ: TƯ BẢN VÀ CỘNG KHÔNG TƯ BẢN

Chính quyền Việt Nam Cộng hòa trong Hiến pháp 1956 thừa nhận tất cả các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội cơ bản; song quy cách và ngôn ngữ lập pháp có xu hướng khá giống với chính quyền Việt Nam hiện nay.

Các quyền được công nhận bao gồm quyền không bị bắt bớ, giam giữ, tù đầy trái phép; quyền không bị tra tấn hoặc bị đối xử bất nhân; quyền bảo vệ đời tư và sự riêng tư của bản thân, gia đình, nhà cửa, tài sản riêng; quyền tự do đi lại và cư ngụ; quyền làm việc và bình đẳng về tiền lương; quyền tự do tư tưởng, hội họp và lập hội; quyền tự do tín ngưỡng; quyền bầu cử. Đặc biệt nhất phải kể đến việc công nhận – bảo đảm quyền tư hữu; đồng thời với các điều khoản khuyến khích người dân sử dụng của để dành để đầu tư vào nhà ở, ruộng cày và cổ phần xí nghiệp, cùng theo đó là công nhận quyền hợp tác kinh tế tự do của công dân.

Tuy nhiên, ngoài các quyền tự do, chính phủ Việt Nam Cộng hòa thời kỳ này cũng không hẳn là một chính phủ tư bản thuần túy như cách mà bản Hiến pháp Hoa Kỳ thể hiện, thông qua cách mà họ mong muốn can thiệp vào các vấn đề xã hội.

Ví dụ như tại Điều 24, Hiến pháp xác định nghĩa vụ trong giới hạn của quốc gia đối với các nhu cầu an sinh xã hội như thất nghiệp, già yếu, bệnh tật và thiên tai.

Điều 25 quy định về vấn đề gia đình, đề ra chủ trương khuyến khích và chính sách giúp đỡ việc sinh đẻ, giáo dục. Điều 26 lại khẳng định sẽ cố gắng xây dựng “nền giáo dục cơ bản theo tích cách bắt buộc và miễn phí”; đồng thời công nhận hệ thống giáo dục tư thục.



Những người ủng hộ với biểu ngữ viết “Ngô Tổng thống muôn năm” bên ngoài Nhà hát Thành phố Sài Gòn, ngày 15 tháng 3 năm 1956 trong kỳ họp khai mạc Quốc hội Lập hiến đầu tiên của Việt Nam. Ảnh L. AP.

Nguồn: Tư liệu của Manhhai/ Flickr.

7. VẤN CÒN CHƯA CHÚ TRỌNG ĐẾN CHẾ ĐỊNH TÒA ÁN VÀ THẨM PHÁN

Trong khi chế định tổng thống và Quốc hội được dành nhiều dung lượng để bàn, hệ thống tư pháp lại lọt thỏm trong Hiến pháp 1956. Chỉ có bốn điều khoản liên quan đến chế định tư pháp và rất ít thông tin liên quan đến các mô hình và phương pháp tổ chức của hệ thống tòa án.

Bản Hiến pháp nhắc đến việc thành lập một Thượng Hội đồng Thẩm phán để trông coi và áp dụng quy chế Thẩm phán tại Điều 73, nhưng ở phía dưới, tại một thiên khác, thì nhắc đến Tòa Phá án, vốn chưa từng xuất hiện trong các điều khoản của Hiến pháp và cũng không rõ quyền hạn, vị trí trong bộ máy nhà nước ra sao.

Để tiện so sánh, Tòa Phá án (từ Việt hóa của Cour De Cassation) là tòa thượng thẩm tối cao, hay tòa giám đốc thẩm, đối với các bản án trong ngành tư pháp tại Pháp, để phân biệt với Hội đồng Nhà nước (tạm dịch từ Conseil d'État) được xem là tòa thượng thẩm tối cao đối với các bản án và quyết định hành chính. [6][7]

Tuy nhiên, không có nhiều bằng chứng cho thấy Việt Nam Cộng hòa sau bản Hiến pháp 1956 đi theo xu hướng này.

8. ĐẶC BIỆT PHÁP VIỆN VÀ VIỆN BẢO HIẾN: HAI CƠ CHẾ TƯ PHÁP ĐI TRƯỚC THỂ GIỚI

Đặc biệt Pháp viện và Viện Bảo hiến là hai cơ chế tư pháp hoàn toàn đặc biệt và được chú tâm hơn hệ thống tư pháp thông thường. Trong đó, Đặc biệt Pháp viện khác hoàn toàn với quy trình luận tội – phế truất của Hoa Kỳ; và Viện Bảo hiến thì đi trước Pháp quốc hai năm vì đến năm 1958 thì Hiến pháp hiện đại – mà Đệ Ngũ Cộng hòa Pháp đang sử dụng hiện nay – mới nhắc đến Hội đồng Bảo Hiến (Conseil constitutionnel). [8]

Đối với Đặc biệt Pháp viện, đây là một tòa án thường trực có thẩm quyền xét xử các chức danh nhà nước tối cao như tổng thống, phó tổng thống, chánh án Tòa Phá

án và chủ tịch Viện Bảo hiến đối với trường hợp can tội phản quốc và những loại trọng tội khác.

Thành viên của Đặc biệt Pháp viện gồm chánh án Tòa Phá án (hoặc chủ tịch Viện Bảo hiến trong trường hợp chánh án là bị can) ngồi vị trí chánh thẩm, 15 thành viên còn lại sẽ do Quốc hội bầu ra mỗi nhiệm kỳ. Ban Điều tra của Pháp viện thì gồm 5 thành viên cũng do Quốc hội bầu chọn. Như vậy, có thể nói chế định Đặc biệt Pháp viện là một cơ quan của nhánh lập pháp có thẩm quyền tư pháp vươn dài để kiểm soát hành vi phạm tội của các chức danh nhà nước cao cấp.

Viện Bảo hiến thì là một cơ quan tư pháp đặc thù cho các vấn đề lập pháp, mà cụ thể là họ sẽ đưa ra các phán quyết về tính hợp hiến của các đạo luật, sắc luật và quy tắc hành chính, mà nói rõ hơn là cơ quan xét xử tranh chấp lập pháp giữa tổng thống và Quốc hội; hoặc giữa các chủ thể khác trong xã hội.

Vì nguyên cơ này, thành viên của Viện Bảo hiến thể hiện sự thỏa hiệp giữa cả tổng thống và Quốc hội. Trong đó, một vị chủ tịch do tổng thống và Quốc hội cùng nhau cử; tám thành viên còn lại gồm bốn thẩm phán hoặc luật gia do tổng thống toàn quyền đề cử; và bốn dân biểu được bầu chọn ra từ Quốc hội.

Với những phân tích sơ lược trên, có thể thấy ngành luật hiến pháp của Việt Nam Cộng hòa có rất nhiều điều mà các học giả đương đại có thể nghiên cứu và phân tích thêm. Thậm chí, nếu khách quan và thận trọng xem xét, việc học hỏi và áp dụng quy định hành chính và pháp luật nhà nước của chính quyền này là hoàn toàn khả thi trong điều kiện hiện nay. □



TỦ SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA *của Luật Khoa tại Đài Bắc*

Kho báu của Luật Khoa tạp chí là đây: gần 1.000 cuốn sách tiếng Việt và tiếng Anh, chủ yếu là sách về Việt Nam học.

Trong số đó, có khoảng 250 đầu sách được xuất bản dưới thời Việt Nam Cộng hòa, nay đã ố vàng. Chúng tôi đã số hóa và in mỗi cuốn một bản sao để phục vụ công tác bảo tồn. Một phần kinh phí mua số sách này đến từ khoản đóng góp của bạn đọc.

Thư viện được đặt tại văn phòng của Luật Khoa tại khuôn viên trường Đại học Chính trị Quốc lập Đài Loan (NCCU) và hướng tới phục vụ không những Luật Khoa mà cả sinh viên, giáo sư, nghiên cứu viên ở Đài Loan quan tâm đến Việt Nam.

Trong tương lai, Luật Khoa muốn mở rộng thư viện này và ưu tiên đầu tư cho sách xuất bản dưới thời Việt Nam Cộng hòa.

Nếu muốn tặng sách hoặc hợp tác với Luật Khoa, xin liên hệ: lib@liv.ngo.

CHÚ THÍCH

LỊCH SỬ ĐÀI LOAN: CÁC MỐC THỜI GIAN CHÍNH

1. Taiwan | History, Flag, Map, Capital, Population, & Facts. (2022, September 25). Encyclopedia Britannica. Retrieved September 30, 2022, from <https://www.britannica.com/place/Taiwan>
2. BBC News. (2019, February 1). Taiwan profile - Timeline. Retrieved September 30, 2022, from <https://www.bbc.co.uk/news/world-asia-16178545>

ĐÀI LOAN LƯỢC SỬ

Phần 1: Thân phận thuộc địa

1. Jacobs, J. B. (2016). A History of Pre-Invasion Taiwan. Taiwan Historical Research 臺灣史研究, 23 (4), 1-38.
2. Horton, C. (2019, October 4). Su Beng, a Father of Taiwan Independence, Dies at 100. The New York Times. <https://www.nytimes.com/2019/10/04/world/asia/su-beng-dead.html>
3. Wan-Yao Chou, & Casey, T. B. C. P. A. T. (2021). A New Illustrated History of Taiwan (1st ed.). SMC Publishing Inc.
4. Blust, R. A. (n.d.). Austronesian languages | Origin, History, Language Map, & Facts. Encyclopedia Britannica. Retrieved May 16, 2021, from <https://www.britannica.com/topic/Austronesian-languages>
5. Papin, P. (2011). Việt Nam – Hành trình một dân tộc. Giấy Vụn Publisher.
6. Croizier, R. C. (n.d.). Zheng Chenggong | Chinese pirate. Encyclopedia Britannica. Retrieved May 15, 2021, from <https://www.britannica.com/biography/Zheng-Chenggong>
7. PING-HUI, L., & WANG, D. (Eds.). (2006). Taiwan Under Japanese Colonial Rule, 1895-1945: History, Culture, Memory. New York: Columbia University Press. doi:10.7312/liao13798
8. Wang, Y. C. (n.d.). Sun Yat-sen | Biography, Achievements, & Facts. Encyclopedia Britannica. Retrieved May 15, 2021, from <https://www.britannica.com/biography/Sun-Yat-sen>
9. Fulda, A. M. (2002). Reevaluating the Taiwanese Democracy Movement: A Comparative Analysis of Opposition Organizations under Japanese and KMT Rule. Critical Asian Studies, 34(3), 357-394. <https://doi.org/10.1080/1467271022000008938>
10. The Editors of Encyclopaedia Britannica. (n.d.-c). Meiji Restoration | Definition, History, & Facts. Encyclopedia Britannica. Retrieved May 15, 2021, from <https://www.britannica.com/event/Meiji-Restoration>
11. Taiwan – Taiwan as part of the Japanese empire. (n.d.). Encyclopedia Britannica. Retrieved September 23, 2021, from <https://www.britannica.com/place/Taiwan/Taiwan-as-part-of-the-Japanese-empire>
12. Japan – The rise of the militarists. (n.d.). Encyclopedia Britannica. Retrieved May 15, 2021, from <https://www.britannica.com/place/Japan/The-rise-of-the-militarists>
13. Kagan, R. C. (2007). Taiwan's Statesman: Lee Teng-Hui and Democracy in Asia. US Naval Institute Press.
14. The Editors of Encyclopaedia Britannica. (2021a, April 1). Chiang Kai-shek | Biography & Facts. Encyclopedia Britannica. <https://www.britannica.com/biography/Chiang-Kai-shek>

Phần 2: Quốc gia tình cờ

1. Chieu, V. (1986). The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution: The Empire of Viet-Nam (March-August 1945). The Journal of Asian Studies, 45(2), 293-328. doi:10.2307/2055845
 2. Kiernan, B. (2019). Viet Nam: A History from Earliest Times to the Present (Reprint ed.). Oxford University Press.
 3. Morris, A. D., & Gerteis, C. (2017). Japanese Taiwan: Colonial Rule and its Contested Legacy (SOAS Studies in Modern and Contemporary Japan) (Reprint ed.). Bloomsbury Academic.
 4. Shih, C., & Chen, M. (2010). TAIWANESE IDENTITY AND THE MEMORIES OF 2-28: A CASE FOR POLITICAL RECONCILIATION. Asian Perspective, 34(4), 85-113. Retrieved May 15, 2021, from <http://www.jstor.org/stable/42704735>
 5. Harrison, M. (2017, July 17). The end of martial law: An important anniversary for Taiwan. Lowy Institute. <https://www.loyyinstitute.org/the-interpreter/end-martial-law-important-anniversary-taiwan>
 6. A City of Sadness (1989). (n.d.). IMDb. Retrieved May 15, 2021, from <https://www.imdb.com/title/tt0096908/>
 7. Lin, H. (2016). Accidental state: Chiang Kai-shek, the United States, and the making of Taiwan.
 8. Balázs Szalontai; The "Sole Legal Government of Vietnam": The Bao Dai Factor and Soviet Attitudes toward Vietnam, 1947-1950. Journal of Cold War Studies 2018; 20 (3): 3-56. doi: <https://doi.org/10.1162/jcws.a.00813>
 9. The Irish Times. (2001, October 6). US-backed president before the collapse of Saigon. <https://www.irishtimes.com/news/us-backed-president-before-the-collapse-of-saigon-1.330821>
- ### Phần 3: Chế độ cai trị kiểu nửa-Leninist của Quốc Dân Đảng
1. LIN, C.-. (1998, May). Paths to Democracy: Taiwan in Comparative Perspective. Yale University.
 2. P. (2020b, September 15). Chiến thắng Biên Giới Thủ Đông 1950 70 năm vịn nguyên giá trị lịch sử. <https://dangcongsan.vn/tien-toi-dai-hoi-dang-bo-cac-cap-vai-dai-hoi-xiii-cua-dang-tu-lieu-van-kien/chien-thang-bien-gioi-thu-dong-1950-70-nam-ven-nguyen-gia-tri-lich-su-563574.html>
 3. Introduction. (n.d.). Presidential Office. <https://english.president.gov.tw/page/93>
 4. 台北時報. (2020, February 26). The opposition party that never happened. Taipei Times. <https://www.taipetimes.com/News/feat/archives/2015/10/04/2003629214>
 5. Chao, L., & Myers, R. H. (2000). How Elections Promoted Democracy in Taiwan under Martial Law. The China Quarterly, 162, 387-409. <http://www.jstor.org/stable/656014>
 6. Chiang Ching-kuo | president of Taiwan. (n.d.). Encyclopedia Britannica. <https://www.britannica.com/biography/Chiang-Ching-kuo>
 7. Low, Z. (2017, May 17). Remembering Green Island's First Political Prisoners. The News Lens International Edition. <https://international.thenewslens.com/article/68499>
 8. Mathews, J., Mathews, J., Report, W. P. S. W. S. W. D. O. C. T. T., & Mathews, J. (1985, January 16). Taiwan Admits Role in Murder Of U.S. Author. Washington Post. <https://www.washingtonpost.com/archive/politics/1985/01/16/taiwan-admits-role-in-murder-of-us-author/5e98e4eb-6c60-47e7-8e51-8ac38c0d6d6f/>
 9. Tu Cheng-sheng (2007). Taiwan's Educational Reform and the Future of

- Taiwan. Taiwan's Ministry of Education's website. <https://english.moe.gov.tw/cp-117-21022-B8B67-1.html>
10. Editor Winberg Chai (2000) The Transformation of the Mass Media in Taiwan since 1950: Introduction, Asian Affairs: An American Review, 27:3, 133-140, DOI: 10.1080/00927670009598836
 11. Ho, M. (2012). Beyond Tokenism: The Institutional Conversion of Party-Controlled Labour Unions in Taiwan's State-Owned Enterprises (1951-86). The China Quarterly, 212, 1019-1039. doi:10.1017/S0305741012001257
 12. Ho, M., & Ho, M. (2007). The Rise and Fall of Leninist Control in Taiwan's Industry. The China Quarterly, 189, 162-179. <http://www.jstor.org/stable/20192741>
 13. Kau, M. Y. M. (1996). The Power Structure in Taiwan's Political Economy. Asian Survey, 36(3), 287-305. <https://doi.org/10.2307/2645693>
 14. 台北時報. (2020b, March 4). KMT is again 'world's richest party'. Taipei Times. <https://www.taipetimes.com/News/taiwan/archives/2014/07/24/2003595820>

7 ĐIỀU CƠ BẢN VỀ AN NINH VÀ QUAN HỆ QUỐC TẾ CỦA ĐÀI LOAN

1. Taiwan | History, Flag, Map, Capital, Population, & Facts. (2022, February 27). Encyclopedia Britannica. <https://www.britannica.com/place/Taiwan>
2. Ministry of Foreign Affairs, Republic of China (Taiwan)-Diplomatic Allies. (n.d.). Ministry of Foreign Affairs, Republic of China (Taiwan). <https://en.mofa.gov.tw/AlliesIndex.aspx?n=1294&sms=1007>
3. The Learning Network. (2011, October 25). Oct. 25, 1971 | People's Republic of China In, Taiwan Out, at U.N. <https://learning.blogs.nytimes.com/2011/10/25/oct-25-1971-peoples-republic-of-china-in-taiwan-out-at-un/>
4. Kua-Teng, L. (2019, December 3). What Is Taiwan's Legal Status According to International Law, Japan, and the US? The News Lens International Edition. <https://international.thenewslens.com/feature/taiwan-for-sale-2020/128242>
5. Constitution of the Republic of China (Taiwan) – Article Content – Laws & Regulations Database of The Republic of China (Taiwan). (n.d.). Law.Moj.Gov. Tw. <https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=A0000001>
6. Additional Articles of the Constitution of the Republic of China – Article Content – Laws & Regulations Database of The Republic of China (Taiwan). (n.d.). Law.Moj.Gov.Tw. <https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=A0000002>
7. 台北時報. (2020, September 27). Constitution has little to do with Taiwan: professor. Taipei Times. <https://www.taipetimes.com/News/taiwan/archives/2020/09/28/2003744216>
8. Sudworth, B. J. (2020, January 14). China needs to show Taiwan respect, says president. BBC News. <https://www.bbc.com/news/world-asia-51104246>
9. Taiwan Relations Act (Public Law 96-8, 22 U.S.C. 3301 et seq.). (2020, December 30). American Institute in Taiwan. <https://www.ait.org.tw/our-relationship/policy-history/key-u-s-foreign-policy-documents-region/taiwan-relations-act>
10. Reflections on 25 years ago—risks for a fourth Taiwan Strait Crisis | AEI. (2021, March 24). American Enterprise Institute – AEI. <https://www.aei.org/articles/reflections-on-25-years-ago-risks-for-a-fourth-taiwan-strait-crisis>

11. Declassified Cables: Taiwan Arms Sales & Six Assurances (1982). (2020, August 31). American Institute in Taiwan. <https://www.ait.org.tw/our-relationship/policy-history/key-u-s-foreign-policy-documents-region/six-assurances-1982>
12. Key U.S. Foreign Policy Documents for the Region. (2020, December 29). American Institute in Taiwan. <https://www.ait.org.tw/our-relationship/policy-history/key-u-s-foreign-policy-documents-region>
13. The Diplomat. (2018, November 13). What Does the 1992 Consensus Mean to Citizens in Taiwan? <https://thediplomat.com/2018/11/what-does-the-1992-consensus-mean-to-citizens-in-taiwan>
14. Taiwan has Turned a Page of History on the. (n.d.). Mainland Affairs Council. <https://tinyurl.com/2jyve6m>
15. Election Study Center, NCCU-Taiwan Independence vs. Unification with the Mainl. (n.d.). Election Study Center – NCCU. <https://esc.nccu.edu.tw/PageDoc/Detail?fid=7801&id=6963>
16. Zhu, Z. (2021, November 7). Breaking the Taiwan Status Quo Will Lead to Crisis. The National Interest. <https://nationalinterest.org>

CÓ THÈ BẠN CHƯA ĐẾN | ĐẠI ĐẠO TRÌNH: NỖ LỊCH SỰ BẮT ĐẦU

1. 台北時報. (2020, March 4). The 228 Incident. Taipei Times. Retrieved September 20, 2022, from <https://www.taipaitimes.com/News/editorials/archives/2004/02/28/2003100472>
2. Initium Media (端傳媒). (2021, June 20). Who Was Chen Wen-hsi? The First Victim of the 228 Massacre. The Taiwan Gazette. Retrieved September 11, 2022, from <https://www.taiwangazette.org/news/2020/3/4/who-was-chen-wen-hsi-the-first-victim-of-the-228-massacre>
3. Xem [2].
4. Reporter, T. (2021, June 21). The 228 Massacre in Taipei: "Forced Into a Car, Never to Return." The Taiwan Gazette. Retrieved September 11, 2022, from <https://www.taiwangazette.org/news/2019/3/4/the-228-massacre-in-taipei-forced-into-a-car-never-to-return>
5. Xem [4]
6. Taiwan's White Terror: Remembering the 228 Incident. (n.d.). Foreign Policy Research Institute. Retrieved September 20, 2022, from <https://www.fpri.org/article/2017/02/taiwans-white-terror-remembering-228-incident/>
7. Xem [4].
8. Xem [6].
9. 台北時報. (2020e, March 4). Taiwan in Time: 228, after the apology. Taipei Times. Retrieved September 19, 2022, from <https://www.taipaitimes.com/News/feat/archives/2019/02/24/2003710307>
10. Weaver, S. (2016, September 2). Dadaocheng: New Life in a Historic District. The News Lens International Edition. Retrieved September 11, 2022, from <https://international.thenewslens.com/article/47752>
11. Wu, K. (2015, November 25). Dadaocheng: 1920s Cosmopolitan Taipei. Ketagalan Media. Retrieved September 11, 2022, from <https://ketagalanmedia.com/2015/10/30/dadaocheng-1920s-cosmopolitan-taipei/>
12. Jonathan Yeh. (n.d.). Taiwan Culture Portal - A walk into Taipei's past: Dihua Street. Culture.tw. Retrieved September 11, 2022, from https://web.archive.org/web/20130821075725/http://www.culture.tw/index.php?option=com_content&task=view&id=2385&Itemid=157
13. Taipei Travel. (2021). 2021 Taipei Xiahai City God Cultural Festival. Department

of Information and Tourism, Taipei City Government. <https://www.travel.taipei/en/event-calendar/details/25521>

14. Liu, B. C. M. (2019, February 14). Looking for a mate? Head to this Taiwan temple for a meeting with the "Love God." CNN. Retrieved September 19, 2022, from <https://edition.cnn.com/travel/article/love-god-temple-taipei-taiwan/index.html>
15. Xem [11]
16. Xem [11].
17. Xem [11].
18. Blessed to be a Global Citizen – the 100th Anniversary of the Taiwan Cultural Association. (n.d.). National Museum of Taiwan History. <https://www.nmth.gov.tw/en/exhibition?uid=127&pid=546>
19. Xem [11].

NHỮNG ĐIỀU BẠN CÓ THỂ CHƯA BIẾT VỀ TIẾNG DÀI LOAN

1. mandarin noun - Definition, pictures, pronunciation and usage notes | Oxford Advanced Learner's Dictionary at OxfordLearnersDictionaries.com. (n.d.). Retrieved September 19, 2022, from <https://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/mandarin>
2. Chinese languages | History, Characteristics, Dialects, Types, & Facts. (2022, August 24). Encyclopedia Britannica. Retrieved September 19, 2022, from <https://www.britannica.com/topic/Chinese-languages>
3. Taiwan | History, Flag, Map, Capital, Population, & Facts. (2022, September 18). Encyclopedia Britannica. Retrieved September 19, 2022, from <https://www.britannica.com/place/Taiwan>
4. Shei, C. C. (2021, March 4). Taiwan: Manipulation of Ideology and Struggle for Identity. Routledge. Page 56.
5. Taiwan - Taiwan as part of the Japanese empire. (n.d.). Encyclopedia Britannica. Retrieved September 19, 2022, from <https://www.britannica.com/place/Taiwan/Taiwan-as-part-of-the-Japanese-empire>
6. The National-language Movement in Colonial Taiwan, 1937-1945. (n.d.). Retrieved September 19, 2022, from <http://saturn.ihp.sinica.edu.tw/%7Ehuangk/nhist/6-2CY.html>
7. Amazon.com: Democratizing Taiwan: 9789004221543: J. Bruce Jacobs: Books. (n.d.). Page 6. Retrieved September 12, 2022, from <https://www.amazon.com/Democratizing-Taiwan-J-Bruce-Jacobs/dp/9004221549>
8. Shei, C. C. (2021, March 4). Taiwan: Manipulation of Ideology and Struggle for Identity. Routledge. Page 111.
9. Yeh, Yu-Ching & Ho, Hsiang-Ju & Chen, Ming-Chung. (2014). Learning Vietnamese as a heritage language in Taiwan. Journal of Multilingual and Multicultural Development. 36. 1-11. 10.1080/01434632.2014.912284.
10. Shei, C. C. (2021, March 4). Taiwan: Manipulation of Ideology and Struggle for Identity. Routledge. Page 99.
11. What Is the Bopomofo Chinese Phonetic System? (2019, January 27). ThoughtCo. Retrieved September 19, 2022, from <https://www.thoughtco.com/bopomofo-zhuyin-fuhao-2279518>

"MỘT TRUNG QUỐC" QUA CÁC ĐỜI TÔNG THỐNG HOA KỲ

1. 台北時報. (2020, March 5). Taiwan and the United Nations - Withdrawal in 1971 was an historic turning point. Taipei Times. <https://www.taipaitimes.com/News/local/archives/2001/09/12/0000102595>
2. JOINT COMMUNIQUE BETWEEN THE UNITED STATES AND CHINA, February 27,

- 1972, Xem nguyên văn tại Wilson Center Digital Archive: <https://digitalarchive.wilsoncenter.org/document/121325>
3. Huang, C. (2020, May 11). Normalization Communiqué (1979). Formosan Association for Public Affairs. <https://fapa.org/normalization-communicue-1979/>
4. H.R.2479 - 96th Congress (1979–1980): Taiwan Relations Act. (1979). Congress.Gov | Library of Congress. <https://www.congress.gov/bills/96th-congress/house-bill/2479>
5. Bella, T. (2022, May 24). Kissinger says Ukraine should cede territory to Russia to end war. The Washington Post. Retrieved September 25, 2022, from <https://www.washingtonpost.com/world/2022/05/24/henry-kissinger-ukraine-russia-territory-davos/>
6. Holdridge, John, Crossing the Divide: An Insider's Account of Normalization of U.S.-China Relations (Rowman & Littlefield Publishers, 1997), trang 90.
7. White House, Memorandum of Conversation, February 22, 1972
8. Levine, S. I. (1978). China Policy during Carter's Year One. Asian Survey, 18(5), 437-447. <https://doi.org/10.2307/2643458>
9. Milestones: 1977- 1980 China Policy. (2022). Office of the Historian. <https://history.state.gov/milestones/1977-1980/china-policy>
10. Garrison, J. A. (2002). Explaining Change in the Carter Administration's China Policy: Foreign Policy Adviser Manipulation of the Policy Agenda. Asian Affairs, 29(2), 83-98. <http://www.jstor.org/stable/30172543>
11. Downen, Robert L. "REAGAN POLICY OF STRATEGIC COOPERATION WITH CHINA: IMPLICATIONS FOR ASIAN-PACIFIC STABILITY." The Journal of East Asian Affairs, vol. 2, no. 1, 1982, pp. 43-69.
12. Republican Platform, Proposed by the Committee on Resolutions to the Republ National Convention, July 14, 1980, Detroit, Michigan
13. Managing the Status Quo: Continuity and Change in the United States' Taiwan Policy. (2021). GIGA Focus Asia. <https://www.giga-hamburg.de/en/publications/giga-focus-managing-status-quo-continuity-change-united-states-taiwan-policy>
14. Nicholas G. Hahn III (2007) Reagan-Sino Legacy: Relations of the United States and China in the 1980s, Washington Institute of China Studies, Vol. 2 No. 2
15. George, B. C. W. A. S. (2018, December 2). How George H.W. Bush became Beijing's "old friend" in the White House. CNN. <https://edition.cnn.com/2018/12/01/asia/george-h-w-bush-china-intl>
16. Everington, K. (2018, December 3). George HW Bush's muted response to Tiananmen Massacre greatest US China policy failure: Scholar. Taiwan News. <https://www.taiwannews.com.tw/en/news/3588537>
17. Bill Clinton, "Confronting the Challenges Of a Broader World", U.S. Department of State
18. Josh Carter (2001) Turning Away: The Clinton Administration's Taiwan Policy, Student Journal of Politics. <https://cpb-us-w2.wpmucdn.com/about.illinoisstate.edu/dist/e/34/files/2019/09/jcarter.pdf>
19. Mike McCurry, "State Department Regular Briefing," Federal News Service, 8 September 1994
20. Sutter, Robert. "The Taiwan Problem in the Second George W. Bush Administration-US Officials' Views and Their Implications for US Policy." The Journal of Contemporary China, vol. 15, no. 48, 2006, pp. 417-41, <https://doi.org/10.1080/10670560600736426>.
21. T.G.C. (2004). President Bush's Taiwan Policy: Immoral and Dangerous. CATO Institute. <https://www.cato.org/commentary/>

[president-bushs-taiwan-policy-immoral-dangerous#](#)

22. Ross, R. S. (2012). The Problem With the Pivot: Obama's New Asia Policy Is Unnecessary and Counterproductive. *Foreign Affairs*, 91(6), 70–82. <http://www.jstor.org/stable/41720935>

23. Rahawestri, M. A. (2010). Obama's Foreign Policy in Asia: More Continuity than Change. *Security Challenges*, 6(1), 109–120. <http://www.jstor.org/stable/26459473>

24. OBAMA Barack, & Joe BIDEN, “Barack Obama and Joe Biden: Protecting US Interests and Advancing American Values in Our Relationship with China”, juin 2008, <<http://www.barackobama.com/pdf/FactSheetChina.pdf>>, consulté le 29 juillet 2008.

25. Brunnstrom, D. P. Z. (2015, December 17). Obama administration authorizes \$1.83-billion arms sale to Taiwan. Reuters. <https://www.reuters.com/article/us-usa-taiwan-arms-idUSKBN0722C520151217>

26. 台北時報. (2020a, March 3). Obama to retain Taiwan policy. Taipei Times. <https://www.taipetimes.com/News/taiwan/archives/2008/11/06/2003427863>

27. How Biden is Building on Trump's Legacy in Taiwan. (2021). Center for Strategic and International Studies. <https://www.csis.org/blogs/new-perspectives-asia/how-biden-building-trumps-legacy-taiwan>

--- CHÍNH SÁCH “MỘT TRUNG QUỐC” CỦA ĐÀI LOAN KÉO LÙI NƯỚC NÀY RA SAO?

1. Ask DAG. (2022, September 7). Where can I find information about the founding members of the UN? <https://ask.un.org/faq/243656>

2. Staff, R. (2021, October 25). Taiwan, U.S. discuss UN participation ahead of key anniversary. U.S. Retrieved September 12, 2022, from <https://www.reuters.com/article/us-taiwan-usa-un-idCAKBN2HE014>

3. Jacobs, B. J. . (2006, March 13). One China, diplomatic isolation and a separate Taiwan, 16 | China's R. Taylor & Francis. Retrieved September 12, 2022, from <https://www.taylorfrancis.com/chapters/edit/10.4324/9780203099841-16/one-china-diplomatic-isolation-separate-taiwan-bruce-jacobs>

4. 台北時報. (2020, March 4). Taiwan specialist Bruce Jacobs dies in Melbourne. Taipei Times. Retrieved September 12, 2022, from <https://www.taipetimes.com/News/front/archives/2019/11/25/2003726439>

5. Winkler, S. (2016, August 25). Taiwan's UN Dilemma: To Be or Not To Be. Brookings. Retrieved September 12, 2022, from <https://www.brookings.edu/opinions/taiwans-un-dilemma-to-be-or-not-to-be/>

6. Worsnip, P. (2007, September 19). Taiwan rejected in high-profile bid to join U.N. U.S. Retrieved September 12, 2022, from <https://www.reuters.com/article/us-taiwan-un-idUSN1926872820070919>

7. Laws & Regulations Database of The Republic of China (Taiwan). (1947, January 1). Constitution of the Republic of China (Taiwan). <https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=A0000001>

8. Constitutional Court R.O.C. (Taiwan). (1954, January 29). Constitutional Interpretation No. 31. <https://cons.judicial.gov.tw/en/docdata.aspx?fid=100&id=310212>

9. Amazon.com: Democratizing Taiwan: 9789004221543; J. Bruce Jacobs: Books. (n.d.). Page 76. Retrieved September 12, 2022, from <https://www.amazon.com/Democratizing-Taiwan-J-Bruce-Jacobs/dp/9004221549>

10. Constitutional Court R.O.C. (Taiwan). (1990, June 21). Constitutional Interpretation

No. 261. <https://cons.judicial.gov.tw/en/docdata.aspx?fid=100&id=310442>

11. DREYER, J. T. (1992). Taiwan's December 1991 Election. *World Affairs*, 155(2), 67–70. <http://www.jstor.org/stable/20672342>

12. COPPER, J. F. (1992). Taiwan's 1992 Legislative Yuan Election. *World Affairs*, 155(2), 71–79. <http://www.jstor.org/stable/20672343>

13. Shei, C. C. (2021, March 4). Taiwan: Manipulation of Ideology and Struggle for Identity. Routledge.

14. Amazon.com: Democratizing Taiwan: 9789004221543; J. Bruce Jacobs: Books. (n.d.). Page 6. Retrieved September 12, 2022, from <https://www.amazon.com/Democratizing-Taiwan-J-Bruce-Jacobs/dp/9004221549>

15. Amazon.com: Democratizing Taiwan: 9789004221543; J. Bruce Jacobs: Books. (n.d.). Page 19. Retrieved September 12, 2022, from <https://www.amazon.com/Democratizing-Taiwan-J-Bruce-Jacobs/dp/9004221549>

16. Election Study Center (2022, July 12). Taiwanese / Chinese Identity(1992/06–2022/06). Election Study Center, NCCU. <https://esc.nccu.edu.tw/PageDoc/Detail?fid=7800&id=6961>

--- ĐÀI LOAN TRONG HƠN BA THẬP NIÊN DÂN CHỦ HÓA: CẦN TÍNH DÂN TỘC MỚI, VÀ NHẬN THỨC KHÁC VỀ TRUNG QUỐC

1. Sui, B. C. (2016, March 13). Taiwan Kuomintang: Revisiting the White Terror years. BBC News. Retrieved September 11, 2022, from <https://www.bbc.com/news/world-asia-35723603>

2. Election Study Center (2022, July 12). Taiwanese / Chinese Identity(1992/06–2022/06). Election Study Center, NCCU. <https://esc.nccu.edu.tw/PageDoc/Detail?fid=7800&id=6961>

3. Election Study Center (2022, July 12). Taiwan Independence vs. Unification with the Mainland(1994/12–2022/06). Election Study Center, NCCU. <https://esc.nccu.edu.tw/PageDoc/Detail?fid=7801&id=6963>

4. BBC News. (2019, February 1). Taiwan profile - Timeline. Retrieved September 11, 2022, from <https://www.bbc.co.uk/news/world-asia-16178545>

5. 中華民國總統府. (n.d.). Retrieved September 11, 2022, from <https://www.president.gov.tw/>

6. Xem [4].

7. 台北時報. (2020, March 4). Taiwan in Time: Life after the Wild Lily. Retrieved September 11, 2022, from <https://www.taipetimes.com/News/feat/archives/2018/03/11/2003689059>

8. Ross, R. S. (2000). The 1995–96 Taiwan Strait Confrontation: Coercion, Credibility, and the Use of Force. *International Security*, 25(2), 87–123. <http://www.jstor.org/stable/2626754>

9. Times, T. N. Y. (1996, March 24). TAIWAN'S LEADER WINS ITS ELECTION AND A MANDATE. The New York Times. Retrieved September 11, 2022, from <https://www.nytimes.com/1996/03/24/world/taiwan-s-leader-wins-its-election-and-a-mandate.html>

10. NEWS WIRES. (2010, July 22). Human Rights Watch report slams China's 2008 crackdown in Tibet. France 24. Retrieved September 11, 2022, from <https://www.france24.com/en/20100722-china-tibet-crackdown-human-rights-watch-report>

11. Maizland, L. (2022, May 19). Hong Kong's Freedoms: What China Promised and How It's Cracking Down. Council on Foreign Relations. Retrieved September 11, 2022, from <https://www.cfr.org/background/hong-kong-freedoms-democracy-protests-china-crackdown>

12. Xem [3].

13. Xem [3].

14. Xem [3].

KHI CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI TẮT THỜ: TÔN GIÁO Ở ĐÀI LOAN ĐÃ CHUYỂN MÌNH TỰ DO NHƯ THẾ NÀO?

1. Walking through 228 : 10 Facts About 228. (2017, February 27). OFTaiwan. Retrieved September 15, 2022, from <https://oftaiwan.org/2015/02/27/walking-through-228-10-facts-about-228/>

2. Taiwan's White Terror: Remembering the 228 Incident. (n.d.-b). Foreign Policy Research Institute. Retrieved September 15, 2022, from <https://www.fpri.org/article/2017/02/taiwans-white-terror-remembering-228-incident/>

3. Laliberté, A. (2009, June). The Regulation of Religious Affairs in Taiwan: From State Control to Laisser-faire? *Journal of Current Chinese Affairs*, 38(2), 53–83. <https://doi.org/10.1177/186810260903800203>

4. Uncompleted Transitional Justice in Taiwan: Repression of Religious and Spiritual Minorities and the Tai Ji Men Case. (2021, October). The Journal of Censur, Volume 5 (Issue 5), 68–93. <https://doi.org/10.26338/tjoc.2021.5.5.5>

5. Xem [3].

6. Xem [3].

7. Xem [3].

8. R. Katz, P. (2003, June). Religion and the State in Post-War Taiwan. The China Quarterly, Page 402. <https://www.jstor.org/stable/20059000?seq=8#metadata-info-tab-contents>

9. Phương, T. (2020, November 13). Miên Nam sau 30/4/1975: Tàn phá các đền miếu, biến danh nhân thành tội nhân. *Luật Khoa Tập Chí*. Retrieved September 15, 2022, from <https://luatkhoa.org/2020/04/mien-nam-sau-30-4-1975-tan-pha-cac-den-mieu-bien-danh-nhan-thanh-toi-nhan/>

10. Richard Madsen. (2007, November). Democracy's Dharma Religious Renaissance and Political Development in Taiwan. <https://content.ucpress.edu/chapters/10896.ch01.pdf>

11. 台北時報. (2020, March 4). FEATURE: Church played catalyst role on road to reforms. Taipei Times. Retrieved September 15, 2022, from <https://www.taipetimes.com/News/taiwan/archives/2007/08/13/2003373915>

12. Xem [11].

13. Xem [11].

14. Reporter, T. (2021a, June 20). Life Under Martial Law: It Was Suddenly Over, But Then What? The Taiwan Gazette. Retrieved September 15, 2022, from <https://www.taiwangazette.org/news/2019/7/14/life-under-martial-law-it-was-suddenly-over-but-then-what>

15. Gazette, T. T. (2022, August 14). The Law and Politics of Taiwan's Transitional Justice: An Interview with Cheng-Yi Huang (Part 1). The Taiwan Gazette. Retrieved September 15, 2022, from <https://www.taiwangazette.org/news/2022/7/15/the-law-and-politics-of-taiwans-transitional-justice-an-interview-with-cheng-yi-huang>

16. Xem [3].

17. Xem [4].

18. Xem [4].

19. Massimo Introvigne. (2022, April). The Tai Ji Men Case and European Values: A Test for Democratic Taiwan. The European Times. <https://www.europeantimes.news/2022/04/the-tai-ji-men-case-and-european-values-a-test-for-democratic-taiwan/>

20. Xem [4].

21. Massimo Introvigne. (2022, April). The Tai Ji Men Case and European Values: A Test for Democratic Taiwan. The European Times. <https://www.europeantimes.news/2022/04/the-tai-ji-men-case-and-european-values-a-test-for-democratic-taiwan/>

22. Xem [4].
23. 台北時報. (2020b, March 4). Suspected murderer of former Taoyuan County official escapes police. Retrieved September 15, 2022, from <https://www.taipeitimes.com/News/front/archives/1999/09/20/0000003243>
24. Women's foundation seeks financial aid - Taipei Times. (2020, March 1). Retrieved September 15, 2022, from <https://www.taipeitimes.com/News/taiwan/archives/2003/07/06/2003058253>
25. 台北時報. (2020a, March 3). Exonerated man given compensation. Taipei Times. Retrieved September 15, 2022, from <https://www.taipeitimes.com/News/taiwan/archives/2015/06/30/2003621929>
26. 台北時報. (2020b, March 3). Time to focus on preventing crime. Taipei Times. Retrieved September 15, 2022, from <https://www.taipeitimes.com/News/editorials/archives/2006/04/26/2003304687>
27. Xem [4].
28. Xem [4].
29. Xem [4].
30. Reporter, S. (1996, October 13). Politician linked to cult leader. South China Morning Post. Retrieved September 15, 2022, from <https://www.scmp.com/article/177880/politician-linked-cult-leader>
31. Xem [3].
32. Xem [4].
33. Xem [4].
34. Xem [4].
35. Xem [3].
36. Xem [3].
37. Xem [3].
38. Xem [3].
39. Taiwan Business TOPICS Magazine. (2015, October 21). Religion in Taiwan: When Faith and Money Collide. The News Lens International Edition. Retrieved September 15, 2022, from <https://international.thenewslens.com/article/26900>

ĐỌC SÁCH CÙNG ĐOÀN TRANG | LÀM THẾ NÀO ĐỂ KIẾN TẠO MỘT QUỐC GIA DÂN CHỦ? – BÀI HỌC TỪ MỘT TIỂU LUẬN THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA

1. Việt Nam trước lựa chọn dân chủ. (1972). Google Books. Retrieved 2021, from https://books.google.com.tw/books?id=Aq5LAAAAAAAJ&q=inauthor:%22V%C4%83n%C3%82n+Tr%E1%BA%A7n%22&dq=inauthor:%22V%C4%83n%C3%82n+Tr%E1%BA%A7n%22&hl=zh-TW&sa=X&redir_esc=y
2. Nguyễn Hoài Văn. (2002, Sep 11). Tiểu sử Cụ Trần Văn Ân. Nam Kỳ Lục Tỉnh. <https://sites.google.com/site/namkyluctinhorg/tac-gia-tac-pham/n/nguyen-hoai-van/tieu-su-cu-tran-van-an>

TIẾNG ANH | HẠN CHẾ CỦA VIỆT NGŨ: DÂN TỘC – QUỐC GIA – NHÀ NƯỚC

1. Carrai, M. (2019). Sovereignty in China: A Genealogy of a Concept since 1840 (Cambridge Studies in International and Comparative Law). Cambridge: Cambridge University Press. doi:10.1017/9781108564861
2. Larin, Stephen J., Conceptual Debates in Ethnicity, Nationalism, and Migration (2010). THE INTERNATIONAL STUDIES ENCYCLOPEDIA, pp. 438-457, Robert Denemark, ed., Wiley-Blackwell, 2010, Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=1934606>
3. İnaç, H., & Ünal, F. 2013. The Construction of National Identity in Modern Times: Theoretical Perspective. International Journal of Humanities and Social Science 3(11): 223–232.

VIỆT NAM CỘNG HÒA | 8 ĐIỀU ĐÁNG CHÚ Ý VỀ HIẾN PHÁP 1956 CỦA VIỆT NAM CỘNG HÒA

1. Hiến pháp 1956 của Việt Nam Cộng hòa (bản tiếng Việt): <http://www.vietnamvanhien.org/HienPhapVIETNAMCONGHOA1956.pdf>.
2. Hiến pháp 156 của Việt Nam Cộng hòa (bản tiếng Anh): <https://www.worldstatesmen.org/South-Vietnam-Constitution1956.pdf>.
3. Cullather, N. (2006, June). Here's the Beef: Religion, Culture, and Ngo Dinh Diem. Diplomatic History, 30(3), 553–557. <https://doi.org/10.1111/j.1467-7709.2006.00566.x>
4. Nghị giả hạn: Nếu một công chức đặc cử dân biểu thì phải nghỉ giả hạn. Nghị giả hạn không có nghĩa là bị loại khỏi cơ quan nhà nước mà trái lại được đặt trong một tình trạng đặc biệt nhưng đương sự – lễ di nhiên không hưởng lương bổng – vẫn giữ quyền thăng thưởng và hưu bổng. Nếu một dân biểu chấp nhận một công vụ – được xem là bất khả kiêm nhiệm thì đương nhiên dân biểu ấy được xem là từ chức nhiệm vụ dân biểu của mình. (Trích: Luật Hiến pháp và Chính trị học, Giáo sư Nguyễn Văn Bổng)
5. Nguyễn Quốc Tấn Trung. (2016, January 12). 7 sự thật thú vị về Thông điệp Liên Bang Hoa Kỳ. Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://luatkhoa.org/2016/01/7-su-that-thu-vi-ve-thong-diep-lien-bang-hoa-ky/>
6. Accueil | Cour de cassation. (2022, September 19). Courdecassation.fr. <https://www.courdecassation.fr>
7. Delvolvé, P. (2007). Le Conseil d'État, cour suprême de l'ordre administratif. Pouvoirs, 123, 51-60. <https://doi.org/10.3917/pouv.123.0051>
8. Lê Hằng. (2019). Luận tội và phé truất Tổng thống Trump – Dễ hay khó? Luật Khoa Tạp Chí; Luật Khoa tạp chí. <https://luatkhoa.org/2019/01/luan-toi-va-phe-truat-tong-thong-trump-de-hay-kho>

